

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HỒ THỊ XUÂN QUỲNH

**VẤN ĐỀ TIẾP NHẬN VĂN HỌC ĐƯƠNG ĐẠI VÀ THỊ
HIỂU THẨM MỸ CỦA THANH NIÊN NGÀY NAY**
**(QUA KHẢO SÁT TÌNH HÌNH ĐỌC SÁCH CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG
ĐẠI HỌC CẦN THƠ)**

LUẬN VĂN THẠC SĨ NGỮ VĂN

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2005.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
-----oOo-----

HỒ THỊ XUÂN QUỲNH

**VẤN ĐỀ TIẾP NHẬN VĂN HỌC ĐƯƠNG ĐẠI VÀ
THỊ HIẾU THẨM MỸ CỦA THANH NIÊN NGÀY NAY**
(QUA KHẢO SÁT TÌNH HÌNH ĐỌC SÁCH CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ)

CHUYÊN NGÀNH : LÝ LUẬN VĂN HỌC
MÃ SỐ : 60.22.32

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS. HUỲNH NHƯ PHƯƠNG



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2005.

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin chân thành cảm ơn Quý Thầy, Cô đã tận tình giảng dạy trong suốt thời gian tôi học tập tại Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh. Đặc biệt, tôi xin chân thành cảm ơn ***PGS.TS Huỳnh Như Phương*** đã tận tình hướng dẫn tôi thực hiện luận văn.

Cảm ơn Ba, Mẹ, gia đình và bạn bè đồng nghiệp đã hỗ trợ vật chất cũng như làm chỗ dựa tinh thần trong suốt thời gian tôi học tập và thực hiện luận văn.

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn này là một công trình nghiên cứu độc lập, những số liệu cũng như trích dẫn được nêu ra trong luận văn đều chính xác và trung thực.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	1
LỜI CAM ĐOAN.....	2
MỤC LỤC.....	3
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
1.Lý do chọn đề tài:.....	1
2.Lịch sử vấn đề:.....	2
3.Mục đích yêu cầu:	3
4.Phạm vi đề tài:	4
5.Phương pháp nghiên cứu:	5
6.Đóng góp của luận án:	5
7.Kết cấu luận án:	6
CHƯƠNG 1: MỐI QUAN HỆ GIỮA TIẾP NHẬN VĂN HỌC VÀ THỊ HIẾU THẨM MỸ.....	7
1.1.Tiếp nhận văn học- vấn đề cốt lõi của mỹ học tiếp nhận:	7
1.1.1.Giới thuyết về tiếp nhận văn học:	7
1.2.Đặc trưng của sự tiếp nhận văn học:.....	20
1.2.1.Sự tiếp nhận văn học của người đọc mang tính trực cảm:	20
1.2.2.Tính phong phú, đa dạng, nhiều vẻ của sự tiếp nhận văn học:	23
1.3.Thị hiếu thẩm mỹ - một trong những vấn đề trung tâm của sự tiếp nhận văn chương:	28
1.3.1.Giới thuyết về thị hiếu thẩm mỹ:.....	28
1.3.2.Thị hiếu thẩm mỹ luôn thay đổi theo từng giai đoạn lịch sử, theo từng dân tộc, từng giai cấp, từng giới, từng thế hệ, từng độ tuổi:.....	29

1.3.3.Thị hiếu thẩm mỹ tạo nên nhu cầu tiếp nhận văn học:.....	31
1.4.Mối quan hệ giữa tiếp nhận văn học và thị hiếu thẩm mỹ là mối quan hệ thống nhất và biện chứng:	33
1.4.1.Mối quan hệ giữa thị hiếu thẩm mỹ và tiếp nhận văn học là mối quan hệ giữa chủ thể thẩm mỹ và đối tượng thẩm mỹ:.....	33
1.4.2.Mối quan hệ giữa thị hiếu thẩm mỹ và tiếp nhận văn học là mối quan hệ giữa nhu cầu thẩm mỹ và hoạt động tiếp nhận thẩm mỹ:	33
1.4.3.Mối quan hệ giữa thị hiếu thẩm mỹ và tiếp nhận văn học là mối quan hệ giữa phương thức thẩm mỹ và đặc trưng thẩm mỹ của đối tượng thẩm mỹ:..	34
1.4.4.Mối quan hệ giữa thị hiếu thẩm mỹ và tiếp nhận văn học là mối quan hệ giữa tiêu chuẩn thẩm mỹ và giá trị thẩm mỹ:	35
1.4.5.Mối quan hệ giữa thị hiếu thẩm mỹ và tiếp nhận văn học là mối quan hệ giữa chủ thể tiếp nhận với chủ thể sáng tạo:	36
CHƯƠNG 2: SỰ TIẾP NHẬN VĂN HỌC VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI CỦA THANH NIÊN NGÀY NAY	37
2.1.Mấy nét đặc trưng của bối cảnh xã hội hiện nay:.....	37
2.1.1.Thời đại cách mạng khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão:.....	37
2.1.2.Thời đại của xu thế toàn cầu hóa với các mối giao lưu rộng lớn xuyên quốc gia, xuyên lục địa:.....	37
2.1.3.Thời đại bùng phát nạn khủng bố và những cuộc chiến tranh cục bộ mang tính sắc tộc và tôn giáo:.....	39
2.1.4.Thời đại của kinh tế thị trường:.....	39
2.1.5.Thời đại bùng nổ thông tin:	40
2.2.Văn hóa đọc của thanh niên Việt Nam ngày nay trong bối cảnh thế giới đương đại:	41
2.2.1.Văn hóa đọc là văn hóa bậc cao dựa trên cơ sở tiếp nhận bằng cách đọc và thẩm định những ký hiệu được biểu thị bằng ngôn ngữ, chữ viết:.....	41

2.2.2. Văn hóa đọc của thanh niên Việt Nam hiện nay:	48
2.3. Xu hướng tiếp nhận văn học của thanh niên Việt Nam hiện nay:	52
2.3.1. Thanh niên ngày nay thích đọc truyện ngắn hơn là đọc tiểu thuyết, đọc thơ, đọc ký:	52
2.3.2. Thanh niên ngày nay thích tiếp nhận những tác phẩm "vượt ải" hơn là "khô khan". Họ thích cụ thể hơn khái quát. Do vậy những tác phẩm có chất trí tuệ làm cho họ chán đọc:	61
2.3.3. Thanh niên Việt Nam ngày nay thích đọc tiểu thuyết chương của Kim Dung và tiểu thuyết tình yêu của Quỳnh Dao, đọc để thưởng thức, để giải trí:	62
2.4. Thanh niên ngày nay với việc tiếp nhận các tác phẩm văn học trong nhà trường:	63
2.4.1. Thanh niên ngày nay tiếp nhận tác phẩm văn học do áp lực thi cử:	64
2.4.2. Thanh niên ngày nay tiếp nhận tác phẩm văn học do yêu cầu hướng nghiệp:	66
CHƯƠNG 3: VẤN ĐỀ THỊ HIỆU THẨM MỸ CỦA THANH NIÊN NGÀY NAY QUA VIỆC TIẾP NHẬN VĂN HỌC ĐƯƠNG ĐẠI	68
3.1. Sự thay đổi về thị hiếu thẩm mỹ của từng thế hệ, từng giai đoạn lịch sử: ..	68
3.1.1. Thị hiếu thẩm mỹ của thanh niên ngày nay:	68
3.2. Thị hiếu thẩm mỹ của thanh niên ngày nay qua việc tiếp nhận văn học đương đại:	74
3.2.1. Kết quả khảo sát được tổng hợp bằng các bảng thống kê dưới đây:	75
2.2.1.1. Khảo sát sở thích cá nhân và việc nắm bắt thông tin về tác phẩm mới của thanh niên ngày nay:	75
3.2.1.2. Khảo sát sự tiếp nhận văn học của sinh viên Đại học Cần Thơ về thể loại, về đề tài, về tác phẩm và phong cách nhà văn:	82
3.2.1.3. Khảo sát sự tiếp nhận văn học của sinh viên Đại học Cần Thơ về	

<i>hiệu quả, về thể loại truyện ngắn, về khuynh hướng sáng tác, về thành tựu và hạn chế của văn học Việt Nam đương đại:</i>	<i>104</i>
<i>3.2.1.4.Khảo sát sự tiếp nhận văn học nước ngoài:</i>	<i>111</i>
<i>3.2.1.5.Khảo sát sự tiếp nhận văn học với những đề xuất, những thái độ và vị thế của văn học Việt Nam đương đại:</i>	<i>112</i>
<i>3.2.2.Nhận xét chung:</i>	<i>117</i>
PHẦN KẾT LUẬN.....	119
TÀI LIỆU THAM KHẢO	123
PHẦN PHỤ LỤC	129

PHẦN MỞ ĐẦU

I. Lý do chọn đề tài:

Khác với cách nhìn nhận về thành tựu văn học thuộc các giai đoạn quá khứ, ngày nay, khi bàn tới sự phát triển của một nền văn học đương đại ở một quốc gia nào đấy không thể chỉ căn cứ vào sự hùng hậu của đội ngũ các nhà văn, nhà thơ và chất lượng của các tác phẩm mà còn phải nói tới lực lượng công chúng người đọc, người thưởng thức đặc biệt là bạn đọc trẻ tuổi, bạn đọc thanh niên.

Nhà văn, nhà thơ sáng tác theo quy luật của tình cảm và quy luật của cái đẹp mà cái đích cuối cùng họ hướng tới là người đọc. Trong thực tế, có những người viết nên tác phẩm không phải để xuất bản cho mọi người đọc mà do sự thôi thúc từ bên trong, từ nội tâm muốn viết ra để thể nghiệm. Nhưng hiện tượng trên chỉ là cá biệt. Còn hầu hết các nhà văn, nhà thơ đều có ý nguyện thiết tha là tác phẩm của họ viết ra mong sớm đến tay người đọc. Ngày nay, quan hệ giữa người viết và người đọc được xác lập rất mật thiết, khăng khít mà trước kia chưa bao giờ được xác lập như thế. Tác giả cũng chính là người đọc đầu tiên đối với những tác phẩm của chính họ. Nhưng họ không dễ gì phán định được một cách khách quan chân xác giá trị các tác phẩm mà họ đã sáng tạo nên. Nếu tự họ định giá các tác phẩm của chính họ thì dễ rơi vào tình trạng "mình hát, rồi tự mình khen hay" hoặc "văn mình vợ người". Công chúng độc giả rất phong phú, đa dạng, là "tai", là "mắt" tinh tường. Người đọc càng phong phú, đa dạng thì nhu cầu tiếp nhận văn học cũng càng trở nên phong phú đa dạng. Nhu cầu và thị hiếu thẩm mỹ của công chúng người đọc tác phẩm trở thành một vòng những động lực phát triển của mọi nền văn học.

Nếu ví nhà văn, nhà thơ là "mẹ đẻ" sinh ra "đứa con" tinh thần là tác phẩm thì nhà phê bình chuyên nghiệp (người đọc cao cấp) là "bà đỡ" và công chúng độc giả là "mẹ nuôi" nuôi dưỡng "đứa con" tinh thần của nhà văn, nhà thơ. Những tác phẩm văn chương chân chính, những kiệt tác văn học bao giờ cũng có sức sống trường tồn trong lòng người đọc.

Công chúng độc giả- chủ thể tiếp nhận văn chương- có nhiều loại. Mỗi loại người đọc lại có trình độ tiếp nhận khác nhau và thị hiếu thẩm mỹ khác nhau. Sự khác nhau này là bởi nhiều nguyên nhân: khác nhau về mục đích tiếp nhận, khác nhau về động cơ tiếp nhận, khác nhau về năng lực cảm thụ, khác nhau về thị hiếu thẩm mỹ hay nói như "Mỹ học tiếp nhận"

là khác nhau về "tâm đón nhận". Nên không thể lược quy một chiều khi bàn về việc tiếp nhận một tác phẩm văn chương. Thị hiếu thẩm mỹ của mỗi dân tộc và mỗi thời đại khác nhau sẽ khác nhau, không những thế thị hiếu thẩm mỹ cũng khác nhau bởi giai cấp, giới tính khác nhau và ở từng độ tuổi khác nhau. Tuổi nhỏ thường thích đọc những tác phẩm có cốt truyện ly kỳ, nhưng khi trưởng thành lại hay thích tiểu thuyết tâm lý hay tiểu thuyết viết về đề tài tình yêu,...Thị hiếu thẩm mỹ luôn luôn thay đổi. Đây cũng là một trong những yếu tố thúc đẩy văn học phát triển. Nếu thị hiếu thẩm mỹ của công chúng người đọc không thay đổi thì không thể nào có sự vận động phát triển của văn học được.

Người đọc- người tiếp nhận văn học- chính là chủ thể bình giá, định giá cho mọi tác phẩm văn chương. Tác phẩm văn chương sau khi ra đời, có "sống" được hay không là bởi sự tiếp nhận của người đọc. Một tác phẩm văn chương non kém không thể tồn tại lâu dài, bởi người đọc không tiếp nhận. Ngược lại, một tác phẩm bất hủ là tác phẩm trường tồn trong sự tiếp nhận của người đọc thuộc nhiều thế hệ, nhiều dân tộc.

Nền văn học Việt Nam đương đại, đặc biệt là giai đoạn từ 1986 đến nay, có những bước phát triển khởi sắc. Muốn biết được sự phát triển của nền văn học Việt Nam đương đại Ương sự tiếp nhận, ghi nhận của người đọc - đặc biệt là người đọc thuộc thế hệ trẻ - như thế nào thì phải khảo sát, điều tra một cách khách quan. Đề tài này được triển khai thực hiện trên cơ sở đường hướng ấy.

Thế hệ trẻ ngày nay có thị hiếu thẩm mỹ mới, rất nhạy bén, sắc sảo đặc biệt trong việc tiếp nhận các tác phẩm văn chương đương đại. Việc khảo sát sự tiếp nhận văn học đương đại của tầng lớp thanh niên, sinh viên ngày nay chính là nắm bắt xu thế, chiều hướng tiếp nhận văn học đương đại và thị hiếu thẩm mỹ của thế hệ trẻ trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Với lý do trên nên tôi chọn đề tài ***“Vấn đề tiếp nhận văn học đương đại và thị hiếu thẩm mỹ của thanh niên ngày nay”*** (Qua khảo sát tình hình đọc sách của sinh viên trường Đại học Cần Thơ).

2.Lịch sử vấn đề:

Việc tiếp nhận văn học đương đại diễn ra thường xuyên, được thể hiện trong nhiều bài nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học trên các báo, tạp chí chuyên ngành như báo *"Văn nghệ"* và tạp chí *"Tác phẩm mới"*- nay là tạp chí *"Nhà văn"* của Hội Nhà văn Việt Nam, tạp chí *"Văn học"*- nay là tạp chí *"Nghiên cứu văn học"* của Viện Văn học, tạp chí *"Diễn đàn văn nghệ Việt Nam "* của Trung ương Liên hiệp các Hội văn học- nghệ thuật Việt Nam. Kể

từ năm 1986 đến nay, sau khi những tác phẩm mới được xuất bản, đặc biệt là những tác phẩm đặc sắc, đều được những người làm công tác phê bình văn học viết bài giới thiệu như: nhà văn Nguyễn Ngọc với bài: " *Văn xuôi sau 1975 thử thăm dò đôi nét về quy luật phát triển*", TS. Mai Hương với bài : " *Nhìn lại văn xuôi 1992*" (Tập chí Văn học, số 3- 1993), Lê Thị Hường với bài : " *Quan niệm con người cô đơn trong truyện ngắn hôm nay*", (Tập chí Văn học, số 2-1994), TS. Vũ Tuấn Anh với bài: " *Quá trình văn học đương đại nhìn từ phương diện thể loại*" (Tập chí Văn học, số 9-1996), TS. Bích Thu với bài: " *Những thành tựu của truyện ngắn sau 1975*" (Tập chí Văn học, số 9-1996),...

Đó là **việc tiếp nhận** văn học Việt Nam đương đại. Còn **vấn đề tiếp nhận** văn học Việt Nam đương đại cũng đã xuất hiện một số bài như: " *Nghĩ về công chúng văn học của chúng ta hiện nay*" (Tập chí Văn học, số 4-1990) của nhà nghiên cứu văn học Từ Sơn, " *Xung quanh việc tiếp nhận văn học hiện nay* " (Tập chí Văn học, số 6- 1990) của TS. Vương Anh Tuấn, " *Về một cách tiếp cận văn bản văn chương trên phương diện các phạm trù ý*" (Tập chí Văn học, số 1-1992) của TS. Nguyễn Thị Thanh Hương..

Tất cả các bài viết trên chỉ trình bày sự tiếp nhận của chính bản thân tác giả là người phê bình và có khi điếm qua vấn đề tiếp nhận của công chúng tiếp nhận nói chung về một thể loại của văn học Việt Nam đương đại chứ chưa đi vào khảo sát sự tiếp nhận của chủ thể tiếp nhận là thế hệ trẻ đối với các tác phẩm văn học Việt Nam đương đại.

Đề tài "***Vấn đề tiếp nhận văn học đương đại và thị hiếu thẩm mỹ của thanh niên ngày nay***" (Qua khảo sát tình hình đọc sách của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ) thì chưa hề được ai đề cập tới. Đặc biệt là việc khảo sát sự tiếp nhận văn học của đối tượng là những người đọc thuộc thế hệ trẻ. Song đây không phải là sự tiếp nhận văn học nói chung mà là việc tiếp nhận văn học Việt Nam đương đại của thanh niên ngày nay.

3.Mục đích yêu cầu:

Đề tài này nhằm thực hiện các mục đích yêu cầu sau:

- Vận dụng lý thuyết mỹ học tiếp nhận và luận giải những quy luật tiếp nhận văn học để khảo sát, tìm hiểu sự tiếp nhận và thị hiếu thẩm mỹ của sinh viên ngữ văn (cũng như sinh viên các ngành học khác) tại trường Đại học Cần Thơ đối với các tác phẩm văn học đương đại. (Ở đây, bao gồm cả cách tiếp nhận và thái độ tiếp nhận).

- Nắm bắt xu hướng tiếp nhận và thị hiếu thẩm mỹ của thanh niên ngày nay trong việc

đọc các tác phẩm văn học đương đại.

- Xác lập những yêu cầu mới trong tiếp nhận cũng như trong thị hiếu thẩm mỹ của thanh niên ngày nay đối với các tác phẩm văn học Việt Nam đương đại.

- Thấy được mặt mạnh, mặt yếu của văn học Việt Nam đương đại và những đòi hỏi, những yêu cầu bức xúc của người đọc nói chung và thế hệ trẻ nói riêng đối với văn học đương đại.

- Từ đó, thử đề xuất một vài suy nghĩ về hướng sáng tạo của nhà văn, nhà thơ nên bước đường đi tới để có nhiều tác phẩm đáp ứng lòng mong mỏi của người đọc.

- Mặt khác, rút ra được những vấn đề cho việc đổi mới phương pháp nhằm nâng cao chất lượng các bài giảng văn học đương đại ở các cấp học phổ thông cũng như ở bậc đại học.

4. Phạm vi đề tài:

Vấn đề tiếp nhận văn học đương đại và thị hiếu thẩm mỹ của thanh niên ngày nay là một vấn đề lớn, vừa liên quan trực tiếp đến việc tiếp nhận của người đọc là thế hệ trẻ, tầng lớp thanh niên, lại vừa liên quan đến việc sáng tác của các nhà văn, nhà thơ đương đại.

Đề tài luận văn này được giới hạn bởi ba phạm vi:

- Một là, phạm vi chủ thể tiếp nhận được khảo sát. Công chúng người đọc-người tiếp nhận văn học Việt Nam đương đại rất phong phú, đa dạng thuộc nhiều lứa tuổi, nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau, giới tính khác nhau, tầm đón nhận khác nhau, sở thích khác nhau...Đề tài luận văn này chỉ "đóng khung" trong phạm vi đối tượng cần khảo sát là sinh viên ngữ - văn (và sinh viên các chuyên ngành khác) ở Trường Đại học Cần Thơ.

- Hai là phạm vi phân kỳ sự ra đời của những tác phẩm được tiếp nhận. Phạm vi này liên quan đến thuật ngữ đương đại. Các nhà nghiên cứu văn học của Trung Quốc đã lấy các thời điểm lịch sử làm mốc cho sự phân kỳ của lịch sử văn học Trung Quốc. Họ lấy năm 1919 (có phong trào Ngũ Tứ) làm mốc cho giai đoạn văn học hiện đại và năm 1949 (nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời) làm mốc cho văn học đương đại. Nếu theo cách phân kỳ văn học này, ta có thể lấy năm 1945-năm ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa làm mốc cho giai đoạn văn học Việt Nam đương đại. Nhưng những tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại được nói tới trong luận văn này chỉ giới hạn ở những tác phẩm mới

được các tác giả viết xong và xuất bản từ 1986 (năm khởi đầu công cuộc đổi mới của Đảng ta) đến nay.

- Ba là phạm vi giới hạn của các tác phẩm văn học được tiếp nhận trong luận văn này là những tác phẩm văn học Việt Nam thời đương đại. Nhưng chỉ tính những tác phẩm ra đời từ 1986 đến nay.

Trong quá trình triển khai, đề tài sẽ nảy sinh những mối quan hệ với các vấn đề khác như đặc trưng của văn chương, đặc trưng của hoàn cảnh tiếp nhận văn học hiện nay, đặc trưng của hoạt động tiếp nhận văn học,...Nhưng đề tài này chỉ giới hạn trong việc khảo sát và luận giải sự tiếp nhận văn học Việt Nam đương đại và thị hiếu thẩm mỹ của thanh niên ngày nay.

5.Phương pháp nghiên cứu:

Xuất phát từ tính chất, đặc điểm và yêu cầu của đề tài, luận văn này được triển khai bằng các phương pháp:

- Vận dụng mỹ học tiếp nhận để xây dựng cơ sở lý thuyết về những quy luật tiếp nhận văn học Việt Nam đương đại của thanh niên ngày nay.

- Dựa vào lý thuyết mỹ học tiếp nhận và thực tế tình hình tiếp nhận văn học Việt Nam đương đại của thế hệ trẻ hiện nay, tiến hành khảo sát, điều tra xã hội học đối với sinh viên Ngữ - văn và sinh viên các chuyên ngành khác về việc tiếp nhận văn học Việt Nam đương đại.

- Dùng phép loại suy để so sánh lịch đại hoặc đồng đại khi luận giải và nhận xét hiện trạng việc tiếp nhận văn học Việt Nam đương đại của sinh viên Đại học Cần Thơ.

- Luận văn còn được triển khai bằng các phương pháp thống kê, diễn dịch, quy nạp.

6.Đóng góp của luận án:

- Xác lập được những đặc điểm nổi bật của quy luật tiếp nhận văn học và thị hiếu thẩm mỹ của tầng lớp thanh niên ngày nay đối với văn học Việt Nam đương đại trong bối cảnh của sự bùng nổ thông tin, cách mạng khoa học- kỹ thuật phát triển như vũ bão và kinh tế thị trường.

- Đề xuất một số giải pháp cho sáng tác và nghiên cứu cũng như giảng dạy phần văn học đương đại trong nhà trường (kể cả trường phổ thông và trường đại học).

7.Kết cấu luận án:

- Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án có cấu trúc 3 chương.

CHƯƠNG 1: MỐI QUAN HỆ GIỮA TIẾP NHẬN VĂN HỌC VÀ THỊ HIẾU THẨM MỸ

1.1. Tiếp nhận văn học- vấn đề cốt lõi của mỹ học tiếp nhận:

1.1.1. Giới thuyết về tiếp nhận văn học:

Trong quá trình hình thành và phát triển của chuyên ngành lý luận văn học, đã và đang nảy sinh nhiều lý thuyết của nhiều trường phái, nhiều khuynh hướng nghiên cứu. Một trong những lý thuyết đã góp phần lấp khoảng trống của lý luận văn học và lịch sử văn học, là lý thuyết mỹ học tiếp nhận. Tuy hệ thống lý thuyết mỹ học tiếp nhận mới được xác lập vào những năm 60 của thế kỷ XX, nhưng nó đã nhanh chóng được vận dụng vào nghiên cứu và giảng dạy văn học một cách có hiệu quả. Mỹ học tiếp nhận được thừa nhận như là một lý thuyết mới về tiếp nhận văn học, song nó có tiền đề ngay từ thời cổ đại Hy Lạp. Lần đầu tiên trong lịch sử mỹ học của nhân loại, Platon- một triết gia Hy Lạp cổ đại - đã đưa ra các quan điểm mỹ học của mình, trong đó có đề cập đến sự tác động của nghệ thuật đối với công chúng độc giả, đề cập đến khoái cảm và thị hiếu của người tiếp nhận nghệ thuật. Những quan điểm của Platon về tâm lý học nghệ sĩ và công chúng độc giả chỉ mới ở dạng tự phát nên chưa có tính hệ thống cao và còn nhiều hạn chế, chẳng hạn như khi ông cho rằng nghệ thuật chỉ là sự bắt chước, là những phản quang mờ nhạt của ý niệm và khoái cảm thẩm mỹ "*Là kẻ bịp bợm tồi tệ nhất*" [15,58]. Song ương những quan niệm của ông thời ấy đã manh nha những yếu tố của mỹ học tiếp nhận sau này, góp phần vào việc mở ra một hướng nghiên cứu mới cho văn học nghệ thuật. Cụ thể hơn, Platon còn phân loại các thị hiếu từ thấp đến cao theo các tiêu chí: lứa tuổi, trình độ văn hóa, địa vị xã hội của công chúng độc giả. Tuy vậy, điều đáng tiếc là Platon đã tự hạ thấp vai trò của văn học nghệ thuật khi ông cho rằng : nghệ thuật là triết học nghèo nàn còn triết học mới là nghệ thuật xuất sắc. Điều này cũng phần nào nói lên sự hạn chế bởi tính chất nguyên hợp của các khoa học thời. ấy. Đồ đệ của Platon là Aristote đã tiếp tục sự nghiệp của thầy mình bằng lý thuyết về catharsis - lý thuyết về sự thanh lọc. Thực ra, Aristote không phải là người đầu tiên nói tới thuật ngữ catharsis mà Pythagoras - nhà toán học nổi tiếng của Hy Lạp thời cổ đại mới là người đầu tiên nêu ra thuật ngữ này. Pythagoras đã cho rằng : âm nhạc có khả năng thanh lọc tâm hồn khỏi những đam mê thấp hèn và loại trừ được cả những căn bệnh của cơ thể con người. Platon cũng nói tới catharsis khi ông luận giải nó như là "*sự thanh lọc tâm hồn khỏi mọi yếu tố thể chất làm hại đến cái đẹp của ý niệm*" [15,35] mà ông chưa đưa nó vào nghệ thuật.

Aristote trở thành người đầu tiên đưa thuật ngữ catharsis vào mỹ học khi ông cho rằng: mọi vở bi kịch "*với những tình tiết làm thức tỉnh tình thương và nỗi sợ hãi, và qua đó thực hiện sự thanh lọc (catharsis) đối với những cảm xúc ấy*" [15,35]. Từ đó, ta có thể hiểu catharsis như là hiệu quả thẩm mỹ của tác phẩm nghệ thuật nói chung và văn chương nói riêng đối với người thưởng thức nghệ thuật hay tiếp nhận các tác phẩm bi kịch. Với lý thuyết ấy, Aristote đã luận giải theo chiều hướng khám phá những tác động màu nhiệm của nghệ thuật thanh lọc, gột rửa tâm hồn con người cũng như con người đã tiếp nhận nghệ thuật như thế nào.

Có thể nói Platon và Aristote là những người khởi xướng cho sự ra đời của lý luận mỹ học tiếp nhận hiện đại.

Mỹ học tiếp nhận ra đời dựa trên cơ sở sự hợp thành của ba khuynh hướng lý luận tiếp cận tác phẩm và người đọc. Khuynh hướng lý luận thứ nhất là xem tác phẩm văn chương như là sản phẩm nghệ thuật được sáng tác ra để tiếp nhận, thưởng thức tác phẩm như là một văn bản, một thông báo nghệ thuật như một mã đặc thù, hướng tới sự tiếp nhận của người đọc. Ở khuynh hướng lý luận này, có tên tuổi của Roman Ingarden (1931), R.Jacobson (1959), Vugotski (1965), Z.Niro (1974), M.Policob (1978), Saporob (1968), Marcob (1970), Goranob (1970), Mikhailova (1976),... Khuynh hướng lý luận thứ hai, nghiêng hẳn về việc đọc tác phẩm, cắt nghĩa tác phẩm bằng các quy luật của giao tiếp và tiếp nhận, đi vào tâm lý học tiếp nhận, giải thích học, sự đồng sáng tạo của người đọc. Ở khuynh hướng lý luận này nổi lên tên tuổi của các nhà nghiên cứu Potebnia (1894), Gadamer (1960), H.R.Jauss (1967), W.Iser (1976), Khrapchenko (1976), Boreb (1981). Khuynh hướng lý luận thứ ba nghiên cứu các quy luật và các vấn đề lịch sử- xã hội của tiếp nhận như cách đọc tâm phân học, cách đọc xã hội học, cách đọc "phê bình mới". Ở khuynh hướng lý luận này, có tên tuổi của Plekhanob (1918), Eliot (1919), Risot (1924), Livis (1932).

Theo H.R.Jauss- người chính thức "khai sinh" cho mỹ học tiếp nhận bằng công trình "*Lịch sử văn học như là sự khiêu khích đối với khoa học văn học*" (1970) thì những nguyên lý chú giải triết học của H.G.Gadamer là yếu tố khởi phát, là điều kiện phương pháp luận tiên quyết của mỹ học tiếp nhận. Mặt khác, H.R.Jauss cũng thừa nhận chủ nghĩa cấu trúc với lý thuyết của R.Ingarden đã làm tiền đề cho sự ra đời của mỹ học tiếp nhận. Một trong những luận điểm quan trọng của R.Ingarden khi bàn về tác phẩm văn chương là: "*Mọi tác phẩm văn chương đều dang dở, luôn đòi hỏi sự bổ sung mà không bao giờ ta đạt tới giới*

hạn cuối cùng bằng văn bản" [17,189]. Luận điểm này đã gợi được hướng "đi" cho mỹ học tiếp nhận. Sự "đang dở" của mọi tác phẩm văn chương mà R. Ingarden nói tới ấy là thuộc phần sáng tác của nhà văn, nhà thơ mà người đọc sẽ là người "bổ sung", hoàn bị để khắc phục sự "đang dở" ấy. Nếu như mỹ học sáng tạo là mỹ học của nhà văn, nhà thơ thì mỹ học tiếp nhận là mỹ học của người đọc. Khi nhà văn, nhà thơ "không bao giờ đạt tới giới hạn cuối cùng bằng văn bản" thì người đọc - người tiếp nhận- ở các thế hệ sau đó sẽ đưa tác phẩm "đạt tới giới hạn cuối cùng bằng văn bản", làm cho nó phong phú thêm, giàu màu, giàu sắc hơn. Tuy nhiên, với quan niệm tác phẩm là "nguyên bản" do tác giả nghĩ ra và thực hiện, R. Ingarden đã không thể bước qua cái ngưỡng nghiên cứu hành vi tiếp nhận và người tiếp nhận như một bậc độc lập, ngang bằng tác giả và tác phẩm. Sau này, đầu những năm 40 của thế kỷ XX, một số nhà nghiên cứu văn học thuộc trường phái cấu trúc Praha như F. Vodicka, H. Gadamer, L. Mucarovsky cũng đã sử dụng khái niệm "cụ thể hóa" nhưng đã khắc phục được hiện tượng học siêu hình của R. Ingarden. Các nhà cấu trúc luận Praha quan niệm "cụ thể hóa" là quá trình chẳng những tương quan với thực tại khách quan, thể hiện trong những cách hiểu tác phẩm của người tiếp nhận, mà còn mang những đặc điểm lịch sử cụ thể trong tiến trình phát triển lịch sử. Do vậy, cũng theo họ không thể xem tác phẩm văn học như là một sản phẩm vật chất bất biến, một đối tượng cụ thể xác định. Khi đến tay độc giả, tác phẩm văn học - đứa con tinh thần của nhà văn - không còn được nhà văn "chăm sóc, bảo trợ" nữa mà nó đã có một cuộc sống riêng, phong phú và đa dạng trong sự cảm thụ của độc giả: "*Bất cứ tác phẩm văn học nào cũng không phải là một sự thật "được vật chất hóa" hoàn bị và đông cứng trong tình trọn vẹn của nó, Nó là tổng thể của các quá trình khác nhau- một hệ thống trong đó thường xuyên diễn ra những biến đổi đa dạng đã được chỉnh lý*" [64,127] .

Bước sang những năm 60 của thế kỷ XX, với thiên tiểu luận nổi tiếng "*Lịch sử văn học như là sự khiêu khích đối với khoa học văn học*", giáo sư văn học Hans Robert Jauss cùng với những đồng nghiệp của mình như : W. Iser, R. Warning, H. Wainrich, G. Grimm,... ở trường Đại học Konstanz của Cộng hòa liên bang Đức - đã chính thức khai sinh một khuynh hướng mới trong nghiên cứu văn học. Khuynh hướng mới đó là mỹ học tiếp nhận. Có thể nói, công trình này của Hans Robert Jauss là một tác phẩm lý luận hoàn chỉnh nhất về những nguyên tắc mỹ học của quy luật tiếp nhận văn học của người đọc từ trước đến nay mà trong đó vai trò của độc giả đối với sự phát triển của lịch sử văn chương được đề cập khá rõ nét. Ngược với kiểu viết văn học sử của Gervinus và Scherer, của De Sanetis và

Lanson, với phương pháp văn học sử mà ông từng cho là “*chỉ sống lần hồi trong đời sống tinh thần của ngày hôm nay*”, qua cách trình bày của Hans Robert Jauss, người đọc dễ nhận ra ông là người “khai sáng”- người mở hướng cho việc nghiên cứu tác phẩm. Giờ đây, tác phẩm văn chương không chỉ là của người viết mà còn là của người đọc. H.R.Jauss rõ ràng là người đã có công rất lớn trong việc bổ khuyết, lấp khoảng trống cho chuyên ngành nghiên cứu văn học sử. Nếu như trước đây trong giới nghiên cứu chỉ chú ý đến văn học sử tác giả và văn học sử tác phẩm thì đến H.R. Jauss lịch sử văn học đã được viết lại, đó không chỉ là văn học sử của tác giả và văn học sử tác phẩm mà còn là văn học sử của độc giả- người đọc- một cách có hệ thống. Hans Robert Jauss cho rằng mỹ học mácxít chính thống và trường phái hình thức chủ nghĩa đều xem nhẹ người đọc: “*Người đọc, người nghe, và người xem, nói ngắn gọn là công chúng, đóng vai trò hết sức hạn chế trong cả hai trường phái lý luận nhấc đèn trên đây. Mỹ học mácxít chính thống đối xử với người đọc – nếu có để ý – cũng giống như với tác giả : hoặc là nghiên cứu vị trí xã hội của anh ta, hoặc là xác định vị trí đó từ phân tầng xã hội được mô tả. Trường phái hình thức thì chỉ cần đến người đọc như là chủ thể quan sát, người- theo sự chỉ dẫn của văn bản-cần phải phân biệt hình thức hoặc phải nhận ra thao tác. Người ta gán cho người đọc cái khả năng quan sát thuộc về lý thuyết của một nhà ngữ văn, người có thể nói năng với sự hiểu biết các công cụ nghệ thuật*” [39,84]. Ý kiến ấy của Jauss có phần thiếu khách quan khi ông cho rằng trường phái lý luận mácxít xem nhẹ vai trò của người đọc. Trong thực tế, trường phái lý luận mácxít coi trọng vai trò của người đọc. Một biểu hiện rất cụ thể của vấn đề này là lý luận văn học mácxít đề cao chức năng của văn học. Đề cao chức năng của văn học không chỉ là đề cao tác dụng, tác động của văn học đối với xã hội và con người nói chung mà còn chính là đề cao người đọc- người tiếp nhận bởi chức năng văn học chỉ có thể được thực hiện qua sự tiếp nhận của người đọc. Suy đến cùng, nếu một tác phẩm văn chương mà không có người đọc thì nó không thể nào thực hiện được chức năng của chính nó. Như thế cũng có nghĩa là tác phẩm không thể tồn tại được khi không có người đọc- người tiếp nhận. Chức năng của văn học là hiệu quả của các tác phẩm văn học sau khi được người đọc tiếp nhận. Đối với lý luận văn học mácxít, người đọc- người tiếp nhận- là mục đích cao nhất mà các nhà văn, nhà thơ phải hướng tới. Câu hỏi “Viết cho ai” luôn được Hồ Chí Minh - nhà thơ lớn của dân tộc- tự đặt ra trước mỗi lần Người chấp bút là một câu hỏi hoàn toàn hướng tới người đọc- người tiếp nhận khi người đọc- người tiếp nhận luôn là mục đích của mọi sáng tạo văn chương.

Điều đáng ghi nhận ở đây là Jauss cho rằng “*tác phẩm văn học trước hết là để nói với*

người đọc" và ông xem các nhà phê bình, các nhà văn, các nhà nghiên cứu lịch sử văn học : *"tất cả họ trước hết là những người đọc"*. Ngoài ra, Jauss còn xác lập vai trò, vị trí của người đọc: "Trong cái tam giác tác giả, tác phẩm và người thưởng thức, thì người thưởng thức không phải là phần sáng tạo thụ động hay chỉ là mắc xích đơn giản của hoạt động tiếp nhận, mà chính là năng lượng tạo thành lịch sử. Sự tồn tại lịch sử của tác phẩm văn học không thể bỏ được nếu thiếu sự tham gia tích cực của người đọc". [39,84]. Với cách nhìn của Jauss, ta có thể gọi khoa nghiên cứu lịch sử văn học truyền thống thuộc mỹ học "*khép kín*", còn mỹ học tiếp nhận lại là mỹ học "*mở*". Trước đây, khoa lịch sử văn học truyền thống, khi nghiên cứu tác phẩm chỉ biết gán tác phẩm với tác giả để xét sự ra đời, sự sinh thành của tác phẩm thì mỹ học tiếp nhận đã gán tác phẩm với người đọc để xét sự tồn tại của tác phẩm. Do vậy, đóng góp trước hết của mỹ học tiếp nhận là đã làm rõ sự tồn tại và quy luật tồn tại của tác phẩm văn chương. Nói cách khác, mỹ học tiếp nhận của Jauss đã luận giải chính xác về "*cuộc đời*" cũng như "*tuổi thọ*" của tác phẩm văn chương. Mỹ học tiếp nhận cũng đã khám phá được mối quan hệ giữa người đọc với văn chương. Theo Hans Robert Jauss thì *"Mối quan hệ giữa người đọc và văn học đều có những hàm ý thâm mỹ và lịch sử. Hàm ý thâm mỹ có nghĩa là trong việc tiếp nhận lần đầu một tác phẩm đã có sự đánh giá giá trị thẩm mỹ, do người đọc so sánh tất cả với những gì đã đọc trước đó. Hàm ý lịch sử thể hiện qua việc ấn tượng của những người đọc đầu tiên được tiếp nối như là dây xích tiếp nhận từ thế hệ này qua thế hệ khác, nó có thể phong phú lên, thậm chí cổ những trường hợp nó đánh đổ giá trị thẩm mỹ và ý nghĩa lịch sử của một tác phẩm"*. [39,85]. Với quan niệm "*Sự đổi mới khoa nghiên cứu lịch sử văn học đòi hỏi chúng ta phải vứt bỏ những định kiến của chủ nghĩa khách quan lịch sử, xây dựng mỹ học sáng tạo và mô tả truyền thống thành mỹ học của sự tiếp nhận và ảnh hưởng*" [39,86], Hans Robert Jauss đã trở thành người tiên phong trong việc làm thay đổi đối tượng và phương pháp nghiên cứu văn học. Đây có thể xem là lời tuyên ngôn về một cuộc "cách mạng" trong nghiên cứu lịch sử văn học mà cuộc "cách mạng" ấy lại được tiến hành bằng mỹ học tiếp nhận. Mỹ học tiếp nhận đã làm thay đổi quan điểm và phương pháp nghiên cứu lịch sử văn học có từ thời G.Lanson khi ông cho ra đời cuốn nghiên cứu lịch sử văn học đầu tiên của thế giới là "*Lịch sử văn học Pháp*" (1894). Có thể nói, nếu Lanson là người khai sinh khoa nghiên cứu lịch sử văn học thì Hans Robert Jauss là người "khai sinh" mỹ học tiếp nhận để đổi mới quan điểm và phương pháp nghiên cứu văn học. Nếu như Lanson và những người kế thừa ông đã nghiên cứu văn học theo hướng đi của mỹ học sáng tạo thì Hans Robert Jauss lại nghiên cứu

lịch sử văn học theo hướng đi của mỹ học tiếp nhận. Trong nghiên cứu lịch sử văn học, mỹ học sáng tạo nghiêng hẳn về tác giả, tác phẩm và gần như chỉ chú ý đến mối quan hệ giữa chủ thể sáng tạo là tác giả với "đứa con" tinh thần của họ là tác phẩm, còn mỹ học tiếp nhận lại nghiêng hẳn về độc giả- những người tiếp nhận tác phẩm. Hans Robert Jauss quan niệm tính chất lịch sử của văn học không phải ở *"sự liên kết cổ được sau của các "dữ kiện văn học"*, mà là ở *sự tiếp nhận trước của người đọc về tác phẩm văn học* " [39,86]. Ông nhắc lại sự hạn chế của chủ nghĩa thực chứng rằng: *"Quan niệm thực chứng lịch sử - sự mô tả "khách quan" hàng loạt sự kiện được phát lại trong quá khứ xa xôi- đều bỏ qua tính nghệ thuật và tính lịch sử đặc trưng của văn học"* [39,86]. Ông khẳng định : *"Tác phẩm văn học không phải là vật tồn tại trong chính nó"* [39,86] và *"cũng không phải là tượng đài kỷ niệm công bố tính chất phi thời gian trong hình thức độc thoại của nó"* [39,86]. Về điểm này, H.R.Jauss hoàn toàn thống nhất với quan điểm của G.Picon, rằng : tác phẩm *"là lời nói mà trong khi vang lên nó phải tạo ra người đối thoại có khả năng hiểu nó"* [39,86]. Như vậy, tác phẩm văn chương bao giờ cũng mang tính đối thoại, về điểm này, có thể nói mỹ học tiếp nhận đã luận giải được sự tồn tại và phương thức tồn tại của tác phẩm văn học.

Lịch sử văn học, theo quan niệm của Hans Robert Jauss: ***"là lịch sử của quá trình tiếp nhận và sáng tạo mà người tiếp nhận xuất hiện qua nhà phê bình và nhà văn sáng tạo liên tiếp, là thực tại hóa các văn bản văn học thông qua họ"*** [39,86-87]. Trước khi mỹ học tiếp nhận ra đời, các nhà lý luận, phê bình, nghiên cứu lịch sử văn học chỉ tập trung vào việc luận giải bản chất và quy luật phát triển văn chương từ tác giả đến tác phẩm - từ chủ thể sáng tạo đến sản phẩm được sáng tạo. Đây là điểm "dừng", là giới hạn của khoa nghiên cứu văn học trước mỹ học tiếp nhận. Sự ra đời của mỹ học tiếp nhận đã "mở ra" hướng đi tiếp cho khoa nghiên cứu văn học. Hướng đi tiếp này nằm ngay ở khâu tiếp nhận. Nói cách khác, mỹ học sáng tạo chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu **sự ra đời** của tác phẩm văn học, còn mỹ học tiếp nhận thì đã đi vào việc nghiên cứu **sự tồn tại và vòng đời của tác phẩm văn học**. Tác phẩm văn học sau khi rời bàn tay sáng tạo của nhà văn, nhà thơ nó sẽ đi vào cuộc sống. Nói là **"đi vào cuộc sống"** chính là nói đến với người đọc- người tiếp nhận thuộc nhiều thế hệ qua nhiều biến thiên lịch sử. Có thể nói, nhà văn, nhà thơ là người sinh ra "đứa con tinh thần"-tác phẩm, còn người đọc là người nuôi dưỡng "đứa con tinh thần" ấy. Trong thực tế, những tác phẩm văn chương được người đọc đánh giá cao bao giờ cũng in đi in lại nhiều lần. Những tác phẩm đặc sắc, những kiệt tác văn chương đều được định giá từ phía người đọc. Không có người đọc thì tác phẩm văn học cũng không thể nào tồn tại được. Tác phẩm

văn học tồn tại trong sự tiếp nhận của người đọc. Thực tế rất đa dạng và phong phú, có khi tác giả chỉ-là một và tác phẩm cũng chỉ là một, nhưng người đọc thì có tới hàng nghìn, hàng vạn và hàng triệu người đọc nếu tác phẩm đó là kiệt tác. Vì vậy, ý nghĩa khách quan của hình tượng trong tác phẩm sẽ "sinh sôi nảy nở" trong sự tiếp nhận của người đọc. Mặc dù, chỉ là một tác phẩm, nhưng mỗi người đọc lại có một sự phán quyết khác nhau. Song trong quá trình luận giải quy luật tồn tại- quy luật sống còn của tác phẩm văn chương vì quá đề cao vai trò của người tiếp nhận, mỹ học tiếp nhận của Jauss đã rơi vào biểu hiện thấy "ngọn" mà không thấy "gốc", xem tác phẩm văn chương như là một sản phẩm tự nhiên mà người đọc- người tiếp nhận muốn hiểu thế nào tùy ý. Hầu hết các nhà lý luận mỹ học tiếp nhận không thấy được tác phẩm văn chương là "đứa con" tinh thần, là sản phẩm cao cấp của sự sáng tạo của nhà văn, nhà thơ. Bên cạnh đó, tác phẩm văn chương còn là công cụ giao tiếp, hội tụ các mối giao cảm của nhà văn, nhà thơ với người đọc- người tiếp nhận. Chính vì vậy, tiếp nhận văn học hoàn toàn không đồng nhất với sự khai thác một khía cạnh nào đó của tác phẩm từ góc độ của một chuyên ngành. Tiếp nhận văn học là sự thưởng thức, sự cảm thụ bằng trái tim, bằng khoái cảm thẩm mỹ, sự chiếm lĩnh toàn vẹn một hay nhiều tác phẩm văn chương. Nếu nhà văn là chủ thể sáng tạo thì người đọc là chủ thể tiếp nhận. Tác phẩm văn chương - sản phẩm của chủ thể sáng tạo trở thành đối tượng thưởng thức- cảm thụ của chủ thể tiếp nhận. Sự khác nhau của mỗi chủ thể tiếp nhận về một tác phẩm là một thực tế đã diễn ra trong tiến trình phát triển của lịch sử văn chương các nước trên thế giới. Có những tác phẩm ngay sau khi mới ra đời đã gây nên những cuộc tranh luận khá sôi nổi. Năm 1960 và 1961, trên tạp san "*Nghiên cứu văn học*" tiên thân của tạp chí "*Nghiên cứu văn học*" bây giờ, đã từng nổ ra cuộc tranh luận về chủ đề kịch bản chèo "*Mỵ Châu- Trọng Thủy*" của soạn giả Song Barn hay cuộc tranh luận về bài thơ "*Thề non nước*" của Tản Đà trên Tạp chí "*Văn học*" số 4-1974, số 1 và số 4- 1975, số 4- 1976, số 3 và số 4- 1977. Trong lịch sử, kiệt tác "*Truyện Kiều*" của đại thi hào Nguyễn Du cũng đã nảy sinh nhiều cách hiểu, cách đánh giá khác nhau. Có những tác phẩm ở thời điểm này bị phê phán kịch liệt, nhưng ở thời điểm khác lại được ca ngợi hết lời. Sở dĩ có tình trạng ấy là bởi mỗi người tiếp nhận một cách. Đây không phải là biểu hiện có tính chất cá biệt mà trong thực tế, nhiều tác phẩm văn học nằm trong tình trạng có những bước thăng trầm nhất định. Điều này cũng đã được nhà thơ Pháp thế kỷ XIX VI- như nói tới khi bàn đến công việc của các nhà phê bình văn học : "*Họ đã làm chết đi những người đang sống và làm sống lại những kẻ đã chết*". Rõ ràng tác phẩm văn chương cũng có "số phận", có "sinh mệnh" riêng của nó mà "số phận" và "sinh mệnh"

của nó lại nằm ở sự tiếp nhận và định giá của người đọc. Để cắt nghĩa về bước thăng trầm trong "đời sống" của những tác phẩm văn học như thế, Hans Robert Jauss đã đưa ra khái niệm "**tâm đón đợi**". Với khái niệm này, Hans Robert Jauss đã kế thừa khái niệm "tâm đón" của Karl Mannheim. Tuy nhiên H.R.Jauss đã sử dụng lại với hàm nghĩa là những nhu cầu và trình độ thưởng thức kết tinh từ kinh nghiệm sống, hứng thú, lý tưởng của mỗi một người đọc.

Trong thiên tiểu luận của mình, Hans Robert Jauss đã nêu rõ "con đường" và "hướng đi" của mỹ học tiếp nhận: "*Xây dựng mỹ học sáng tạo và mô tả truyền thống thành mỹ học của sự tiếp nhận và ảnh hưởng*" [39,86]. Vận dụng chú giải học triết học của H.G Gadamer, Hans Robert Jauss cho rằng tác phẩm văn chương có tính đối thoại và tạo nên khái niệm "*tâm đón đợi*" khi ông quan niệm: "*Những mối liên kết mang tính sự kiện của văn học trước hết được chuyển tiếp bởi tâm đón đợi của kinh nghiệm văn chương nơi những người đọc đương thời và sau đó, ở các nhà phê bình và các tác giả. Vì thế việc có thể quan niệm và mô tả lịch sử văn học trong tính lịch sử của chính nó hay không là phụ thuộc vào khả năng khách quan hóa **tâm đón đợi***" [39,87] gắn liền với khái niệm ***khoảng cách thẩm mỹ***. Do "*tâm đón đợi*" của mỗi người khác nhau, nên tất yếu dẫn tới sự cảm nhận về cùng một tác phẩm cũng khác nhau. Có thể hiểu, "*tâm đón đợi*" là trình độ và khả năng thẩm mỹ trong tâm thế thẩm mỹ háo hức, chờ mong của người đọc phóng tới để đón đầu xu thế vận hành những cảm xúc và sáng tạo của nhà văn trong một tác phẩm, trước khi người đọc đọc tác phẩm ấy. Nói cách khác, đây là sự mong chờ trong thị hiếu thẩm mỹ và lý tưởng thẩm mỹ của người đọc với một khả năng, một trình độ nào đó khi cầm một tác phẩm văn học trên tay mà chưa đọc hoặc đọc chưa hết. Bất kỳ thời kỳ nào cũng có tâm đón đợi, đó là sự hiểu biết của người đọc về các hình thức, thể loại, ngôn ngữ ... của tác phẩm văn học. Do đó cần phải khách quan hóa tâm đón đợi vì nếu không làm như vậy thì sẽ có hàng ngàn, hàng vạn cách hiểu về tác phẩm. Sau khi đọc xong một tác phẩm nào đó, có người cảm thấy khoan khoái trước cách "giải quyết" của nhà văn phù hợp với logic nội tại của tác phẩm, có người đọc cảm thấy không hài lòng về cách "mở nút" của nhà văn khi cốt truyện có phần dễ dãi ... Tác phẩm văn học tồn tại trong tính đối thoại của nó. Nó đối thoại với người đọc và đọc không chỉ là một sự cảm thụ mà còn là một sự sáng tạo. Mới đây, trên báo "*Văn nghệ trẻ*" của Hội Nhà văn Việt Nam số 32 (7-2003), nhà văn Lê Bầu xem việc dịch tác phẩm văn học là "*sáng tạo lại*"- là viết lại tác phẩm trong nguyên tác, khi dịch cũng là một sự tiếp nhận. Những nhóm người đọc khác nhau sẽ có "*tâm đón đợi*" khác nhau. Không những thế

mà 'Hàm đón đờ' của người đọc còn có sự thay đổi trong từng giai đoạn khác nhau. Nguyên nhân dẫn tới sự khác nhau về "*Tâm đón đờ*" của từng nhóm người đọc và sự thay đổi về "*Tâm đón đờ*" trong từng giai đoạn lịch sử không được Hans Robert Jauss bàn tới. Nhưng thực ra, biểu hiện này là do thị hiếu thẩm mỹ và lý tưởng thẩm mỹ của từng giai đoạn khác nhau, của từng độ tuổi khác nhau và có khi của từng thể chế chính trị khác nhau. Song nguyên nhân sâu xa nhất là **sự thay đổi về thị hiếu thẩm mỹ** của người đọc. Người đọc không phải là một bộ phận thụ động mà là nhân tố quan trọng tạo nên sự chuyển động của lịch sử văn học.

Trước đây, ở phương Đông quan niệm "*tri âm*" trong văn học cổ cũng được xem là một kiểu tiếp nhận văn học. Nếu ở phương Tây, việc tiếp nhận văn học là một hoạt động xã hội lịch sử, có tính khách quan thì ở phương Đông, việc tiếp nhận văn học theo tinh thần "*tri âm*" lại mang tính cá nhân, chủ quan thuần túy. Cơ sở của quan niệm "*tri âm*" trong tiếp nhận văn học của văn học cổ thời trung đại ở phương Đông là bởi nhà văn, nhà thơ xem việc sáng tác như là một cách để bộc lộ, để bày tỏ thái độ tình cảm trước một hiện tượng nào đó trong đời sống xã hội. Họ dùng tác phẩm văn học như là một phương tiện để gửi gắm nỗi lòng của mình. Trong tác phẩm "*Minh quyền thi tập*", tác giả Nguyễn Hành- người Tiên Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh, đậu tiến sĩ đời Lê- đã thể hiện rõ điều này: "*Tiếng kêu nào nùng của con quốc, cuối cùng là lơ lửng treo trên cành cây mà thôi. Ta kêu bằng văn chương, chữ nghĩa (HTXQ nhấn mạnh) đền quyền sách này là tốt cùng của sự đau khổ rồi. Ngõ hầu như thế được chăng? Nó sẽ có thanh âm đặc biệt. Ai là người nghe thấy được, lại có thể họa theo được, để nối tiếp tiếng kêu của cuốn sách này mà kêu lên? Thì ở trên trời ta sẽ nghe tiếng kêu của họ*" [94,158-159] .

Trong ý kiến trên, Nguyễn Hành xem tác phẩm của mình là phương tiện để bộc lộ tiếng kêu của cõi lòng, để bày tỏ một thái độ "*Ta kêu bằng văn chương, chữ nghĩa*" chứ không phải như tiếng kêu "*nào nùng của con quốc*" chỉ "*lơ lửng treo trên cành cây mà thôi*". Đồng thời, ông cũng mong muốn tác phẩm của ông - tiếng "*kêu bằng văn chương, chữ nghĩa*" ấy- sẽ tìm được tiếng nói tri âm từ phía người tiếp nhận: "*Ai là người nghe thấy được, lại có thể họa theo được, để nối tiếp tiếng kêu của cuốn sách này mà kêu lên?*". Nỗi mong muốn có được người tri âm của Nguyễn Hành cũng chính là nỗi lòng mong muốn của đại thi hào Nguyễn Du. Nếu Nguyễn Hành mong muốn người "*tri âm*" cùng thời thì Nguyễn Du lại khát khao mong muốn người "*tri âm*" với ông thuộc thế hệ hơn ba trăm năm

sau khi ông qua đời bởi đương thời không có ai "tri âm " với ông:

"Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?"

(Không biết hơn ba trăm năm sau

Trong thiên hạ có người nào khóc Tố Như không?)

Văn chương cũng là chuyện giao tiếp. Nhà văn giao tiếp với người đọc qua tác phẩm và bằng tác phẩm ươm mối quan hệ giữa người sáng tác với người tiếp nhận - người đọc. Có người sáng tác thì sẽ có người đọc và có người đọc thì ắt phải có người sáng tác. Trong tiến trình lịch sử văn học thế giới và Việt Nam, có những tác phẩm không phải viết ra để cho người khác tiếp nhận, có những kịch bản viết ra không phải để trình diễn, mà tự viết ra bằng sự thôi thúc của nội lực như là một sự "ngoại tại hóa" tình cảm bên trong để tự mình tiếp nhận, tự mình đọc lại, để tự mình chiêm nghiệm, tự nghiền ngẫm nhằm tự hiểu mình hơn. Song điều ấy chỉ là biểu hiện có tính cá biệt. Còn nhìn chung, nhà văn viết nên tác phẩm bao giờ cũng mong có người tiếp nhận có người hiểu mình, "tri âm" với mình qua việc tiếp nhận tác phẩm. Nhà văn "sinh nặng đẻ đau" ra "đứa con tinh thần" của họ là tác phẩm văn chương. Nếu "đứa con tinh thần" ấy của nhà văn rất chân chính, rất cao đẹp thì nó sẽ được nuôi dưỡng bằng "dòng sữa" mát lành của tình cảm người đọc. Nhà văn viết nên tác phẩm mà không có người đọc - người tiếp nhận- thì "đứa con tinh thần" ấy sẽ rơi vào tình trạng "hữu sinh vô dưỡng". Có nhiều người nông dân ở làng quê Nghệ Tĩnh thuộc lâu hầu hết các câu thơ trong "Truyện Kiều" và tỏ ra rất yêu "Truyện Kiều", nhưng khi có người hỏi đến tác giả kiệt tác "Truyện Kiều" là ai thì họ lại không hề biết đó là Nguyễn Du. Điều này chứng tỏ tác giả không "sống" trong lòng người đọc, nhưng tác phẩm, đặc biệt là kiệt tác, thì nó sẽ sống mãi trong lòng người đọc thuộc nhiều thế hệ, vượt lên trên cả lực cản của không gian và thời gian. Quan niệm "tri âm " trong văn học cổ hội tự được nhu cầu của hai phía, đó là phía người sáng tác và phía người đọc - người tiếp nhận. Người sáng tác có nhu cầu mong có người đọc, người tiếp nhận hiểu thấu được tiếng lòng và tài năng sáng tạo của mình trong tác phẩm. Người tiếp nhận có nhu cầu, có mong muốn cảm nhận được tâm linh và trí tuệ của nhà văn trong tác phẩm. Đây chính là sự "gặp gỡ", sự hòa hợp của hai tâm hồn đồng điệu: tâm hồn nhà văn- người sáng tác với tâm hồn người đọc- người tiếp nhận. Về mặt này, có thể thấy người đọc – người tiếp nhận nhất trí hoàn toàn, thống nhất hoàn toàn với mọi giải pháp của nhà văn, thấu hiểu sâu sắc tình cảm của nhà văn được thể hiện trong tác phẩm.

Quan niệm "*tri âm*" trong văn học cổ tuy hội tụ được nhu cầu cảm hòa của người sáng tác và người tiếp nhận, nhưng nó chỉ mới thể hiện được quan hệ một chiều từ tác giả - qua tác phẩm đến người đọc, người tiếp nhận. Ở thời trung đại, khi tác phẩm văn chương chưa trở thành hàng hóa trong mối quan hệ sản xuất và tiêu dùng thì tác phẩm văn chương thực sự là tiếng nói "*tri âm*". Người sáng tác mong được sự "*tri âm*" của người tiếp nhận, người tiếp nhận mong *tri âm* được tiếng lòng của người sáng tác trong tác phẩm. Nhà văn và độc giả thấu hiểu nhau qua tác phẩm và bằng tác phẩm. Người đọc thực sự buồn với nỗi buồn của nhà văn, đau với nỗi đau của nhà văn và vui với niềm vui của nhà văn ương tác phẩm. Sự *tri âm* của Chung Tử Kỳ khi nghe tiếng đàn của Bá Nha chỉ có trong giai thoại chứ ít khi có trong thực tế cuộc sống muôn màu muôn vẻ. Quan niệm "*tri âm*" trong văn học cổ thể hiện mối quan hệ "*thuận*", đơn nhất và thuần khiết giữa nhà văn và người tiếp nhận qua tác phẩm.

Quan niệm "*tri âm*" trong văn học cổ nảy sinh từ quan hệ giao tiếp thù tạc giữa những người sáng tác với những người tiếp nhận "*đồng bệnh tương lân, đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu*" (cùng bệnh nên thương xót nhau, cùng tiếng nên cùng đáp lại nhau, cùng một khí phách thì tìm đến nhau). Trừ những tác phẩm tự sự và "*kịch*" dài hơi đòi hỏi nhà văn phải có quá trình ấp ủ "*thai nghén*" nung nấu, còn hầu hết các bài thơ trữ tình trong văn học cổ đều được sáng tác không phải tại "*thư phòng*" hay tại trại sáng tác như bây giờ mà là tại các buổi thù tạc, giao tiếp. Chính trong các buổi giao tiếp thù tạc, những người có hồn thơ, có "*máu*" làm thơ mới xướng - họa với nhau bằng thơ. Người "*xướng*" chính là người sáng tác. Người "*hoa*" chính là người tiếp nhận. Người "*họa*" phải tiếp nhận một cách thấu triệt cái thần cốt của câu "*xướng*", lời xướng thì mới ra câu "*họa*" sâu sắc, ý nhị, tình tường đáp lại trong mối giao cảm "*đồng thanh tương ứng*" của sự "*tri âm*". Đó là hoàn cảnh "*tri âm*" để sản sinh ra những tác phẩm "*tri âm*" trong văn học cổ.

Từ thực tế sáng tác và tiếp nhận ấy, ta có thể thấy rằng quan niệm "*tri âm*" trong văn học cổ có giới hạn về đối tượng tiếp nhận văn học. Thời trung cổ, do hoàn cảnh lịch sử xã hội, do trình độ tư duy và cảm thụ còn hạn chế rất nhiều nên số lượng người tiếp nhận văn học bác học (văn học chữ viết) rất ít ỏi. Trong khi các tác giả của văn học bác học là những người trí thức thông lâu kinh sách thì quảng đại quần chúng nhân dân - lực lượng hùng hậu trong việc tiếp nhận văn học - lại đang trong tình trạng không biết chữ thì làm sao có được sự tiếp nhận "*tri âm*" của bao nhiêu người đọc rộng rãi trong quần chúng nhân dân? Do đó

thời xuất hiện những tác phẩm văn học cổ cũng chính là thời nhà văn đi tìm độc giả. Nhà văn có tìm độc giả thì mới lựa chọn được những người tiếp nhận "tri âm" với họ. Cũng chính vì số lượng người tiếp nhận "tri âm" rất hiếm hoi ít ỏi, có khi nhà văn, nhà thơ lại không tìm được, không chọn được, nên thi hào Nguyễn Du mới thốt lên tiếng lòng của niềm hoài vọng tìm những người tiếp nhận "tri âm" với nhà thơ như thế!

Đó cũng chính là niềm khắc khoải của nhiều nhà văn, nhà thơ đi tìm độc giả "tri âm" trong văn học cổ.

Đến thời hiện đại và đương đại thì tình hình tiếp nhận văn học lại khác hẳn. Nếu như ở thời trung đại, số lượng người tiếp nhận văn học bác học rất ít ỏi thì thời hiện đại và đương đại, số lượng người tiếp nhận văn học lại rất đông, hình thành một công chúng độc giả rất rộng lớn khi trình độ văn hóa, trình độ cảm thụ, thẩm định văn học của họ được nâng cao. Khi đời sống vật chất ngày càng phong phú, dồi dào thì nhu cầu tinh thần của con người theo đó càng phát triển. Trong nhu cầu tinh thần ấy, có nhu cầu sáng tạo và tiếp nhận văn chương. Việc tiếp nhận văn chương đã trở thành một trong những nhu cầu bức thiết của quảng đại các tầng lớp người trong xã hội. Nếu như ở thời trung đại - thời xuất hiện những tác phẩm văn học cổ - nhà văn đi tìm độc giả "tri âm" thì ở thời hiện đại và đương đại, độc giả lại đi tìm nhà văn, chọn nhà văn, chọn tác phẩm để tiếp nhận. Thời hiện đại và đương đại, không chỉ công chúng tiếp nhận văn học đông hơn, hùng hậu hơn, rộng lớn hơn mà trình độ tiếp nhận cũng cao hơn. Phương thức tiếp nhận cũng rất phong phú, khuynh hướng tiếp nhận cũng rất đa dạng. Có tiếp nhận để nghiên cứu, có tiếp nhận để phê bình, có tiếp nhận để thưởng thức và có tiếp nhận để "tri âm" như nhà thơ Tố Hữu đã từng nói: "*Thơ là tiếng nói đồng tình, đồng chí*". Bài thơ "*Kính gửi cụ Nguyễn Du*" được Tố Hữu sáng tác vào dịp kỷ niệm 200 năm ngày sinh đại thi hào Nguyễn Du (1765-1965) trong hoàn cảnh cả nước sôi nổi thực hiện khẩu hiệu "*Tất cả cho tiền tuyến! Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*". Cảm hứng chủ đạo của bài thơ này bắt nguồn từ sự tiếp nhận "tri âm" của Tố Hữu đối với Nguyễn Du qua thi phẩm của thi hào Nguyễn Du, nên nhà thơ mới viết:

" Tiếng đàn xưa đứt ngang dây

Hai trăm năm lại càng say lòng người

Trải bao gió dập sóng dồi

Tám lòng thơ vẫn tình đời thiết tha... "

Có thể nói lý luận tiếp nhận truyền thống chỉ tập trung vào mối quan hệ gặp gỡ, đối thoại của hai chủ thể cá nhân tác giả và người đọc, hai "tâm hồn" đồng điệu, còn lý luận tiếp nhận hiện đại quan tâm đến hình thái văn hóa lịch sử của sự tiếp nhận mà ở đó người đọc góp phần làm nên đời sống của tác phẩm văn học. Quan niệm "*tri âm*" trong văn học trung đại và lý thuyết "*tiếp nhận văn học*" tuy xuất hiện ở hai không gian và thời gian khác nhau, nhưng là hai quan niệm về một vấn đề: vấn đề tiếp nhận văn học. Giữa hai quan niệm về một vấn đề này có mối quan hệ với nhau. Đó là mối quan hệ giữa đơn chiều và đa chiều, giữa "thuận" và "nghịch", giữa đơn giản và phức tạp trong hai quan niệm khác nhau, ở hai giai đoạn lịch sử khác nhau về cùng một hiện tượng tiếp nhận văn học.

Trên đây là những vấn đề cơ bản được đặt ra từ mỹ học tiếp nhận với tư cách là một khuynh hướng mới trong phê bình và nghiên cứu văn học liên quan trực tiếp đến tiếp nhận văn học. Vậy *tiếp nhận văn học* là gì? Đặc trưng của *tiếp nhận văn học* so với tiếp nhận các tri thức khoa học là gì? Đây là những câu hỏi cần phải được giải đáp.

Mặc dù H.R.Jauss là người có công lớn ờng việc xây dựng khá hoàn chỉnh lý thuyết mỹ học tiếp nhận. Nhưng, trong suốt thiên tiểu luận nổi tiếng của mình, H.R.Jauss không hề đề cập đến thuật ngữ mỹ học tiếp nhận một cách cụ thể hoặc khái quát. Đây có thể xem như là một thiếu sót của Jauss. Và người đã bổ sung vào chỗ thiếu sót trong thiên tiểu luận của Jauss phải kể đến nhà nghiên cứu văn học Xô Viết A.V.Dronov. Trong bài viết "*Mỹ học tiếp nhận*", nhà nghiên cứu này đã định nghĩa mỹ học tiếp nhận như sau: "*Mỹ học tiếp nhận là một khuynh hướng trong phê bình và nghiên cứu văn học. Khuynh hướng này được xây dựng xuất phát từ ý tưởng cho rằng, tác phẩm "nảy sinh", được thực hiện chỉ trong quá trình "gặp gỡ", tiếp xúc của văn bản văn học với độc giả, và đến lượt mình nhờ liên hệ ngược độc giả lại tác động đến tác phẩm, do vậy độc giả quyết định tính chất lịch sử cụ thể của việc tiếp nhận và tồn tại của tác phẩm. Như thế đối tượng nghiên cứu chủ yếu của mỹ học tiếp nhận là sự tiếp nhận, tức là sự cảm nhận tác phẩm văn học bởi độc giả hoặc thính giả.*" [88,91] Trong tên gọi của khuynh hướng nghiên cứu này, có hai chữ "*tiếp nhận*". "*Tiếp nhận*" đồng nghĩa với tiếp thụ, nắm bắt tri thức, nhận thức, sự hấp thụ một kiến thức nào đó. Nhưng *tiếp nhận văn học* lại hoàn toàn khác với tiếp nhận kiến thức các ngành khoa học. Điều này tạo nên đặc trưng của sự tiếp nhận văn học.

Muốn biết *đặc trưng của sự tiếp nhận văn học* thì trước hết cần phải biết *tiếp nhận văn học* là gì? Theo "*Từ điển thuật ngữ văn học*" thì "*Tiếp nhận văn học là hoạt động chiếm*

lĩnh các giá trị tư tưởng, thẩm mỹ của tác phẩm văn học, bắt đầu từ sự cảm thụ văn bản ngôn từ, hình tượng nghệ thuật, tư tưởng, cảm hứng, quan niệm nghệ thuật, tài nghệ tác giả cho đến sản phẩm sau khi đọc: cách hiểu, ấn tượng trong trí nhớ, ảnh hưởng trong hoạt động sáng tạo, bản dịch, chuyển thể... " [27,221]. Trên cơ sở nghiên cứu, tìm hiểu, chúng tôi xin kiến giải về sự tiếp nhận văn học như sau: tiếp nhận văn học là một hoạt động tâm lý mang tính quy luật vừa chung vừa riêng của người đọc- chủ thể tiếp nhận- để tiếp nhận bằng cảm thụ và tư duy nhằm khám phá và phát hiện những giá trị thẩm mỹ và nội dung ý nghĩa của tác phẩm văn chương trong tính chỉnh thể của nó. Hoạt động tâm lý của chủ thể tiếp nhận văn học là sự tổng hòa của cảm giác và tri giác, cảm xúc và trí tuệ, sự đam mê và sự tỉnh táo, sự hóa thân và sự phân thân, trực giác và tưởng tượng, liên tưởng và mở rộng...

1.2. Đặc trưng của sự tiếp nhận văn học:

1.2.1. Sự tiếp nhận văn học của người đọc mang tính trực cảm:

Điều rất khác biệt giữa tác phẩm văn chương với các công trình khoa học là: tác phẩm văn chương là kết quả của tư duy hình tượng, công trình khoa học là kết quả của tư duy logic, tư duy luận lý. Xét về yếu tố ngôn ngữ thì tác phẩm văn chương cũng như công trình khoa học đều phải lấy ngôn ngữ làm công cụ để bộc lộ hoặc diễn giải. Nhưng ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương là ngôn ngữ mang tính hình tượng và tạo dựng hình tượng. Còn ngôn ngữ trong các công trình khoa học lại tạo nên các khái niệm, các thuật ngữ, các định luật, định lý, định đề. Chính đặc trưng này đã chi phối, đã chế ước đặc trưng của việc tiếp nhận văn học. Việc tiếp nhận các khái niệm, các thuật ngữ, định luật, định lý định đề của các công trình khoa học thì người tiếp nhận tiếp nhận chủ yếu bằng lý trí, bằng nhận thức. Còn khi tiếp nhận một tác phẩm văn chương, người đọc lại tiếp nhận bằng cả tình cảm và lý trí. Điều này cũng có thể được luận giải bằng thực tế là các tác phẩm văn chương bao giờ cũng được sáng tác theo quy luật của tình cảm và quy luật của cái đẹp. Người đọc tiếp nhận với hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm và bằng vẻ đẹp của hình tượng, tác phẩm khơi dậy gọi lên những rung cảm, những khoái cảm thẩm mỹ trong lòng người đọc.

Khi tiếp nhận các tri thức khoa học người tiếp nhận ghi nhận và suy nghĩ về những tri thức đó. Sự tiếp nhận này vừa củng cố những tri thức đã có, vừa nâng lên hiểu biết mới. Sự tiếp nhận này chỉ dừng lại như là một sự lĩnh hội, như là một sự nắm bắt các tri thức khoa học. Còn đối với những học sinh hay sinh viên của các ngành khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật hay khoa học xã hội thì đây cũng chỉ là sự ghi nhớ sau khi tiếp nhận các tri thức

khoa học. Còn đối với những học sinh, sinh viên có năng khiếu về các ngành khoa học ấy thì những thuật ngữ, khái niệm, định lý, định luật, định đề này trở thành những điểm tựa tri thức để cho họ tìm tòi, khám phá, phát hiện những cái mới ươm khoa học.

Đối với việc tiếp nhận văn chương thì nó lại diễn ra theo một chiều hướng khác. Khi tiếp nhận một tác phẩm văn chương, người đọc cảm nhận vẻ đẹp của hình tượng bằng cảm xúc thẩm mỹ. Người đọc mở rộng "cửa lòng" để đón nhận tác phẩm. Nếu như tác phẩm ấy tạo dựng được hình tượng nghệ thuật đẹp thích ứng với thị hiếu thẩm mỹ của người đọc thì nó sẽ chiếm lĩnh cả tâm hồn người đọc.

Đã đành các nhà văn, nhà thơ, các tác giả cũng là người đọc và thậm chí là người đọc đầu tiên đối với tác phẩm của họ. Nhưng ở đây muốn nói tới công chúng người đọc ngoài người đọc- tác giả. Trong công chúng người đọc rộng lớn này, có người đọc tác phẩm của những nhà văn, nhà thơ khác rồi sau đó cũng trở thành nhà văn, nhà thơ. Số này chiếm một tỷ lệ rất ít còn phần đông là đọc để học (như học sinh, sinh viên ngành văn) và nhiều người khác đọc để thưởng thức.

Người tiếp nhận chính là chủ thể tiếp nhận và chủ thể tiếp nhận thì vô cùng phong phú, đa dạng chưa nói gì đến sự phong phú, đa dạng của bản thân đối tượng tiếp nhận là những tác phẩm văn chương. Chủ thể tiếp nhận tiếp nhận tác phẩm trong tính trực cảm của nó và từ đó được nâng lên ở cấp độ lý tính. Đặc biệt, đối với các nhà phê bình và nghiên cứu văn học thì từ trực cảm sẽ nhanh chóng được nâng lên cấp độ lý tính để tư duy, để nghiền ngẫm về tác phẩm. Sự tiếp nhận của chủ thể tiếp nhận đối với các tác phẩm văn chương không dừng lại ở sự lĩnh hội, ở sự nắm bắt cái chính xác như trong các công trình khoa học mà chủ thể tiếp nhận văn chương bao giờ cũng phải huy động đến cả sự tưởng tượng. Trong thực tế, chủ thể tiếp nhận tác phẩm văn chương không chỉ dùng cảm giác mà còn phải dùng tới ảo giác của sự tưởng tượng để tiếp nhận vẻ đẹp của hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm. Nếu không dùng tưởng tượng với cả những ảo giác thì không thể nào cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng nghệ thuật trong câu thơ của Xuân Diệu ở bài *"Đây mùa thu tới"* (1938):

"Vội áo mơ phai dệt lá vàng"

Hình ảnh trong câu thơ được Xuân Diệu tạo dựng bằng lối ẩn dụ, so sánh ngầm. Với thủ pháp nghệ thuật này, tác giả đã so sánh ngầm cả không gian mùa thu được phủ bằng những màn sương thu bàng bạc như *"áo mơ phai"*. Hình ảnh *"áo mơ phai"* tác động vào cảm xúc của người đọc và với ảo giác, người đọc cảm nhận được màu sắc nhạt nhòa huyền

ảo, mông lung của không gian mùa thu chìm trong sương thu.

Khi tiếp nhận hình ảnh trong một câu thơ ở bài "*Tiếng hát con tàu*" (1960) của Chế Lan Viên, nếu người đọc không dùng ảo giác của sự tưởng tượng thì không thể nào cảm nhận hết được vẻ đẹp của nó:

"Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ "

Chưa nói gì đến vẻ đẹp của sự đăng đối trong câu thơ này mà các khái niệm, định luật, định đề của khoa học hoàn toàn không có mà chỉ xét tới hình ảnh huyền ảo "*bản sương giăng*" và "*đèo mây phủ*", người đọc cũng phải dùng tới ảo giác mới thấy được một phần cái hay, cái đẹp của nó.

Nói tóm lại, trong khi các khái niệm, định luật, định đề đi thẳng vào lý trí của người tiếp nhận thì hình tượng nghệ thuật trong các tác phẩm văn chương lại phải qua "cửa khẩu" của cảm xúc thẩm mỹ và tưởng tượng để tái tạo cũng như tưởng tượng sáng tạo rồi mới vào được lý trí của người tiếp nhận.

Cảm xúc thẩm mỹ trong tâm lý của chủ thể tiếp nhận thường diễn ra sự lan tỏa. Chính sự lan tỏa của cảm xúc thẩm mỹ này đã dẫn người đọc tới sự say mê đầy hứng thú. Từ đó, nó tạo nên thị hiếu thẩm mỹ (nếu như chủ thể tiếp nhận lần đầu tiên bắt gặp vẻ đẹp của hình tượng) và củng cố thị hiếu thẩm mỹ (nếu như đã đọc đến các tác phẩm thứ hai, thứ ba, thứ tư cũng có vẻ đẹp đồng dạng của hình tượng như trong tác phẩm đầu tiên đã đọc). Hiện tượng chủ thể tiếp nhận chọn nhà văn, chọn tác phẩm để đọc cũng là một biểu hiện thuộc về thị hiếu thẩm mỹ. Theo những người yêu thích văn học của các thế hệ trước kể lại thì nhiều thiếu nữ vừa nấu cơm vừa đọc tiểu thuyết của nhóm "*Tự lực văn đoàn*" mà quên cả cơm đã bị cháy, thậm chí có người quên ăn, quên ngủ. Xét về mặt tâm lý của chủ thể tiếp nhận thì đây là trạng thái đắm say của người tiếp nhận. Khi cảm xúc thẩm mỹ lan tỏa trong chiều rộng của nó. Nhưng cũng với tiêu thuyết của nhóm "*Tự lực văn đoàn*" nhiều người đọc lại tỏ ra hững hờ, lạnh nhạt. Hai trạng thái tâm lý của hai loại chủ thể tiếp nhận trên đây chỉ có thể luận giải bằng sự khác nhau về thị hiếu thẩm mỹ.

Nhưng cũng có nhiều trường hợp cùng một chủ thể tiếp nhận tiếp nhận những tác phẩm của cùng một nhà văn nhưng chủ thể tiếp nhận ấy lại say mê đọc tác phẩm này hơn là tác phẩm kia. Thí dụ, cũng là tiểu thuyết của đại văn hào Pháp Victor Hugo nhưng người đọc lại say mê tác phẩm "*Những người khốn khổ*" hơn là các tác phẩm khác như : "*Nhà thờ*

đức bà Pari”, “*Những người lao động biển cả*”, “*Năm 93*” cũng của Victor Hugo. Xuân Diệu- ông hoàng của thơ tình trong nền thơ ca hiện đại Việt Nam viết khá nhiều thơ tình nhưng một trong những bài thơ để lại ấn tượng sâu sắc cho người đọc là bài thơ “*Thơ duyên*” của ông. Sở dĩ có hiện tượng này lại không thể đồng quy về thị hiếu thẩm mỹ mà phải thấy mặt thành công cũng như mặt hạn chế của tác phẩm có từ chủ thể sáng tạo. Nhiều nhà văn, nhà thơ sáng tác rất nhiều, nhưng chất lượng không đều. Và chất lượng của nhiều tác phẩm văn chương do một nhà văn, nhà thơ sáng tác nên không đều là bởi sự thể hiện tài năng sáng tác của họ.

1.2.2. Tính phong phú, đa dạng, nhiều vẻ của sự tiếp nhận văn học:

Thế giới tác phẩm, thế giới nghệ thuật phong phú và đa dạng bao nhiêu thì thế giới của chủ thể tiếp nhận cũng phong phú, đa dạng bấy nhiêu. Tác phẩm văn chương không chỉ sống, không chỉ tồn tại bằng sự vận hành trong không gian và thời gian mà còn bằng cả sự vận hành trong thế giới tâm linh của thế giới người đọc. Vì vậy, sự tiếp nhận văn chương bao giờ cũng mang tính phong phú và đa dạng. Điều này cũng tạo nên sự khác biệt giữa tiếp nhận tri thức khoa học với tiếp nhận văn chương. Định đề hình học của Eclit từ thời cổ đại Hy Lạp : “*Qua hai điểm cho trước người ta chỉ có thể kẻ một đường thẳng và chỉ một mà thôi*”. Mặc dù được nêu ra cách đây hàng nghìn năm song cho đến nay người đọc đương đại vẫn tiếp nhận nó như là một chân lý không đổi. Định luật “*Bảo toàn và chuyên hóa năng lượng*” của nhà hóa học Nga Lomonosov : “*Vật chất không mất đi và cũng không tự nhiên xuất hiện mà nó chỉ biến đổi từ dạng này sang dạng khác* ” được nêu ra từ thế kỷ XIX nhưng cho đến nay nó vẫn giữ nguyên giá trị, bất biến. Trái lại, các tác phẩm văn chương ra đời cách đây hàng nghìn năm hoặc hàng trăm năm thì đều phải trải qua những bước thăng trầm của nhiều thế hệ chủ thể tiếp nhận. Mỗi thế hệ chủ thể tiếp nhận lại có một cách tiếp nhận khác nhau về cùng một tác phẩm. Ngay trong cùng một thế hệ của chủ thể tiếp nhận, mỗi người đọc lại có một cách tiếp nhận khác nhau. Tính phong phú đa dạng của sự tiếp nhận văn chương so với sự tiếp nhận các tri thức khoa học bởi một nguyên nhân khác. Tri thức khoa học có tính định hướng và định vị rất cao trong khi đó tác phẩm văn chương thì chỉ có tính định hình mà hoàn toàn không có tính định vị và định hướng. Điều này không chỉ được thể hiện ở những tác phẩm văn chương viết theo khuynh hướng của chủ nghĩa hiện thực mà Ăng-ghe-nh đã từng nêu ra yêu cầu : “*Để cho khuynh hướng toát lên từ toàn bộ kết cấu của tác phẩm* ” mà ngay trong các tác phẩm văn chương được viết theo phương pháp

của chủ nghĩa cổ điển hay phương pháp của chủ nghĩa lãng mạn hay phương pháp của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa thì nhà văn, nhà thơ cũng không thể bày tỏ hay giải trình một cách lộ liễu ý đồ sáng tác của mình. Những tiểu thuyết luận đề, những truyện ngắn luận đề mang nặng tính chủ quan của chủ thể sáng tạo. Song những luận đề mà các nhà văn muốn nêu lên trong tác phẩm đều tiềm ẩn trong một hệ thống hình ảnh và chi tiết khi đã được nhà văn mã hóa bằng nhiều thủ pháp nghệ thuật. Chủ thể tiếp nhận- người đọc- chỉ có thể tìm luận đề trong các tác phẩm luận đề ấy bằng cách giải mã các ký hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm.

Ngay trong từng chủ thể thẩm mỹ khi đọc một tác phẩm văn chương ở những độ tuổi khác nhau lại có sự tiếp nhận khác nhau. Thí dụ, truyện vừa *"Vichia Malêep ở nhà và ở trường"* của nhà văn Xô viết Nicôlai Nôtxốp được chủ thể tiếp nhận đọc rất say sưa khi ở độ tuổi thiếu niên. Nhưng khi chủ thể tiếp nhận ấy đã ở độ tuổi thanh niên mà đọc lại truyện vừa đó thì không còn thấy thích thú nữa. Trái lại, có những tác phẩm dù viết cho lứa tuổi thiếu niên song người cao tuổi đọc vẫn thấy thích thú. Những truyện cổ của nhà văn Đan Mạch An-đéc-xen hay những truyện cổ của hai anh em nhà văn Đức Grim không chỉ gây cho chủ thể tiếp nhận trẻ tuổi một sự khoái thú mà còn đem đến cho chủ thể tiếp nhận cao tuổi một niềm say mê. Những tiểu thuyết như: *"Không gia đình"* của nhà văn Pháp Héc-tô Malô hay tiểu thuyết *"Đảo hoang"* của nhà văn Tô Hoài vẫn có sức hấp dẫn nhiều chủ thể tiếp nhận thuộc nhiều độ tuổi.

Ở mỗi trình độ và yêu cầu tiếp nhận khác nhau sẽ tạo nên những cấp độ tiếp cận khác nhau. Bản thân nhà văn, nhà thơ trực tiếp đọc tác phẩm do chính họ sáng tạo nên cũng có sự tiếp nhận khác với nhà phê bình văn học khi tiếp nhận tác phẩm ấy. Dù sao các nhà văn, nhà thơ khi trực tiếp tiếp nhận những tác phẩm do họ sáng tạo nên không thể thoát được tính chủ quan và mang nặng cảm tính. Còn nhà phê bình khi tiếp nhận các tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ ấy thì bao giờ cũng có tính khách quan và ít nhiều có sự tham gia của lý trí. Sự tiếp nhận văn chương của các thầy cô giáo dạy văn ở bậc phổ thông hay các thầy cô giáo dạy văn ở bậc đại học cũng khác với sự tiếp nhận văn chương của các nhà phê bình. Sự tiếp nhận văn chương của các nhà phê bình văn học không hề trải qua các vòng tiếp nhận. Còn sự tiếp nhận văn chương của các thầy cô giáo dạy văn lại phải trải qua các vòng tiếp nhận. Đó là vòng tiếp nhận của người soạn chương trình, vòng tiếp nhận của người chọn tác phẩm rồi mới đến vòng tiếp nhận của đội ngũ các thầy cô giáo. Nếu dạy các tác phẩm dịch thì

những tác phẩm này trước hết còn phải trải qua vòng tiếp nhận của người dịch. Sự tiếp nhận của các thầy cô giáo là để thực hiện yêu cầu dạy các tác phẩm văn chương trong nhà trường. Còn sự tiếp nhận của học sinh là để thực hiện yêu cầu học các tác phẩm văn chương ấy. Mặc dù cả người dạy và người học cùng có chung một đối tượng tiếp nhận là tác phẩm văn chương, nhưng do yêu cầu khác nhau và trình độ khác nhau nên sự tiếp nhận cũng mang sắc thái khác nhau.

Chủ thể tiếp nhận ở những thế hệ khác nhau khi đọc cùng một tác phẩm văn chương sẽ tiếp nhận khác nhau. Thế hệ xông pha chiến đấu trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp (1946- 1954) và chống Mỹ (1955-1975) đã từng đọc say sưa và xem hai tiểu thuyết mang tính tự truyện "*Thép đã tôi thế đấy*" của nhà văn Xô viết Ôt-rốp-xki và tác phẩm "*Tất cả hiến dâng cho Đảng*" của nhà văn Trung Quốc Ngô Vận Đạt là "sách gối đầu giường". Nhưng thế hệ trẻ ngày nay nếu được đọc hai tác phẩm ấy thì có thể họ sẽ gán cho những tác phẩm ấy là sơ lược, công thức, đơn điệu và mang tính chính trị. Cũng tương tự như vậy, người đọc hôm nay sẽ không có sự say mê hào hứng khi đọc tiểu thuyết sử thi "*Dấu chân người lính*" (1971) của nhà văn Nguyễn Minh Châu như thế hệ cùng thời với nhà văn - thế hệ thanh niên sôi nổi và hào hứng giữa không khí cả nước trào dâng bài ca ra trận theo tinh thần "*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước- Mà lòng phơi phới dậy tương lai*" (Tố Hữu).

Sinh mệnh của một tác phẩm văn chương bền lâu hay ngắn ngủi không chỉ ở tư tưởng và tài năng sáng tạo của nhà văn, nhà thơ mà còn tùy thuộc vào sự định giá của chủ thể tiếp nhận. Trên hành trình đến với độc giả, không phải tác phẩm văn chương nào cũng được độc giả đón nhận như nhau. Mỗi tác phẩm văn chương có cuộc đời riêng của nó. Có khi ở thời điểm này, nó được độc giả đón nhận một cách nồng nhiệt, vồn vã nhưng bước sang thời điểm khác thì nó lại bị chủ thể tiếp nhận hững hờ, lạnh nhạt. Có thể nói cuộc hành trình từ tác phẩm đến độc giả không đơn giản chút nào. Để giải thích được điều đó, cần phải thấy ngoài sự phụ thuộc vào thời đại thì sinh mệnh của một tác phẩm còn do thế hệ độc giả, do giới độc giả quyết định. H.R.Jauss đã đưa ra khái niệm "*tâm đón nhận*" để giải thích cho sự khác biệt ương tiếp nhận văn học ở từng giai đoạn lịch sử, từng giới, từng thế hệ độc giả. Với khái niệm "tâm đón nhận" Jauss đã nêu lên số phận của hai tác phẩm văn chương, một là "*Bà Bovary*" của Flaubert và hai là "*Fanny*" của Feydeau. Cả hai tác phẩm này đều ra đời trong cùng một thời điểm - năm 1857, đều nói về sự phá vỡ hôn nhân diễn ra trong tầng lớp tư sản ở ngoại ô của nước Pháp nhưng lại có số phận hoàn toàn khác nhau. Khi tác phẩm

"Fanny" của Feydeau mới ra đời đã được công chúng náo nức đón nhận- trong một năm được tái bản 13 lần- thì ngược lại "Bà Bovary" của Flaubert lại rơi vào cảnh chìm nổi, lênh đênh. Chỉ đến khi công chúng độc giả có tầm đón nhận mới thì "Bà Bovary" của Flaubert mới thực sự có chỗ đứng vững chãi trong lòng độc giả, ngược lại tác phẩm "Fanny" chỉ còn là thành công tàn úa của ngày hôm qua. Ở Việt Nam, "Truyện Kiều" của Nguyễn Du cũng có số phận tương tự như "Bà Bovary" của Flaubert. Từ khi ra đời, "Truyện Kiều" cũng đã phải chịu cảnh ba chìm bảy nổi. Mỗi người tùy theo vị trí của mình, tùy theo tiếng vọng của thời đại mà có sự tiếp nhận khác nhau về "Truyện Kiều". Không phải ngẫu nhiên mà Minh Mệnh, Tự Đức - hai người đọc đại diện cho đạo đức phong kiến- lại ca ngợi Kiều ở khía cạnh hy sinh thân mình để giữ trọn cương thường luân lý phong kiến. Trái lại, những người đọc thuộc lớp trí thức bất đắc chí như Phạm Quý Thích, Mộng Liên Đường chủ nhân, Phong Tuyết chủ nhân thì tiếp nhận "Truyện Kiều" như hiện thân của số phận tài tình bạc mệnh. Phạm Quý Thích đã viết những dòng thơ này trong tâm trạng chán chường, uể oải của một vị quan trước cảnh dâu bể:

"Đoạn trường trong mộng căn duyên hết

Bạc mệnh đàn xong, oán hận còn. "

Đến đầu thế kỷ XX, trước hiện thực đen tối của đất nước, Nguyễn Khuyến đã tiếp nhận "Truyện Kiều" từ giá trị hiện thực phê phán của nó:

"Có tiền việc ấy mà xong nhĩ

Đời trước làm quan cũng thế a? "

Các nhà văn lãng mạn trước 1945 như Lan Khai, Lưu Trọng Lư, tiếp nhận nàng Kiều như con người của nhân tính muôn thuở. Những độc giả tiên bộ, cách mạng tiếp nhận "Truyện Kiều " qua cảm hứng tố cáo, nhân đạo, đòi quyền sống. Đó là Hoài Thanh, Xuân Diệu...

Từ hai thí dụ trên đã phần nào nói lên được tính đa dạng phong phú trong tiếp nhận văn chương. Đời sống lịch sử của tác phẩm văn học là một hiện tượng phức tạp, không thuần nhất đôi khi còn mâu thuẫn. Từ đó không thể rút ra kết luận chiết trung, cho rằng trong lịch sử, tác phẩm văn học là tổng cộng các sự tiếp nhận về nó. Ở không gian tồn tại khác nhau của một tác phẩm văn chương cũng có sự tiếp nhận khác nhau. Chủ thể tiếp nhận ở Bắc bộ khi đọc hai tiểu thuyết "Cái sân gạch" (1958) và "Vụ lúa chiêm" (1959) của Đào

Vũ viết về nông thôn miền Bắc trên con đường hợp tác hóa nông nghiệp sẽ tiếp nhận hoàn toàn khác với sự tiếp nhận của người đọc Nam bộ. Các nhà nghiên cứu văn học Liên Xô trước đây khi nghiên cứu vở kịch "*Vườn anh đào*" của nhà văn Nga Sekhov đều cho rằng hình ảnh vườn anh đào là tượng trưng cho tương lai. Nhưng nếu đặt hình ảnh vườn anh đào đang thì trở bông gắn với chi tiết nhân vật lái buôn Lôibakhin đã dùng búa để đẵn vườn anh đào đang thì trở bông thì sẽ bật ra luận đề: *chủ nghĩa tư bản là kẻ thù của cái đẹp*. Vườn anh đào đang thì trở bông gợi cho người đọc cảm xúc thẩm mỹ trong trắng vô tư. Vẻ đẹp của vườn anh đào đang thì trở bông đáng lẽ phải được bảo vệ, nâng niu, trân trọng bằng những cảm xúc thẩm mỹ trong trắng vô tư ấy. Nhưng nhân vật lái buôn Lôibakhin chỉ vì lợi nhuận, không hề đếm xỉa đến vẻ đẹp của vườn anh đào đã đang tay thô bạo dùng búa chặt sạch vườn anh đào. Nhiều nhà Shakespeare học của Liên Xô trước đây xem câu hỏi trong đoạn độc thoại nội tâm của nhân vật Hamlet trong vở kịch cùng tên : "*Tồn tại hay không tồn tại*" là một câu hỏi chứa đựng tâm trạng hoài nghi. Thực ra đây là một câu hỏi thể hiện sự trăn trở, trăn trở của khát vọng mãnh liệt là muốn khám phá sự thực, khám phá chân lý đồng thời muốn tìm ra một phương cách để tồn tại. Đó là một câu hỏi lớn được đặt ra hết sức bức xúc ngay trong buổi bình minh của chế độ tư bản. Câu hỏi ấy mang được tầm khổng lồ của những con người có tư tưởng khổng lồ, có trí tuệ khổng lồ trong thời đại Phục hưng. Nhưng thực ra đây là một câu hỏi của sự tìm tòi khám phá, phát hiện mang tầm cao của trí tuệ con người trong thời đại Phục hưng.

Chủ thể tiếp nhận các tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại cũng rất phong phú và đa dạng. Giai đoạn văn học Việt Nam đương đại chính là giai đoạn có rất nhiều yếu tố khởi sắc về mọi mặt trong đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ta dưới ánh sáng của đường lối đổi mới. Từ một đất nước nghèo nàn của một nền sản xuất nông nghiệp què quặt, manh mún, lại phải trải qua 30 năm chiến tranh tàn phá, giờ đây đất nước ta đang băng mình trên con đường đổi mới theo hướng công nghiệp hóa- hiện đại hóa vì mục tiêu cao cả "dân giàu- nước mạnh- xã hội dân chủ công bằng và văn minh". Bước băng mình ấy được đánh dấu bằng một mốc son từ Đại hội toàn quốc lần VI của Đảng (tháng 12 năm 1986). Cũng tại Đại hội này, trong báo cáo chính trị, đồng chí Trường Chinh đã khẳng định vai trò to lớn không có gì thay thế được của văn học và nghệ thuật đối với đất nước và con người: "*Không có hình thái tư tưởng nào có thể thay thế được văn học và nghệ thuật trong việc xây dựng tình cảm lành mạnh, tác động sâu sắc vào việc đổi mới nếp sống, nếp nghĩ của con người*". Ý kiến này cũng đã góp phần khơi dậy trong lòng các nhà văn, nhà thơ một niềm tự hào

chân chính về nghề nghiệp đầy sáng tạo của mình. Nên đây cũng là một trong những động lực thúc đẩy sự phát triển của văn chương đương đại Việt Nam. Mặt khác, cũng phải thấy rằng: nhu cầu thưởng thức của công chúng độc giả ngày càng cao. Nhiều khi "cung" của nhà văn, nhà thơ không đáp ứng được "cầu" của độc giả tiếp nhận văn chương.

1.3.Thị hiếu thẩm mỹ - một trong những vấn đề trung tâm của sự tiếp nhận văn chương:

1.3.1.Giới thuyết về thị hiếu thẩm mỹ:

Văn chương nói riêng và nghệ thuật nói chung đều được sáng tạo theo quy luật của tình cảm và quy luật của cái đẹp. Nhà văn, nhà thơ sáng tác là để tạo ra cái đẹp, tạo ra những giá trị thẩm mỹ. Chủ thể tiếp nhận văn chương đọc để tiếp nhận là do nhu cầu thẩm mỹ. Nhu cầu về cái đẹp của con người đã từng được đại văn hào Nga - Xô viết Macxim Gorki xem là nhu cầu tự thân khi ông khẳng định: *"Con người bẩm sinh là một nghệ sĩ. Bất kỳ ở đâu và lúc nào, con người cũng muốn đưa cái đẹp vào cuộc sống."* Có nhu cầu thẩm mỹ mới dẫn tới động cơ thẩm mỹ. Từ động cơ thẩm mỹ dẫn tới sự tiếp nhận văn chương, tức tiếp nhận giá trị thẩm mỹ. Song sự tiếp nhận văn chương không đơn thuần là sự hưởng thụ giá trị thẩm mỹ, một sự thưởng thức, một sự tiếp nhận, một sự nắm bắt tinh thần chung của tác phẩm một cách đơn thuần. Chủ thể tiếp nhận cũng có nhiều loại nên tiếp nhận văn chương cũng có nhiều mức độ khác nhau. Có người đọc tiếp nhận tác phẩm do động cơ để cho biết, có người đọc tiếp nhận tác phẩm để giải trí cho thư giãn, cho khuây khỏa lúc rảnh rỗi, trà dư... Nhưng đối với chủ thể tiếp nhận là những người giảng dạy và nghiên cứu văn học thì sự tiếp nhận văn chương cũng là sự sáng tạo. Nếu nhà văn, nhà thơ sáng tác nên tác phẩm bằng văn bản thì những người giảng dạy và nghiên cứu văn học dựa trên cơ sở của tác phẩm văn bản ấy để sáng tạo nên một "tác phẩm" thứ hai bằng cảm thụ, bằng tưởng tượng sáng tạo và cả tư duy bậc cao. Những tia hào quang của vẻ đẹp hình tượng trong tác phẩm tỏa ra và người đọc lại phủ lên tác phẩm được tiếp nhận một lớp hào quang mới qua "lăng kính" tiếp nhận của chủ thể tiếp nhận. Sự khác biệt về mức độ tiếp nhận này cũng chính là sự khác biệt về "tâm đón nhận" mà H.R. Jauss đã nêu ra.

Yếu tố quan trọng nhất trong cơ cấu của nhu cầu thẩm mỹ là thị hiếu thẩm mỹ. Người đọc tác phẩm bao giờ cũng tiếp nhận văn chương bằng thị hiếu thẩm mỹ. Nếu chủ thể tiếp nhận không có thị hiếu thẩm mỹ thì đọc tác phẩm văn chương cũng giống như đọc các công trình khoa học mà thôi. Vậy *thị hiếu thẩm mỹ* là gì?

Có thể giới thuyết một cách ngắn gọn: thị hiếu thẩm mỹ là sở thích riêng của mỗi con người về cái đẹp. Song con người được nói tới ở đây là chủ thể của thị hiếu thẩm mỹ, chứ không phải là con người cá nhân tồn tại ngoài các mối quan hệ xã hội. Vì vậy, cần phải nhận rõ: có thị hiếu thẩm mỹ của từng con người, có thị hiếu thẩm mỹ của một nhóm người- một trường phái- một khuynh hướng, có thị hiếu thẩm mỹ của một giai tầng, có thị hiếu thẩm mỹ của một thế hệ, của một dân tộc. Thị hiếu thẩm mỹ là "chất xúc tác" quan trọng bậc nhất để tạo "men say" của nhu cầu thẩm mỹ và động cơ thẩm mỹ. Khi đối diện với thế giới tự nhiên và xã hội, con người không chỉ muốn chiếm lĩnh bằng sự khám phá, nắm bắt và chế ngự bản chất cũng như quy luật của chúng mà còn muốn chiếm lĩnh chúng bằng những cảm xúc thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ. Thị hiếu thẩm mỹ là một hình thái của ý thức thẩm mỹ, nó tồn tại trên cơ sở của sự hứng thú của từng người khi tiếp nhận và đánh giá những khách thể thẩm mỹ khác nhau. Thị hiếu thẩm mỹ được hình thành từ những cảm xúc thẩm mỹ nhưng là những cảm xúc đã đi vào thể ổn định và hợp thành một thực thể tương đối bền vững để biến thành sở thích thẩm mỹ.

Nếu cảm xúc thẩm mỹ thiên về cảm tính; thì thị hiếu thẩm mỹ là sự hoà hợp giữa cảm tính và lý tính, giữa trực giác tức thời và sự nghiền ngẫm lâu dài. Vì vậy thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh chỉ có thể hình thành ở những người thực sự có trình độ văn hóa, có sự từng trải và kinh nghiệm phong phú, có đời sống đạo đức tinh thần lành mạnh. Ngược lại những người thấp kém về kiến thức, cần cỗi về tâm hồn, trống rỗng về kinh nghiệm sống, sa sút về đạo đức thì nhất định thị hiếu thẩm mỹ sẽ thấp kém.

Thị hiếu thẩm mỹ là một hình thái biểu hiện năng lực và nhu cầu tinh thần của cá nhân. Sở dĩ một cá nhân ưa thích những hiện tượng thẩm mỹ nào đó là do người ấy tiếp nhận một nền giáo dục, có những thói quen, tính cách, kinh nghiệm sống và giao tiếp nhất định nào đó. Chính thị hiếu thẩm mỹ dẫn người đọc- chủ thể tiếp nhận- vào khám phá vẻ đẹp huyền bí của văn chương khi tiếp nhận. Thị hiếu thẩm mỹ có một quá trình vận hành từ nảy sinh đến hình thành và phát triển. Thị hiếu thẩm mỹ lại là bước phát triển của cảm xúc thẩm mỹ. Cảm xúc thẩm mỹ phát triển và dẫn tới sự lựa chọn vẻ đẹp nào ưa thích nhất. Từ đó nảy sinh và hình thành thị hiếu thẩm mỹ.

1.3.2. Thị hiếu thẩm mỹ luôn thay đổi theo từng giai đoạn lịch sử, theo từng dân tộc, từng giai cấp, từng giới, từng thế hệ, từng độ tuổi:

Thị hiếu thẩm mỹ bao giờ cũng nảy sinh, hình thành và phát triển trong những điều

kiện lịch sử - xã hội cụ thể. Do vậy nó mang dấu ấn xã hội- lịch sử rất rõ nét. Ở mỗi thời đại, thị hiếu thẩm mỹ của những thế hệ có những nét riêng, mang sắc màu thời đại. Ở thời đại này, người ta thích vẻ đẹp này, ở thời đại khác, người ta lại thích vẻ đẹp khác. Trước Cách mạng tháng tám 1945 và thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954), các chàng thanh niên thời ấy, thích vẻ đẹp khỏe mạnh, tươi đôn, mộc mạc của "*Những nàng môi cắn chỉ quết trầu*" và "*Những cô hàng xén răng đen*" (Hoàng cầm). Nhưng ngày nay, những hình ảnh mang vẻ đẹp tươi giòn, mộc mạc ấy chỉ còn được lưu giữ trong mấy câu thơ của Hoàng Cầm, chứ không còn nằm trong thị hiếu của những con người Việt Nam đương đại khi tục ăn trầu đã dần dần mất đi.

Vào những năm 30 của thế kỷ XX, trên thi đàn Việt Nam xuất hiện trào lưu Thơ mới. Trong buổi đầu ra mắt, Thơ mới đã phải chịu lực cản mạnh mẽ của thơ cũ. Cùng với những nhà thơ mới khác, Lưu Trọng Lư đã cất lên tiếng nói thể hiện khát vọng thiết tha về thị hiếu thẩm mỹ mới hoàn toàn trái ngược hẳn với thị hiếu thẩm mỹ của các nhà Nho : "*...Các cụ ta ưa những màu đỏ choét; ta lại ưa những màu xanh nhạt... Các cụ băng khuâng vì tiếng trùng đêm khuya; ta nao nao vì tiếng gà lúc đứng ngọ. Nhìn một cô gái xinh xắn, ngây thơ, các cụ coi như đã làm một điều tội lỗi; ta thì ta cho là mát mẻ như đứng trước một cánh đồng xanh. Cái ái tình của các cụ thì chỉ là sự hôn nhân, nhưng đối với ta thì trăm hình muôn trạng: cái tình say đắm, cái tình thoáng qua, cái tình gần gũi, cái tình xa xôi...cái tình trong giây phút, cái tình ngàn thu... "* [66,11]. Thời đại thay đổi đã tác động đến đời sống tâm tư tình cảm con người và làm thay đổi cả thị hiếu thẩm mỹ. Sự thay đổi thị hiếu thẩm mỹ là một yêu cầu tất yếu thuộc lĩnh vực tinh thần của xã hội khi xã hội không ngừng vận động, phát triển như nhà văn Pháp D.Diderot đã từng nói: "*Cuộc sống tiến lên phía trước, nghệ thuật không thể rút lại đằng sau*". Do vậy, thị hiếu thẩm mỹ không phải là một cái gì nhất thành bất biến. Thị hiếu thẩm mỹ có thể thay đổi theo từng thời kỳ, giai đoạn. Mỗi dân tộc trên thế giới cũng có thị hiếu khác nhau, ví dụ sự khác nhau về thị hiếu màu sắc: người Nga thích màu vàng, người Đức thích màu nâu, người Tiệp khắc thích màu xanh lá cây,...Thị hiếu thẩm mỹ của mỗi dân tộc, mỗi giai đoạn là sự hợp thành từ thị hiếu thẩm mỹ của từng giới, từng cá nhân đa dạng, riêng biệt và độc đáo. Trong quá trình hình thành, thị hiếu thẩm mỹ của cá nhân bao giờ cũng dựa trên cơ sở kinh nghiệm thẩm mỹ của nhân loại, thời đại và cộng đồng . Vì vậy: "*Nhấn mạnh một yếu tố này mà xem nhẹ yếu tố kia đều rơi vào quan điểm phi lịch sử và phiến diện. Thị hiếu thẩm mỹ của một thời đại, một cộng đồng người luôn luôn biểu hiện thông qua những thị hiếu cá nhân đa dạng, riêng biệt, độc đáo.*

Về phần nó, thị hiếu thẩm mỹ cá nhân hình thành trên cơ sở kinh nghiệm thẩm mỹ của nhân loại, thời đại và cộng đồng; đồng thời bao hàm những kinh nghiệm mới mà chính cá nhân đó nắm trải khi tiếp xúc với đời sống thẩm mỹ không ngừng biến đổi và phát triển " [74,45].

1.3.3.Thị hiếu thẩm mỹ tạo nên nhu cầu tiếp nhận văn học:

Mỗi tác phẩm văn chương ra đời đều là kết quả của quá trình lao động nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ. Do vậy, nhà văn, nhà thơ nào cũng mong mỗi tác phẩm của mình sẽ được công chúng tiếp nhận nồng nhiệt. Tuy nhiên, sự đón nhận của độc giả có nồng nhiệt hay không còn phải tùy thuộc vào sở thích, vào thị hiếu thẩm mỹ của họ. Nếu như tác phẩm không phù hợp với thị hiếu thẩm mỹ của độc giả thì dù có hay đến đâu, có là con đẻ của nhà văn, nhà thơ nổi tiếng đến mức nào thì tác phẩm ấy cũng khó bề được tiếp nhận. Điều này giải thích tại sao nhà tư tưởng của chủ nghĩa khai mông Pháp thế kỷ XVIII U.Rousseau lại không ưa hài kịch của Moliere khi Rousseau cho rằng trong tác phẩm của Moliere, những người đáng kính trọng thì chỉ tán phét vớ vẩn, còn những kẻ xấu thì lúc nào cũng hành động và luôn luôn thành công rực rỡ. Còn L.Tolstoi thì không thích kịch của Shakespear. Trong bức thư gửi cho N.Strakhov, L.Tolstoi đã viết "*Mấy hôm rồi để kiểm tra lại nhận xét của mình về sách-xpia, tôi đọc "Vua Lia" và "Hăm-lét", và nếu tôi đã từng có đôi chút hoài nghi rằng mình đã ghét sách-xpia một cách không đúng, thì bây giờ sự nghi ngờ ấy đã hoàn toàn biến mất. "Hăm lét" quả thực là một tác phẩm thô bạo, phi đạo đức, bỉ ổi và vô nghĩa*" [73,104]. Điều này đã làm rõ một thực tế là thị hiếu thẩm mỹ còn được thể hiện ở sự lựa chọn để tiếp nhận những vẻ đẹp thích hợp với xu thế cảm nhận riêng của chủ thể tiếp nhận. Trong những năm đầu của công cuộc đổi mới, trên thị trường, sách báo nước ta xuất hiện nhiều tác phẩm có giá trị thấp về mặt văn học, thế nhưng lại được đông đảo công chúng đón nhận vồn vã giữa cơn "khát" tiểu thuyết viết về đề tài tình yêu. Những câu chuyện tình tay ba đã nhanh chóng chiếm được tình cảm của người đọc cả nước, nhất là độc giả trẻ tuổi. Sở dĩ có tình hình tiếp nhận như vậy bởi trong một thời gian dài trước đổi mới, công chúng độc giả, trong đó có lớp bạn đọc trẻ tuổi đã trở nên quá quen thuộc với những tác phẩm viết về đề tài xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước ở miền Nam.Hai cuộc kháng chiến của dân tộc: chống Pháp và chống Mỹ cũng như công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đã hướng cả dân tộc vào mục tiêu chung vì độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Sau khi đất nước thống nhất hoà bình, mỗi con người lại quay về với cái "tôi" cá nhân. Một trong những đề tài rất gắn bó với cái "tôi" cá nhân là đề tài tình

yêu đôi lứa. Nên thanh niên rất háo hức đối với những tác phẩm văn chương viết về đề tài "muôn thuở" này. Thêm vào đó, không khí của thời đại mới đang dâng cao hướng vào mục tiêu vì dân và cũng chính là vì con người. Cho nên, độc giả, nhất là độc giả trẻ rất háo hức trước những tác phẩm có hương vị mới, với những mối tình tay ba, tay tư ly kỳ, hấp dẫn. Nhiều khi những câu chuyện tình ngang trái ấy không có giá trị nhiều về mặt nghệ thuật, nhưng đối với độc giả trẻ tuổi thì đó là một cách để họ được trải nghiệm với chính mình. Ở đây, có sự thay đổi về thị hiếu thẩm mỹ, đặc biệt là sự thay đổi thị hiếu thẩm mỹ trong tầng lớp thanh niên.

Thị hiếu thẩm mỹ tạo nên nhu cầu và động cơ tiếp nhận văn chương. Ngoài việc tạo nhu cầu cho tiếp nhận, thị hiếu thẩm mỹ còn là tiêu chuẩn cho một sự định hướng giúp độc giả thâm nhập sâu vào tác phẩm để từ đó nắm bắt trọn vẹn các giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

Chịu sự chi phối bởi thị hiếu thẩm mỹ của mỗi thời đại, của mỗi dân tộc, của mỗi giới, của mỗi cá nhân nên nhu cầu tiếp nhận tác phẩm văn học ở mỗi giai đoạn, mỗi dân tộc, mỗi giới, mỗi cá nhân cũng khác nhau. Có nhiều khi sự tiếp nhận tác phẩm văn học của độc giả là do những yếu tố khách quan tác động. Trước đây, trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, nhu cầu tiếp nhận văn học của độc giả miền Bắc dường như chỉ hướng vào những tác phẩm viết về hai đề tài lớn là: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước ở miền Nam. Nhưng khi đất nước thống nhất, đặc biệt là từ những năm đầu đổi mới thị hiếu thẩm mỹ của nhân dân về cái hay, cái đẹp trong văn chương đã thay đổi. Họ muốn có những tác phẩm mới phù hợp với thị hiếu thẩm mỹ mới của họ. Những yêu cầu mà người đọc đặt ra lúc này là phải có những tác phẩm ngang tầm thời đại, đáp ứng được thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh của nhân dân. Kể từ khi đất nước ta bước vào công cuộc đổi mới, nền văn học đã có nhiều khởi sắc, xuất hiện hàng loạt những tác phẩm văn học với phong cách viết đa dạng, phần nào đáp ứng được nhu cầu tiếp nhận của công chúng độc giả. Đặc biệt, nhiều tác phẩm ra đời trong những năm này đã phần nào đề cập đến những vấn đề nhức nhối của xã hội trong buổi giao thời như: tham nhũng, quan liêu, cơ hội,... đã được công chúng độc giả đón nhận. Trước tiên, công chúng độc giả đến với những tác phẩm này là bởi họ tìm thấy ở đó sự sẻ chia những ưu tư của họ về cuộc sống hiện tại, sau đó là bởi những tác phẩm này đã đáp ứng được lòng mong mỏi của họ về cách viết mới, cách nhìn mới về hiện thực cuộc sống đương đại.

1.4.Mối quan hệ giữa tiếp nhận văn học và thị hiếu thẩm mỹ là mối quan hệ thống nhất và biện chứng:

1.4.1.Mối quan hệ giữa thị hiếu thẩm mỹ và tiếp nhận văn học là mối quan hệ giữa chủ thể thẩm mỹ và đối tượng thẩm mỹ:

Mối quan hệ giữa thị hiếu thẩm mỹ và tiếp nhận văn học trước hết là mối quan hệ giữa chủ thể thẩm mỹ và đối tượng thẩm mỹ. Thị hiếu thẩm mỹ và tiếp nhận văn học là hai hoạt động tâm lý thẩm mỹ của chủ thể thẩm mỹ. Song thị hiếu thẩm mỹ chỉ tạo nên nhu cầu, động cơ, động lực cho sự tiếp nhận văn học chứ không trực tiếp tạo nên hoạt động tiếp nhận văn học. Còn tiếp nhận văn học lại hướng tới chiếm lĩnh tác phẩm văn học, lấy tác phẩm văn học làm đối tượng. Tác phẩm văn học là đối tượng thẩm mỹ của người đọc- chủ thể thẩm mỹ. Mối quan hệ này là mối quan hệ tương tác. Tác phẩm văn chương đặc sắc sẽ góp phần củng cố và phát triển thị hiếu thẩm mỹ của chủ thể thẩm mỹ. Người tiếp nhận- chủ thể thẩm mỹ- có thị hiếu thẩm mỹ tốt khi đọc tác phẩm văn chương đặc sắc với năng lực cảm thụ riêng, có "tâm đón nhận" cao thì sẽ khám phá, phát hiện được nhiều giá trị thẩm mỹ của tác phẩm khiến cho tác phẩm ờn nên phong phú hơn, đẹp hơn bằng sự tưởng tượng tái tạo và tưởng tượng sáng tạo của chính người tiếp nhận.

1.4.2.Mối quan hệ giữa thị hiếu thẩm mỹ và tiếp nhận văn học là mối quan hệ giữa nhu cầu thẩm mỹ và hoạt động tiếp nhận thẩm mỹ:

Thị hiếu thẩm mỹ và tiếp nhận văn học có mối quan hệ khăng khít với nhau. Thị hiếu thẩm mỹ là động lực để độc giả đến với tác phẩm, tiếp nhận tác phẩm. Thị hiếu thẩm mỹ tạo nên nhu cầu và động cơ tiếp nhận văn chương. Tiếp nhận văn chương là hoạt động tâm lý nhằm "chiếm lĩnh" giá trị nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm văn chương. Hai trạng thái này hoàn toàn khác nhau, nhưng giữa chúng lại có mối quan hệ rất chặt chẽ. Đây là mối quan hệ giữa nhu cầu và hành động để đáp ứng nhu cầu mang đậm màu sắc của mối quan hệ nhân- quả. Nếu không có thị hiếu thẩm mỹ tạo nên nhu cầu và động cơ thẩm mỹ thì cũng sẽ không có tiếp nhận văn chương. Vì vậy, hoạt động tiếp nhận văn chương là hệ quả của thị hiếu thẩm mỹ. Người có thị hiếu thẩm mỹ cao bao giờ cũng đọc sách đến đam mê. Trái lại, người không có thị hiếu thẩm mỹ hay thị hiếu thẩm mỹ thấp thì ít quan tâm đến sách, hững hờ với sách. Thực tế, hiện nay phần lớn sinh viên học văn với ý nghĩ cho rằng học văn là dễ: "dạy toán- học văn- ăn thể dục", học văn để kiếm một tấm bằng đại học nhằm thi thố với đời chứ không phải học văn vì yêu văn. Vì không yêu văn, không có thị hiếu thẩm mỹ nên số

đồng sinh viên này không thích và ít tìm đọc các tác phẩm văn chương mới được xuất bản. May lắm, họ chỉ đọc những tác phẩm có học trong chương trình để thi cho có điểm mà thôi. Thực tế này, đặt ra cho những người giảng dạy văn học một yêu cầu bức xúc là phải dạy văn thế nào để bồi dưỡng và phát triển thị hiếu thẩm mỹ cho người đọc. Chỉ khi người ta thực sự thích thú với một tác phẩm văn chương thì người ta mới tìm đến nó. Có khi thị hiếu thẩm mỹ được xây dựng trên những kinh nghiệm thẩm mỹ nhưng cũng có khi nó được hình thành một cách tự phát. Tính tự phát của thị hiếu thẩm mỹ được thể hiện rõ ở việc một người chưa một lần tiếp xúc với tác phẩm đó nhưng khi nghe người khác kể về tác phẩm đó thì cảm thấy thích thú và muốn đọc nó. Chẳng hạn, có nhiều người trước đây chưa một lần tiếp xúc với tiểu thuyết của nhóm "*Tự lực văn đoàn* " nhưng khi nghe kể về một trong những sáng tác của nhóm này thì liền muốn tìm kiếm đọc toàn bộ tác phẩm của nhóm "*Tự lực văn đoàn* ". Chính thị hiếu thẩm mỹ mang tính tự phát này sẽ chuyển hóa thành tự giác khi người ta đọc tác phẩm, tiếp nhận tác phẩm. Đây cũng là điểm khác biệt của tiếp nhận văn chương với tiếp nhận các tri thức khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội. Trong khi các ngành khoa học tự nhiên tác động trực tiếp đến lý trí thì văn chương lại tác động đến tình cảm. Điều này giải thích tại sao nhiều khi người đọc cảm thấy tác phẩm hay, cảm thấy thích tác phẩm đó, nhưng không thể lý giải cái hay đó một cách rõ ràng và cụ thể như giải thích cái đúng trong khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật. Cũng có khi thị hiếu thẩm mỹ được hình thành một cách tự giác. Ví dụ một người đã từng đọc nhiều tác phẩm cùng một thể loại hay cùng đề tài và cảm thấy thích thú tác phẩm thuộc thể loại và đề tài đó. Trong những lần đọc sau, người đọc ấy vẫn tìm đọc những tác phẩm cùng thể loại và đề tài như vậy. Rõ ràng, nhu cầu về cái đẹp thúc đẩy người đọc tìm đến những tác phẩm chưa đọc để đọc, còn nếu đọc rồi thì đọc lại vẫn thích thú. Chính vì vậy, ở người ấy sẽ hình thành sở thích về thể loại, về đề tài của những tác phẩm đó và tất nhiên sẽ tiếp tục đón nhận những tác phẩm tương ứng với các tác phẩm đã đọc trước đó. Có thể nói, những tác phẩm đó đã trở thành món ăn tinh thần của độc giả, hợp với "gù", hợp "tạng" với thị hiếu của người đọc.

1.4.3. Mối quan hệ giữa thị hiếu thẩm mỹ và tiếp nhận văn học là mối quan hệ giữa phương thức thẩm mỹ và đặc trưng thẩm mỹ của đối tượng thẩm mỹ:

Mối quan hệ nội tại trong tác phẩm văn chương là mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức nghệ thuật. Nội dung và hình thức chính là giá trị thực của tác phẩm văn chương. Khi tiếp nhận một tác phẩm văn chương, người đọc bao giờ cũng muốn chiếm lĩnh

giá trị thực đó. Người đọc tiếp nhận, "chiếm lĩnh" tác phẩm ấy bằng thị hiếu thẩm mỹ. Như vậy, thị hiếu thẩm mỹ như là phương thức để tiếp nhận văn chương. Bằng không, người đọc chỉ có thể tiếp nhận một khía cạnh nào đó của tác phẩm mà thôi. Chính thị hiếu thẩm mỹ giúp người đọc dễ dàng thâm nhập tác phẩm bởi nếu không có sở thích thì thật khó đi vào tiếp nhận tác phẩm. Tùy theo thị hiếu thẩm mỹ của độc giả mà độc giả tiếp nhận tác phẩm văn học nông hay sâu. Do vậy, sự định giá của người đọc đối với tác phẩm văn học rất phong phú, đa dạng. Nó không bó hẹp trong một khuôn khổ nào cả mà tùy thuộc về thị hiếu thẩm mỹ của từng người đọc. Người đọc sẽ dễ dàng nắm bắt cái hay cái đẹp của tác phẩm văn chương khi thực sự có thị hiếu thẩm mỹ. Thị hiếu thẩm mỹ giúp cho người đọc soi rọi vào tác phẩm để khám phá giá trị nghệ thuật và giá trị nội dung của tác phẩm. Như vậy, có thể xem thị hiếu thẩm mỹ là phương thức để nắm bắt đặc trưng của đối tượng thẩm mỹ là tác phẩm văn chương. Tác phẩm văn chương luôn mang đặc trưng thẩm mỹ. Muốn tiếp nhận được đặc trưng thẩm mỹ của tác phẩm văn chương thì chủ thể thẩm mỹ nhất định phải có thị hiếu thẩm mỹ. Không có thị hiếu thẩm mỹ khi tiếp nhận văn chương, chủ thể tiếp nhận sẽ rơi vào cách lý giải mang nặng tính xã hội học dung tục như ta thường thấy tình trạng này rất phổ biến hiện nay. Nếu độc giả yêu văn chương thì tất sẽ có trình độ thẩm định tác phẩm sâu sắc hơn, tốt hơn một người yêu khoa học ít khi tiếp xúc với tác phẩm văn chương.

1.4.4. Môi quan hệ giữa thị hiếu thẩm mỹ và tiếp nhận văn học là môi quan hệ giữa tiêu chuẩn thẩm mỹ và giá trị thẩm mỹ:

Thị hiếu thẩm mỹ không chỉ tạo nên nhu cầu và động cơ thẩm mỹ trong tiếp nhận văn học mà nó còn là sự thẩm định cái đẹp theo một sở thích nhất định. Tiếp nhận văn học là chiếm lĩnh, là cảm nhận vẻ đẹp trong tính chỉnh thể của tác phẩm bằng thị hiếu thẩm mỹ. Bất kỳ một sự tiếp nhận, cảm nhận nào cũng đều kèm theo một sự đánh giá, một sự bình phẩm. Đã đánh giá và bình phẩm thì đương nhiên phải dựa trên những tiêu chuẩn nhất định. Thị hiếu thẩm mỹ trong tiếp nhận văn học được thể hiện ở chỗ cùng một người đọc, nhưng người đọc ấy thích tác phẩm này mà không thích tác phẩm kia, thích văn của nhà văn này mà không thích văn của nhà văn kia. Đây chính là sự lựa chọn của thị hiếu thẩm mỹ. Sự đánh giá, bình phẩm cũng như sự lựa chọn của thị hiếu thẩm mỹ trong tiếp nhận văn học liên quan đến các tiêu chuẩn mà đây là những tiêu chuẩn thẩm mỹ. Tiêu chuẩn thẩm mỹ là tiêu chuẩn định tính chứ không phải là tiêu chuẩn định lượng.

Nhà văn, nhà thơ sáng tác để tạo nên tác phẩm cũng chính là tạo nên giá trị thẩm mỹ. Người đọc tiếp nhận tác phẩm chính là tiếp nhận giá trị thẩm mỹ. Giá trị thẩm mỹ- tác phẩm- người đọc tiếp nhận bằng thị hiếu thẩm mỹ. Thị hiếu thẩm mỹ vừa là phương thức thẩm mỹ, vừa là tiêu chuẩn thẩm mỹ của các giá trị thẩm mỹ. Đến đây, ta có thể khẳng định rằng thị hiếu thẩm mỹ là "thước đo" mọi giá trị thẩm mỹ, tức mọi tác phẩm văn chương.

1.4.5.Mối quan hệ giữa thị hiếu thẩm mỹ và tiếp nhận văn học là mối quan hệ giữa chủ thể tiếp nhận với chủ thể sáng tạo:

Khi tác phẩm văn học đến tay độc giả cũng có nghĩa là tác phẩm đã rời khỏi tay tác giả. Từ đây nó phải trôi nổi trên dòng đời, trong vòng quay của cuộc sống và chỉ có như vậy thì tác phẩm mới thực hiện trọn vòng đời của mình. Tác phẩm "sống"- tồn tại trong không gian- thời gian và trong lòng người đọc. Tác phẩm văn chương mang tính đối thoại. Nó là bức thông điệp của trái tim nhà văn, nhà thơ gửi tới người đọc. Nó là chiếc "cầu nối" giữa hai bờ của dòng sông tình cảm. Người đọc- chủ thể tiếp nhận-không phải ai cũng gặp trực tiếp được các nhà văn, nhà thơ. Đặc biệt, các nhà văn, nhà thơ đã qua đời, người đọc không bao giờ có thể gặp họ được. Nhưng khi chủ thể tiếp nhận đọc tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ ấy thì chủ thể tiếp nhận đã thực sự "gặp gỡ" các nhà văn, nhà thơ ấy, "chuyện trò" với các nhà văn, nhà thơ ấy qua trung tâm của cuộc đối thoại này là tác phẩm. Chủ thể tiếp nhận lúc đọc tác phẩm, có thể tìm thấy trong tác phẩm tiếng lòng chung với cả sự đồng cảm sâu sắc. Đây là dấu hiệu của sự "*tri âm*". Người đọc cũng có thể tìm thấy trong tác phẩm đã đọc "bóng dáng" của chính họ qua tính cách của một nhân vật nào đó hoặc có khi thấy nhân vật trong tác phẩm mà băng khuông nhớ lại một người nào đó đã gặp ở ngoài đời. Nhưng điều quan trọng nhất là đọc tác phẩm của nhà văn, nhà thơ nào là đã "gặp gỡ" nhà văn, nhà thơ ấy. Đây không phải là cuộc gặp gỡ trên đường hay ở một địa điểm, không gian nào mà là cuộc gặp gỡ trong tác phẩm và tại tác phẩm. Cuộc "gặp gỡ" này đem đến cho chủ thể tiếp nhận một sự hiểu biết về phong cách nghệ thuật, về cái "tâm" và cái "tài" của chủ thể sáng tạo. Người đọc có lúc bắt gặp trong tác phẩm một tiếng nói cảm thông của nhà văn, nhà thơ đối với những con người có số phận giống như số phận của người đọc. Cũng có lúc, trong tâm hồn người đọc- chủ thể tiếp nhận- lại nảy sinh một sự cảm thông đối với nhà văn, nhà thơ.

CHƯƠNG 2: SỰ TIẾP NHẬN VĂN HỌC VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI CỦA THANH NIÊN NGÀY NAY

Việc tiếp nhận các tác phẩm văn chương thuộc về chủ quan của chủ thể tiếp nhận. Nhưng sự hình thành xu hướng và bản lĩnh tiếp nhận của chủ thể tiếp nhận còn do những tác động của hoàn cảnh khách quan, của bối cảnh xã hội. Giống như chủ thể sáng tạo, khi viết một tác phẩm nào đó, họ không thể thoát ra khỏi sự chi phối của hoàn cảnh xã hội, thì chủ thể tiếp nhận khi tiếp nhận một tác phẩm nào đó tất yếu cũng chịu sự tác động của hoàn cảnh tiếp nhận. Như vậy, không chỉ có hoàn cảnh sáng tác mà còn có hoàn cảnh tiếp nhận. Đây là hai hoàn cảnh khác nhau của hai hoạt động khác nhau thuộc hai chủ thể khác nhau (nhà văn sáng tác, người đọc tiếp nhận). Nếu xét về hoàn cảnh lớn- hoàn cảnh xã hội- có khi hoàn cảnh sáng tác và hoàn cảnh tiếp nhận lại giống nhau. Đó là trường hợp các nhà văn đương đại viết về cuộc sống đương đại được người đọc đương đại tiếp nhận. Sự thay đổi và sự tác động của hoàn cảnh tiếp nhận làm nảy sinh những khuynh hướng cảm thụ trong thị hiếu thẩm mỹ của chủ thể tiếp nhận. Vì vậy, khi bàn tới sự tiếp nhận văn học Việt Nam đương đại của thanh niên ngày nay, không thể không nói tới những nét đặc trưng của hoàn cảnh thế giới đương đại, trong đó có hoàn cảnh Việt Nam.

2.1. Một số nét đặc trưng của bối cảnh xã hội hiện nay:

2.1.1. Thời đại cách mạng khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão:

Trên tiến trình lịch sử của nhân loại, chưa bao giờ con người lại được chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật như ngày nay. Trung bình mỗi phút có hàng nghìn trang sách phát minh ra đời. Những phát minh khoa học nhanh chóng đi vào kỹ thuật, vào công nghệ, tạo nên những biến đổi kỳ diệu về đời sống vật chất. Các thể hệ vi tính thì nhau xuất hiện cùng với những chú rôbốt thông minh thay cho con người trong những việc khó khăn.

2.1.2. Thời đại của xu thế toàn cầu hóa với các mối giao lưu rộng lớn xuyên quốc gia, xuyên lục địa:

Trong lịch sử hình thành và phát triển chưa bao giờ các quốc gia dân tộc trên khắp thế giới lại có được mối giao lưu rộng lớn như thập niên 90 của thế kỷ XX và thập niên đầu của thế kỷ XXI. Đây là thời kỳ xuất hiện sự mở rộng giao lưu và hợp tác trên nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa. Với sự giao lưu ấy các dân tộc, các quốc gia dường như

xích lại gần nhau hơn, khoảng cách địa lý không còn là điều bất khoản của các quốc gia dân tộc nữa. Hơn thế nữa, trước đây nếu không có sự trở ngại về khoảng cách địa lý thì cũng có khoảng cách về chính trị, nhưng bước sang thập niên cuối của thế kỷ XX và thập niên đầu của thế kỷ XXI với xu thế toàn cầu hóa thì sự "đóng cửa" giữa các quốc gia có nền chính trị khác nhau đã được nói ra ít nhiều. Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là quốc gia nào cũng có thể tham gia vào xu thế toàn cầu hóa. Bởi xu thế toàn cầu hóa ra đời gắn với sự hình thành nền kinh tế tri thức ở các quốc gia phát triển: *"Nếu trước đây, nền kinh tế công nghiệp đã từng là cơ sở của quá trình quốc tế hóa, thì bây giờ, nền kinh tế tri thức là cơ sở của toàn cầu hóa. Nếu sức sản xuất của nền công nghiệp, đưa quan hệ quốc tế phát triển ở mức độ song phương, đa phương và khu vực, thì sức sản xuất của nền kinh tế tri thức thúc đẩy quan hệ quốc tế lên mức độ toàn cầu"* [32,7]. Và chỉ có sức sản xuất của nền kinh tế tri thức mới đủ sức "phủ sóng" toàn cầu.

Xu thế toàn cầu hóa lúc đầu chủ yếu diễn ra trên lĩnh vực kinh tế, nhưng sau đó lan tỏa theo những bộ phận của những lĩnh vực khác. Đối với lĩnh vực văn hóa, trong đó có văn chương nghệ thuật, toàn cầu hóa đã giúp cho các dân tộc, các quốc gia trên thế giới mở rộng tầm nhìn, giúp cho các quốc gia, các dân tộc có điều kiện giao lưu, trao đổi, học hỏi, tiếp thu các giá trị tinh thần giữa các quốc gia, các dân tộc với nhau, để từ đó góp phần làm phong phú thêm đời sống tinh thần của dân tộc mình, quốc gia mình.

Cũng như các nước đang phát triển khác, Việt Nam không thể đứng ngoài xu thế toàn cầu hóa. Vào những năm cuối thập niên 90 của thế kỷ XX và những năm đầu của thế kỷ XXI, xu thế toàn cầu hóa đã thực sự tác động mạnh mẽ đến đất nước ta trên nhiều lĩnh vực mà trong đó có lĩnh vực văn học nghệ thuật. Không chỉ có giới văn nghệ sĩ mới chịu sự tác động của xu thế toàn cầu hóa mà ngay cả độc giả-những người thưởng thức văn học nghệ thuật- cũng đã bước vào lộ trình của toàn cầu hóa với những nhu cầu mới trong việc thưởng thức các giá trị văn học nghệ thuật. Để có thể hội nhập vào xu thế toàn cầu hóa trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, độc giả Việt Nam đã chuẩn bị cho mình một tâm thế đón nhận văn học hoàn toàn khác hẳn với tâm thế của những thập niên 60,70,80 của thế kỷ XX. Chính vì vậy mà độc giả Việt Nam có khả năng thích ứng nhanh với những tác phẩm mang tinh thần mới của thời đại mới.

2.1.3.Thời đại bùng phát nạn khủng bố và những cuộc chiến tranh cục bộ mang tính sắc tộc và tôn giáo:

Toàn cầu hóa là xu thế tất yếu trong thời đại ngày nay. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, tiến bộ, toàn cầu hóa còn có những mặt hạn chế. Ở đây, chúng tôi muốn đề cập đến sự tác động của toàn cầu hóa đối với việc tiếp nhận văn học của nhân loại. Toàn cầu hóa kinh tế làm trầm trọng thêm sự bất công xã hội, đào sâu hố ngăn cách giàu nghèo trong từng quốc gia và giữa các quốc gia. Có thể nói chính hệ quả này là một trong những nguyên nhân dẫn đến nạn khủng bố và những cuộc chiến tranh cục bộ mang tính sắc tộc và tôn giáo. Nạn khủng bố và những cuộc chiến tranh đang diễn ra trên quy mô toàn cầu đã thực sự chi phối đời sống tâm lý của nhân loại. Ngày nay con người cảm thấy bất an hơn bao giờ hết bởi nạn khủng bố và những cuộc chiến tranh mang tính sắc tộc và tôn giáo không còn bó hẹp trong từng quốc gia, dân tộc mà đã mang tính toàn cầu. Sự bùng phát nạn khủng bố cùng với những cuộc chiến tranh cục bộ mang tính sắc tộc và tôn giáo đã lôi cuốn nhiều quốc gia vào "vòng xoáy" của nó. Từ đó gây nên sự xáo trộn trong đời sống tâm lý của nhân loại. Nhất là ở những quốc gia có nạn khủng bố và những cuộc chiến tranh cục bộ. Những cuộc chiến tranh ấy đã thực sự tác động mạnh mẽ đến nhu cầu tiếp nhận văn học của người dân. Người dân ở những quốc gia dân tộc này từng giờ từng phút phải đối mặt với cái chết.

2.1.4.Thời đại của kinh tế thị trường:

Kinh tế thị trường là con đẻ của chủ nghĩa tư bản. Đó là nền kinh tế năng động và sáng tạo. Khi chấp nhận nền kinh tế này, con người phải phát huy toàn bộ khả năng trí tuệ của mình để thu hút khách hàng, để làm sao nâng cao vị thế của mình trên thương trường và trên hết là để kiếm được lợi nhuận càng nhiều càng tốt. Có thể nói, với xu thế toàn cầu hóa, kinh tế thị trường đã đưa lại cho con người nhiều của cải vật chất hơn, con người ăn sung mặc sướng hơn.Tuy nhiên, có một nghịch lý là khi đời sống vật chất được nâng lên thì cũng là khi đời sống tinh thần giảm sút. Ngày nay, kinh tế thị trường chi phối sâu sắc đời sống tinh thần của con người.Bên cạnh mặt tích cực như: mở ra nhiều hướng tiếp cận các giá trị văn học nghệ thuật cho nhân loại thì kinh tế thị trường lại lấy đi niềm đam mê văn học nghệ thuật chân chính của con người. Kinh tế thị trường có sức lôi cuốn con người mạnh mẽ. Kinh tế thị trường tác động đến nhà xuất bản sách đồng thời cũng tác động đến độc giả. Do chạy theo lợi nhuận, có một thời ở nước ta các nhà xuất bản đã bất chấp chất lượng sách. Họ chỉ quan tâm đến lợi nhuận nên đã chạy theo thị hiếu tầm thường của một số tầng lớp độc

giả trong xã hội. Điều này đã góp phần làm cho việc định hướng thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh của độc giả trở nên khó khăn hơn. Còn độc giả thì thích những tác phẩm đơn giản, không phải suy nghĩ nhiều. Họ đến với tác phẩm văn chương chủ yếu là để giải trí hơn là để thưởng thức cái hay cái đẹp của nó. Từ đó, có thể nói kinh tế thị trường là một trong những thành tố chi phối sâu sắc việc tiếp nhận tác phẩm văn chương của công chúng độc giả hiện nay.

2.1.5. Thời đại bùng nổ thông tin:

Thế kỷ XX được ghi nhận là thế kỷ đánh dấu bước tiến bộ đột biến trong lịch sử phát triển của loài người với việc ra đời của khoa học điện tử- tin học cùng với ứng dụng của nó là công nghệ thông tin. Sự phát triển nhanh chóng đến kinh ngạc cũng như những thành tựu to lớn của công nghệ thông tin là tiền đề khoa học và vật chất cho cuộc cách mạng thông tin diễn ra trong các nước phát triển và đang phát triển mà bản chất của nó là cuộc cách mạng trong giao tiếp và sở hữu trí tuệ xã hội. Có thể nói ngày nay thông tin có một vai trò rất quan trọng đối với mỗi quốc gia, dân tộc, bởi nó có liên quan đến vị thế cũng như tầm ảnh hưởng của mỗi quốc gia, dân tộc trên toàn cầu. Chính tầm quan trọng đó mà trong thập niên cuối của thế kỷ XX, các quốc gia là cường quốc có sự bùng nổ thông tin với thông tin đại chúng bao gồm các loại báo chí: báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử. Toàn cầu hóa thúc đẩy văn hóa nhân loại phát triển với nhịp độ một ngày bằng cả năm trước đây. Vì vậy, chúng ta có thể nói rằng chưa bao giờ trong lịch sử hình thành và phát triển của nhân loại, thông tin lại bùng nổ mạnh mẽ như ngày nay.

- Mỗi phút có hàng chục nghìn trang sách phát minh ra đời. Ở Pháp, trung bình mỗi năm có 2000 cuốn tiểu thuyết mới.

-"Ở Việt Nam sau 20 năm đổi mới và hội nhập quốc tế, báo chí đã có bước phát triển mạnh mẽ chưa từng có. Từ chỗ chỉ có 2 tờ báo in hằng ngày và hơn mười tờ báo hằng tuần, một Đài phát thanh và một Đài truyền hình quốc gia với diện phủ sóng rất hạn chế, ngày nay cả nước đã có 517 cơ quan báo cung cấp cho bạn đọc gần 700 ấn phẩm với khoảng 550 triệu bản báo mỗi năm, 64 đài phát thanh và truyền hình cấp tỉnh và thành phố, trên 500 đài phát thanh cấp huyện, hàng ngàn đài truyền thanh phường xã. Sóng phát thanh hiện đã tới 5 châu lục và 90% lãnh thổ nước ta, sóng truyền hình đã phủ phần lớn diện tích châu Âu, Bắc Mỹ và 85% diện tích cả nước. Tuy mới bước đầu phát triển, nước ta hiện đã có 50 tờ báo điện tử, 2.500 trang tin điện tử được cấp phép hoạt động, phục vụ 3,4 triệu thuê bao

và hàng chục triệu người sử dụng In-to-net không thường xuyên. Đi đôi với sự phát triển về số lượng, trình độ kỹ thuật của báo chí cũng được nâng lên không ngừng, nhiều lĩnh vực như phát thanh, truyền hình, thông tin trên mạng tin học, in ấn đã đạt trình độ trung bình tiên tiến của thế giới " [68,41] Có thể nói, mỗi người ở thời đương đại đều sống trong sự phong tỏa của nhiều tầng tầng lớp lớp thông tin.

2.2.Văn hóa đọc của thanh niên Việt Nam ngày nay trong bối cảnh thế giới đương đại:

2.2.1.Văn hóa đọc là văn hóa bậc cao dựa trên cơ sở tiếp nhận bằng cách đọc và thẩm định những ký hiệu được biểu thị bằng ngôn ngữ, chữ viết:

Nói đến văn hóa đọc là nói đến trình độ tiếp nhận của người đọc đối với các tác phẩm văn chương cũng như các công trình khoa học khác. Phải có một trình độ tiếp nhận cao của nhiều người đọc thì mới tạo nên văn hóa đọc. Việc đọc không chỉ đơn thuần là tiếp nhận thông tin mà nó luôn gắn liền với việc xử lý thông tin. Giới nghiên cứu nền văn hóa của thế giới hiện đại đã từng nêu lên một thông báo rằng: hiện nay người Nhật đọc nhiều sách báo nhất. Điều đó chứng tỏ văn hóa đọc của Nhật Bản có sự phát triển khá cao. Đọc thực sự là một nhu cầu lớn của nhân loại trong thế giới hiện đại. Trong những năm gần đây, đặc biệt là sau khi thực hiện công cuộc đổi mới, nền kinh tế của nước ta có những bước phát triển cao thì theo đó nhu cầu đọc của người dân nước ta cũng tăng lên đáng kể. Ở rất nhiều gia đình, mặc dù đã có tivi, radio nhưng họ vẫn mua nhiều loại báo để đọc. Số lượng báo và tạp chí của nước ta cho đến hôm nay có gần 700 tên báo, tạp chí. Nếu như trước kia, khi đất nước chưa thống nhất, ở miền Bắc chỉ có hai loại báo ra hàng ngày; đó là báo Nhân dân- Cơ quan ngôn luận của Đảng Lao động Việt Nam và báo Quân đội nhân dân của Bộ Quốc phòng thì đến nay đã có tới hàng chục tờ báo ra hàng ngày với số lượng lớn. Một nét nổi bật là rất nhiều loại báo chuyên ngành được phát hành rộng rãi. Đó là mấy nét khi xét chung về văn hóa đọc hiện nay. Nhưng ở đây, điều cần tập trung nói tới là việc đọc các tác phẩm văn chương. Có thể phân việc đọc ra làm hai dạng: dạng thứ nhất là đọc để nắm bắt thông tin, hai là đọc để giải mã các ký hiệu thẩm mỹ. Đối tượng của dạng đọc thứ nhất là báo chí và các công trình khoa học mà các công trình khoa học này được trình bày bằng lý thuyết hoặc các ký hiệu khác. Đối tượng của dạng đọc thứ hai là các tác phẩm văn chương mà các tác phẩm văn chương lại được trình bày bằng hình tượng nghệ thuật. Việc đọc ở dạng thứ nhất là sự tiếp nhận trung thành các thông tin bằng nhận thức hoặc có lúc việc tiếp nhận diễn ra

cùng với sự chọn lọc thông tin, "khử" độ "dư" thông tin. Còn ở dạng đọc thứ hai là sự tiếp nhận các ký hiệu thẩm mỹ để "giải mã" các ký hiệu thẩm mỹ ấy bằng cả tư duy, bằng cả nhận thức và tưởng tượng sáng tạo. Ở dạng đọc thứ hai thì đọc cũng là một sự sáng tạo. Chính vì thế nên Iser- một trong những nhà mỹ học tiếp nhận - mới gọi người đọc văn chương là người "*đồng sáng tạo*".

Hiện nay, các thế hệ trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều có nhu cầu đọc rất lớn, đặc biệt là thanh niên. Điều cần ghi nhận nếu xét về trình độ học vấn thì hầu hết thanh niên nước ta hiện nay có trình độ học vấn khá cao so với trước đây. Trong từng lớp thanh niên ấy có rất nhiều người đã có trình độ đại học hoặc trên đại học. Nhưng nói như vậy không có nghĩa là số thanh niên có trình độ học vấn khá cao đó ai cũng đọc tác phẩm văn chương. Nhiều thanh niên hiện nay đang sống trong trạng thái bị sức hút của quỹ đạo kinh tế thị trường. Một số thanh niên khác lại đắm say với những ngành kỹ thuật mũi nhọn. Vì vậy, có một thực tế phải thừa nhận là trước đây khi đất nước chưa thống nhất, chỉ tính riêng miền Bắc, mỗi tác phẩm văn chương được xuất bản tối thiểu đạt mức 10.200 cuốn và cũng có khi vượt lên cả số lượng bản in ấy. Vậy mà đến bây giờ khi đất nước đã hoàn toàn thống nhất, nền kinh tế đạt đến mức tăng trưởng cao, công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã đẩy nhanh tốc độ phát triển của đất nước, nhưng mỗi tác phẩm văn chương được xuất bản chỉ đạt mức tối đa là 1.500 cuốn trừ những tác phẩm đã từng đạt giải thưởng văn học. Ví dụ tiểu thuyết "*Giàn thiêu*" của Võ Thị Hảo đoạt giải của Hội Nhà văn Hà Nội 2003-2004 đã được NXB Phụ nữ tái bản với số lượng 3.000 bản, hoặc như tác phẩm của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh viết cho thiếu nhi (gồm 45 tập truyện "*Kính vạn hoa*") giữ kỷ lục phát hành cao nhất - trên 1 triệu bản sau bảy năm ra đời đã được NXB Trẻ tái bản vào năm 2003 với số lượng 7.000 bản/ tập. Với 2 vạn bản in, tác phẩm : "*Chuyện xứ Lang Biang*" đã được bạn đọc chờ đón và mua ngay từ tập đầu tiên. Bùi Chí Vinh với gần 3 triệu bản sách "*Tứ quái TKKG*" được tung ra và được bạn đọc đón nhận nồng nhiệt. Còn một số tác phẩm văn học khác đều được giới nghiên cứu phê bình đánh giá cao, song cũng chỉ được xuất bản bó hẹp trong phạm vi mấy nghìn bản. Các ấn phẩm văn học với số lượng khiêm tốn đã thực sự tạo tâm lý lo ngại ở nhiều người quan tâm đến văn hóa đọc của giới trẻ.

Không lo sao được khi cuộc sống tràn ngập đến mức quá tải thông tin các phương tiện nghe nhìn và báo chí. Trước đây trong những năm chiến tranh và mười năm sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đọc sách dường như là con đường duy nhất để người ta có thể

tiếp cận với các nền văn hóa khác nhau trên thế giới. Lúc đó, văn hóa đọc chiếm vị trí độc tôn. Người ta thường trao đổi, tâm sự với nhau về những tác phẩm tâm đắc, thường trao tay nhau những cuốn sách hay. Những cuộc bình thơ, bình văn bao giờ cũng thu hút đông đảo độc giả, người xem. Đó là thời " *người ta có thể vừa ra trận địa vừa thỏn thức về một Bình minh mưa, và để quên đi cái bụng còn cào vì mấy miếng mì luộc, anh sinh viên sẽ chìm đắm vào không khí bi hùng của một Paris sụp đổ*" [61, 3]. Còn ngày nay, trước sự lấn sân của văn hóa nghe-nhìn, nhiều người đã không khỏi băn khoăn về văn hóa đọc của giới trẻ : thanh niên ngày nay không đọc báo *Văn nghệ* mà đọc báo *An Ninh thế giới*, thích xem phim Hàn Quốc hơn là đọc những tác phẩm văn học nổi tiếng. Nếu như những năm trước, sách văn học được đọc nhiều hơn cả, thì ngày nay một bài viết trên các tờ báo *Tuổi trẻ* hay *An ninh thế giới* dễ dàng thu hút hàng chục ngàn độc giả trẻ tuổi, chưa kể những ấn phẩm báo chí lá cải vô bổ thậm chí độc hại khác. Người ta cũng có thể biết mọi chuyện từ Đông sang Tây bằng cách nhấp con chuột trên màn hình vi tính. Tuy vậy, văn hóa nghe- nhìn dù phát triển đến đâu cũng không thể thay thế được vai trò của văn hóa đọc trong đời sống con người bởi văn hóa nghe- nhìn có phần nghiêng về văn hóa vật chất còn văn hóa đọc lại mang đậm dấu ấn của văn hóa tinh thần. Với việc vật chất hóa trong thưởng thức nghệ thuật, văn hóa nghe- nhìn có sức lôi cuốn rất lớn. Trong khoảng thời gian rất ngắn, nó có thể thu hút sự chú ý của hàng chục, hàng trăm người. Văn hóa nghe- nhìn vì vậy chiếm lĩnh rất lớn đối với toàn bộ thế giới tinh thần của con người. Song bên cạnh những ưu điểm đó, văn hóa nghe- nhìn có rất nhiều nhược điểm. Với chức năng là làm thỏa mãn đối tượng phục vụ là con người, văn hóa nghe- nhìn làm cho con người ngày càng trở nên lười suy nghĩ, ỷ lại, nông cạn và hời hợt. Nói như vậy không có nghĩa là những hình ảnh đầy ấn tượng của một bộ phim truyện hay những cảnh, những người trong một vở kịch được trình diễn, một bản nhạc, một bài ca, một điệu múa,...không để lại một cảm xúc, một suy nghĩ nào cho người xem, người nghe. Nhưng dù sao thì những loại hình nghệ thuật ấy cũng đem đến cho người thưởng thức được thấy và nghe trực tiếp, nên không có sức gợi lớn cho sự tưởng tượng sáng tạo của người thưởng thức. Đối với người đọc, tác phẩm văn chương có tính trực cảm chứ không có tính trực tiếp khi tiếp nhận như các loại hình nghệ thuật khác.

Có thể nói, một khi đã ham thích một loại hình nào đó của văn hóa nghe- nhìn thì đời sống tinh thần của con người dễ có nguy cơ nghèo nàn, thiếu cận và đơn điệu. Khi cần phải diễn tả ý nghĩ của mình, con người sẽ khó khăn trong trình bày và diễn đạt. Do vậy, sự diễn tả ấy sẽ không đạt hiệu quả tốt. Đây cũng là nguyên nhân tại sao ở các nước tiên tiến, người

ta cấm không cho trẻ em xem tivi và kiểm tra rất kỹ tranh truyện ẩn loát cho trẻ em bởi nếu không làm như vậy, sẽ dễ diễn ra hậu quả lười biếng đọc sách, giảm thiểu sự ham mê đọc sách và yêu thích sách ở trẻ. Văn hóa nghe - nhìn vì thế được xem như là nhánh còn văn hóa đọc là gốc. Có thể nói, văn hóa đọc là nền tảng của mọi phạm trù văn hóa. Nếu như văn hóa nghe - nhìn làm cho con người trở nên hời hợt, nông cạn thì văn hóa đọc lại giúp cho con người có sự nghiêm ngặt để từ đó con người đào sâu và mở rộng tư duy, đi tới kích thích và phát triển khả năng tư duy, kích thích sự tìm tòi khám phá. Văn hóa đọc bồi đắp năng lực tư duy của con người, để từ đó tạo lập tính độc lập, vun đắp những phẩm chất tốt đẹp cho nhân cách của con người. Người xưa có câu nói về sự đọc của mình: *"Đọc thì phải đọc làm sao mà cần được cho vỡ nát cái vỏ dày của chữ, để hút lấy cái tủy của chữ, hút lấy cái tủy ẩn sâu trong hàng chữ, trong trang sách, đem nuôi sống và vun bón cho sự hiểu biết của con người"* [69,3]. *"Cái tủy của chữ"* chính là cái cốt lõi, cái tinh túy, cái "thần" của tác phẩm văn chương. Do vậy, đọc văn là *"để cảm, để sống, để thưởng thức, để dùng, để tự phát triển bản thân, cho nên đọc sáng tạo và đọc sử dụng là khâu cao nhất. Người đọc phải tìm được cái nghĩa mà người đọc trước chưa thấy, thậm chí kiểu cái nghĩa ngoài tầm kiểm soát của tác giả"* [65, 3]. Có thể nói, văn hóa đọc có vai trò rất quan trọng trong việc bồi đắp các giá trị tinh thần, nâng cao trí năng cho con người. Nó tạo ra vô vàn các *"đại lộ"* để đi đến với học vấn. Và một khi thấu hiểu và giác ngộ văn hóa đọc thì con người sẽ tự chọn cho mình một cách tiếp cận văn hóa nghe- nhìn và không bao giờ tự nạp mình làm nô lệ cho văn hóa nghe- nhìn (nhất là văn hóa nghe- nhìn nhằm thỏa mãn thị hiếu thấp kém). Văn hóa đọc vì vậy làm nên diện mạo, cốt cách riêng cho mỗi người và cho dân tộc, không thể bị đồng hóa, mất gốc. Chẳng những thế văn hóa đọc còn cho ta cách thức tiếp thu tốt nhất các giá trị tinh hoa của văn hóa nhân loại.

Cũng đều là thành viên của gia đình nghệ thuật, song văn chương, hội họa, âm nhạc, mỗi loại hình lại có ưu thế khác nhau. Chất liệu của hội họa là màu sắc, đường nét, chất liệu của nhạc là âm thanh và nhịp điệu. Vì vậy, hội họa và âm nhạc có thể tác động trực tiếp đến thính giác, thị giác của người thưởng thức. Còn tác phẩm văn chương được sáng tác bằng ngôn ngữ, nên khi tiếp nhận, người đọc phải dùng trí tưởng tượng thì mới có thể cảm nhận được vẻ đẹp tinh tế của hình tượng nghệ thuật tàng ẩn trong tác phẩm. Bộ tranh tứ bình trong hội họa với mai - lan- cúc- trúc chỉ có thể khắc họa được theo lối tượng trưng một điểm nhìn rất "tĩnh" về cảnh bốn mùa xuân- hạ- thu- đông chứ không thể nào diễn tả được sự vận hành chu chuyển của thời gian bốn mùa. Theo cách thể hiện của bộ tranh tứ bình thì

"*Chúng ta đã đang và sẽ tắm lại hàng vạn lần trên một dòng sông*". Trong thực tế lại là "*Chúng ta không bao giờ tắm lại lần thứ hai trên một dòng sông*" (Heraclit). Trong văn chương với chất liệu ngôn từ, nhà văn, nhà thơ đã miêu tả được sự chuyển dịch của bốn mùa trong năm với sắc màu rất đặc trưng, tiêu biểu:

"Sen tàn cúc lại nở hoa

Sầu dài ngày ngắn, đông đà sang xuân "

Âm nhạc và hội họa làm sao có thể diễn tả được sự co giãn đàn hồi của thời gian để khắc họa tâm trạng khác khoải, trông chờ như ương vãn chương:

"Sầu đông càng lắng càng đầy

Ba thu dọn lại một ngày dài ghê "

Ngôn ngữ văn chương có ưu thế tuyệt đối trong việc diễn tả thời gian tâm lý. Chính vì vậy, khi đọc tác phẩm văn chương, người đọc có phản ứng tâm lý khác với phản ứng tâm lý của người nghe nhạc, xem tranh. Đối với tác phẩm văn chương đặc sắc, phản ứng tâm lý của người đọc như muốn "uống" từng lời, nhâm nhi từng câu, từng chữ, như muốn "nhập vào" thế giới văn chương trong tác phẩm để khám phá vẻ đẹp của nó một cách say sưa. Sự tưởng tượng sáng tạo của người đọc sẽ làm cho vẻ đẹp của hình tượng trong tác phẩm trở nên lung linh, lấp lánh hơn qua sự khúc xạ của tâm hồn người đọc. Bởi vậy người đọc phải liên tưởng, tưởng tượng. Trí tưởng tượng là một trong những yếu tố quan trọng giúp người đọc thâm nhập vào tác phẩm văn chương một cách trọn vẹn. Tưởng tượng không chỉ giúp người đọc tiếp nhận tái tạo lại những hình ảnh, chi tiết có trong tác phẩm mà cao hơn nữa là thông qua những hình ảnh, chi tiết ấy, người đọc còn tiếp nhận sáng tạo. Và tùy theo khả năng tưởng tượng của từng người đọc mà những hình ảnh, những chi tiết trong tác phẩm văn chương được tiếp nhận ở những sắc độ khác nhau. Rõ ràng, việc thưởng thức một tác phẩm văn chương có phần khác với thưởng thức một bản nhạc hoặc một bức tranh. Phần khác đó là bởi tác phẩm văn chương được tạo nên bởi chất liệu ngôn từ. Chất liệu ngôn từ không chỉ tạo nên đặc trưng của tác phẩm văn chương mà còn tạo nên những tác động riêng đối với người tiếp nhận tác phẩm văn chương. Vì vậy, ngôn từ vừa tạo nên tác phẩm văn chương, vừa chi phối sự cảm thụ văn chương.

Ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương cũng hoàn toàn khác với ngôn ngữ trong các công trình khoa học. Trong các công trình khoa học từ ngữ có độ chính xác rất cao, mang

tính đơm nghĩa, còn trong tác phẩm văn chương ngôn từ bao giờ cũng mang tính đa nghĩa. Nói "một", nói "ba " như trong câu tục ngữ: "*Một cây làm chẳng nên non; Ba cây chụm lại thành hòn núi cao* " không phải là đề nói đến "một cây", hay "ba cây" có tính xác định như trong toán học mà "một" ở đây chỉ sự đơm độc, riêng lẻ, cá thể còn "ba " là chỉ số nhiều, số đông, chỉ tập thể, "ba cây " trong sự "*chụm lại*" chỉ sự đoàn kết. Khi tiếp nhận một tác phẩm văn học hoàn toàn khác với việc tiếp nhận một công trình khoa học. Nếu như tiếp nhận các công trình khoa học, người đọc chỉ cần có tư duy logic, tư duy luận lý là đủ thì tiếp nhận một tác phẩm văn chương người đọc phải vừa có tư duy, vừa phải biết cảm thụ. Tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn chương là một trong những đặc trưng quan trọng. Nó làm cho ý nghĩa của hình tượng tác phẩm "sinh sôi nảy nở" trong tâm hồn người đọc mà ngay cả bản thân nhà văn là cha đẻ tinh thần của tác phẩm nhiều khi cũng không ý thức hết những gì họ viết ra và những gì sẽ được đọc.

Nói đến tiếp nhận văn học cũng chính là nói đến việc đọc tác phẩm văn chương mà chủ thể là người đọc và đối tượng là tác phẩm văn chương. Nếu xét tổng thể thì việc đọc tác phẩm văn chương là tiếp thu, là cảm nhận văn chương. Nhưng nếu đi vào cơ cấu của hoạt động tiếp nhận, cảm nhận văn chương này thì có tới bốn cấp độ tiếp nhận khác nhau hay nói cách khác là bốn cấp độ đọc văn chương khác nhau. Những cấp độ đọc khác nhau này đều chịu sự chi phối của động cơ và mục đích đọc, mức độ tiếp nhận. Từ đó, có thể phân ra một cách tương đối bốn cấp độ đọc văn chương như sau tương ứng với bốn loại chủ thể tiếp nhận.

Cấp độ thứ nhất là đọc cảm thụ. Ở cấp độ này, người đọc có thể nằm trong một độ tuổi nào đó không phân định hoặc làm một nghề nghiệp gì đó hoặc thuộc trình độ văn hóa nào đó không phân định. Người đọc ở cấp độ này là những người thực sự yêu văn chương. Họ muốn đọc để cảm thụ cái hay cái đẹp của tác phẩm văn chương. Có những tác phẩm họ đọc đi, đọc lại nhiều lần và mỗi lần đọc lại thì họ như càng có thêm những rung cảm trước những vẻ đẹp của hình tượng. Có những tác phẩm mới xuất bản, khi nghe tiếng, họ tìm mua cho bằng được với tất cả niềm háo hức. Những chủ thể đọc ở cấp độ đọc văn chương này có sức cảm thụ rất bền dai. Đối với họ, tác phẩm văn chương bao giờ cũng có sức hấp dẫn lớn. Họ có thể đọc một cách say sưa đối với những tác phẩm văn chương thực sự là đặc sắc. Áp lực thúc đẩy việc đọc văn chương của họ là nhu cầu cảm thụ thẩm mỹ. Phạm vi đối tượng những tác phẩm văn chương ở cấp độ này rất rộng lớn.

Cấp độ thứ hai của việc đọc văn chương là đọc để học. Ở cấp độ đọc văn chương thứ hai này, bao gồm những người đọc là học sinh, sinh viên cao đẳng, sinh viên đại học chuyên ngành ngữ văn và cả những người đọc để học tập cách sáng tạo của nhà văn đi trước. Chủ thể tiếp nhận ở cấp độ đọc văn chương thứ hai này bao giờ cũng tập trung cho các tác phẩm có trong chương trình hoặc là những tác phẩm tiêu biểu được lựa chọn phù hợp với mục đích tiếp nhận là để học tập. Người đọc ở cấp độ này tiếp nhận tác phẩm một cách hoàn chỉnh. Đó là tiếp nhận những giá trị nội dung và nghệ thuật của những tác phẩm được xem là tiêu biểu nhất trong từng giai đoạn phát triển của lịch sử văn học. Đối với những người đọc vì mục đích đọc để học tập nghệ thuật làm thơ hay viết văn thì chọn những tác phẩm đặc sắc của những nhà thơ và nhà văn bậc thầy để đọc. Phạm vi đối tượng tác phẩm đọc ở cấp độ thứ hai có phần hẹp hơn so với phạm vi đối tượng tác phẩm cần đọc ở cấp độ thứ nhất. Các tác phẩm văn chương có trong chương trình học thường qua nhiều khâu tiếp nhận. Chủ thể tiếp nhận tiếp nhận ở cấp độ thứ hai này có ý thức rất cao và áp lực đưa chủ thể tiếp nhận đến với tác phẩm là bởi yêu cầu của việc học tập

Cấp độ đọc văn chương thứ ba là đọc để khám phá, phát hiện vẻ đẹp của hình tượng trong tác phẩm. Chủ thể đọc văn chương ở cấp độ này là những người nghiên cứu và giảng dạy văn chương. Họ đọc và rơi vào tác phẩm văn chương những tia sáng của sự khám phá và phát hiện chân lý nghệ thuật và chân lý cuộc sống trong tác phẩm. Từ đó họ tìm thấy vẻ đẹp của hình tượng văn chương đằng sau những con chữ. Chủ thể đọc văn chương thuộc cấp độ này có khi tạo nên một tác phẩm mới bằng tư duy và tưởng tượng sáng tạo trên cơ sở tác phẩm mà họ đã đọc. Tác phẩm mới này không phải là sự lặp lại tác phẩm đã đọc mà nó cao hơn tác phẩm đã đọc bằng tư duy lý luận nhằm phân tích tổng hợp, khám phá khai thác những giá trị đích thực của tác phẩm. Nhờ vậy, họ có thể chuyển đến những người đọc là học sinh, sinh viên hay các loại người đọc khác những thông tin thẩm mỹ có từ tác phẩm, đã qua sự khám phá của họ. Đối tượng mà họ đọc ở cấp độ thứ ba này vừa rộng lại vừa hẹp. Có rộng thì họ mới có một nguồn dữ kiện, dữ liệu, một nguồn thông tin phong phú để trên cơ sở đó họ mới làm chủ được những tác phẩm trong phạm vi hẹp có quy định trong chương trình và sách giáo khoa. Nếu chủ thể đọc văn chương là những nhà nghiên cứu văn chương thì đối tượng tác phẩm văn chương mà họ đọc là rất rộng. Áp lực thúc đẩy họ đọc văn chương là bởi yêu cầu của nghề nghiệp và cả nhu cầu cảm thụ thẩm mỹ. Trình độ thâm nhập tác phẩm của những chủ thể tiếp nhận ở đây là rất sâu sắc. Trong thực tế, những người đọc tác phẩm chỉ vì yêu cầu của những người tiếp nhận khác mà không vì nhu cầu cảm thụ thẩm mỹ

thì khi giảng dạy cũng như nghiên cứu văn chương sẽ không có được cái vẻ nhuần nhị và sâu sắc. Nếu không vì nhu cầu cảm thụ thẩm mỹ bằng cả tình yêu văn chương say đắm thì khi khai thác tác phẩm văn chương cũng dễ rơi vào khô khan, cứng nhắc.

Cấp độ đọc văn chương thứ tư là để thẩm định giá trị một tác phẩm văn chương. Cấp độ này thuộc về những nhà phê bình văn học. Đối tượng của các nhà phê bình văn học là tất cả những tác phẩm mới được xuất bản. Tuy vậy, hiện nay trong giới nghiên cứu văn học còn mở rộng phạm vi đối tượng của các nhà phê bình văn học là bao gồm cả những tác phẩm đã được xuất bản trước kia chứ không chỉ có những tác phẩm mới xuất bản. Có những nhà phê bình chuyên sâu về tác phẩm tự sự, nhưng cũng có những nhà phê bình lại chuyên sâu về thơ ca và cũng có những nhà phê bình vừa chuyên sâu về tác phẩm tự sự và thơ ca và cũng có những nhà phê bình chuyên sâu về kịch bản. Song cũng có những nhà phê bình văn học phê bình đủ các tác phẩm, đủ các thể loại. Có thể nói đối tượng của các nhà phê bình văn học là rất rộng lớn, bao gồm cả những tác phẩm xưa và nay đủ các loại thể và thể loại. Sự tiếp nhận văn học, bằng việc đọc tác phẩm văn chương của các nhà phê bình văn học được thể hiện bằng việc thẩm định, bình giá giá trị của mỗi tác phẩm văn chương. Việc đọc tác phẩm văn chương ở cấp độ này đánh dấu một mức độ tiếp nhận rất cao trên cơ sở của sự tư duy sắc sảo và cảm xúc thẩm mỹ tinh tế.

Sự phân định bốn cấp độ đọc tác phẩm ở trên đây có tính chất tương đối dựa trên cơ sở của sự tiếp nhận văn học mang tính chuyên biệt. Giữa các cấp độ tiếp nhận văn học này có mối quan hệ chặt chẽ và có yếu tố giao thoa.

Dựa vào bốn cấp độ tiếp nhận tác phẩm văn học trên, ta có thể biết được rằng sự tiếp nhận tác phẩm văn học của thế hệ trẻ (bao gồm cả học sinh, sinh viên học văn) nằm trong hai cấp độ một và hai nên sự tiếp nhận tác phẩm văn học của thế hệ trẻ vừa rộng lại vừa hẹp. Tính hạn hẹp của sự tiếp nhận tác phẩm văn học ở thế hệ trẻ ngày nay là do chương trình học tập quy định. Tính rộng mở trong sự tiếp nhận tác phẩm văn học của thế hệ trẻ được thể hiện ở chỗ tìm đọc thêm do chương trình học tập gợi ra, hoặc có thể do sở thích, do nhu cầu thưởng thức các tác phẩm văn học. Về điểm này, thế hệ trẻ được lựa chọn trong một phạm vi rộng lớn của rất nhiều tác phẩm văn chương.

2.2.2. Văn hóa đọc của thanh niên Việt Nam hiện nay:

Trong bài "*Giới trẻ đang nhạt "tình" với văn học"* có đoạn viết: "*Nếu bây giờ hỏi lớp trẻ về công nghệ thông tin, khoa học, kỹ thuật, hẳn nhiều người sẽ ngạc nhiên bởi sự am*

hiếu của họ về lĩnh vực này...Nhưng hỏi họ về các tác phẩm văn học nổi tiếng như "Những người khốn khổ", "Ông già và biển cả" hay thậm chí là tác phẩm văn học trong nước như "Bước đường cùng", "Dấu chân người lính" v.v..., hẳn họ mù tịt. Phải chăng đã và đang tồn tại căn bệnh "mù văn học" ở lớp trẻ?" [96]. Sống trong thời đại bùng nổ thông tin, thanh niên Việt Nam ngày nay có nhu cầu đọc rất lớn. Tuy nhiên, nhu cầu đọc của thanh niên ngày nay chỉ tập trung ở những thông tin mang tính cập nhật, tính thực dụng như thông tin kinh tế, thông tin khoa học kỹ thuật, thông tin thể thao, thông tin về sản phẩm tiêu dùng, thông tin về việc làm, thông tin về chính sách...Còn đối với văn chương, nhu cầu đọc của thanh niên ngày nay không cao, rất nhiều thanh niên ngày nay tỏ ra hững hờ đối với văn chương. Cuộc sống quay vòng với đồng tiền, còn người đọc quay lưng với văn chương. Khi tâm sự với phóng viên báo *Lao động*, nhà thơ Thanh Thảo đã phải than phiền trước thực trạng văn hóa đọc của giới trẻ ngày nay: "...Lớp trẻ ít đọc sách, cho những cuốn tiểu thuyết mang tính xã hội, nhân văn là "nặng", khó đọc. Họ đọc sách chuyên môn vì thực dụng hơn là biết hệ thống hóa cho mình những kiến thức rộng rãi. Văn hóa nghe nhìn đáp ứng kiến thức ảo, hời hợt mà nhiều người cứ tưởng là kiến thức thật. Hệ quả là trình độ văn học, mặt bằng dân trí, nền tảng văn hóa ở mỗi con người thấp dần đi" [96] (*Thanh niên quá lười đọc*) . Quả vậy, thật khó có thể tìm thấy hình ảnh thanh niên ngày nay say mê đọc những tác phẩm văn chương đến quên ăn, quên ngủ như thế hệ thanh niên của những thập niên 60, 70, 80. Mà nếu thanh niên ngày nay có đọc thì cũng chỉ là đọc qua loa, đọc "cho biết" nên đã dẫn đến chất lượng việc đọc tác phẩm văn chương thấp. Đó là một thực tế tồn tại trong nhiều năm trước đây: "Để ý tất cả các hiệu sách, các quầy sách ở các nơi, đâu cũng bày bán những tập truyện tranh của Nhật Bản như "Đô-rê-môn", "Thủy thủ mặt trăng". Khá hơn chút nữa là sách của Nguyễn Nhật Ánh, truyện tâm lý của Quỳnh Dao,v.v...Sổ sách này có rất nhiều độc giả, từ thiếu niên đến thanh niên, sinh viên. Còn các tác phẩm văn học nổi tiếng trong và ngoài nước, chỉ một số ít là "đã nghe tên " chứ chưa đọc qua, kể cả sinh viên thuộc khối các trường xã hội" [96] (*Giới trẻ đang nhạt tình với văn học*). Có nhiều lý do để giải thích hiện tượng này. Trước hết, do cách nhìn của xã hội đối với văn chương. Kể từ khi xuất hiện kinh tế thị trường, trong xã hội ta đã nảy sinh thái độ xem thường văn chương, xem thường những người học văn. Trong nhận thức của những người này văn chương là một môn học vu vơ, chẳng đem lại một lợi ích thiết thực gì trong thời buổi kinh tế thị trường. Những người học văn bị xem là những kẻ viển vông, lảm nhảm, chỉ biết nói theo. Từ cái nhìn có phần thiên lệch ấy của nhiều người trong xã hội đã ảnh hưởng lớn đến nhận thức của thế

hệ trẻ về văn chương, từ từ hần sâu vào trí óc của lớp trẻ sự xem thường văn chương. Do một thực tế là cách mạng khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão, tạo nên sự biến đổi nhanh chóng về đời sống vật chất nên nó đã thu hút con người vào "vòng xoáy" của chính nó. Mặt khác, kinh tế thị trường đã trở thành "đòn bẩy" để đưa nền kinh tế nước ta đến với những bước phá triển mới, song nó lại liên kết một cách tự nhiên với cách mạng khoa học kỹ thuật để tạo nên tư tưởng thực dụng, chạy theo vật chất, xem thường văn chương. Điều này được thể hiện ở việc các bậc phụ huynh luôn hướng con em của họ chọn các khối A, khối B hay khối D để thi đại học, chứ ít khi chọn khối c, đặc biệt là khối c môn văn. Trong tâm thức của nhân dân ta hiện nay thì thời đại ngày nay là thời đại của khoa học kỹ thuật- thời đại của vệ tinh, tên lửa, thời đại của kỹ thuật thông tin hiện đại, thời đại của máy tính điện tử... Ngay khi nói tới thời đại của kinh tế tri thức thì văn chương cũng không nằm trong kinh tế tri thức ấy. Chính vì vậy, họ không hề xem trọng hoặc nói chính xác hơn họ đã gạt văn chương ra ngoài vòng quan tâm của họ. Đó là xét về đại thể. Tuy nhiên, hiện nay, ở thành phố cũng như ở nông thôn nước ta vẫn còn những người yêu văn, yêu sách.

Bên cạnh sức ép tâm lý từ gia đình, xã hội, một lý do khác làm cho thanh niên ngày nay không mấy mặn mà với tác phẩm văn chương là bởi cuộc sống quá tất bật, họ chỉ đủ thời gian lựa chọn những thông tin nào thật cần thiết nhằm trang bị cho bản thân những kiến thức hữu dụng phù hợp với cuộc sống hiện đại. Thêm vào đó, hàng loạt tác phẩm văn chương đương đại chưa thực sự đáp ứng thị hiếu thẩm mỹ của công chúng độc giả trẻ tuổi. Nhưng nói như vậy không có nghĩa toàn bộ thanh niên ngày nay không yêu thích văn chương. Công bằng mà nói, bên cạnh những bạn trẻ "dị ứng" với văn chương còn rất nhiều độc giả trẻ tuổi vẫn còn "nặng lòng" với văn chương. Song nhu cầu đọc của họ đã khác so với thế hệ thanh niên những năm 60,70,80 của thế kỷ trước. Trước đây, do hoàn cảnh của đất nước, nhu cầu đọc của độc giả trong đó có lớp trẻ khá đơn giản và lúc đó món ăn tinh thần của họ cũng đọc chỉ có sách. Còn ngày nay, nhu cầu đọc tác phẩm văn chương của thanh niên rất đa dạng và phong phú. Họ đòi hỏi cần phải có những cuốn sách thiết thực phù hợp với sở nguyện của họ. Họ không chỉ đọc tác phẩm của một tác giả mà họ yêu quý hay đọc những cuốn sách có cùng đề tài, chủ đề,... với mong mỏi có những tác phẩm thể hiện những việc làm, những suy nghĩ của giới trẻ hiện nay. Trong bài viết "*Cuộc sống đặt hàng gì ở các nhà văn?*", nhà báo Lam Điền cho rằng: "*Giới trẻ còn đọc nhiều, tiểu thuyết Kim Dung dài tập vẫn đang bán rất hút hàng, thậm chí các bạn trẻ hiện nay còn lên mạng Internet download truyện Cô Long về đọc. Sách truyện dày như Harry Potter vẫn bán rất*

chạy...trong khi truyện Việt Nam in mỏng, bán giá rẻ lại ít người mua, tại sao? Câu trả lời là bởi người ta nhìn thấy ở Harry Potter sự gần gũi, cuốn hút, thú vị" [20, 12]. Nhiều độc giả của báo Tuổi trẻ khi tham gia diễn đàn "Người đọc đang chờ đợi gì ở các nhà văn ?" trước thêm đại hội Hội nhà văn Việt Nam (4-2005), cũng đã nêu ra yêu cầu đối với nhà văn trong việc phản ánh hiện thực cuộc sống đương đại, bởi theo độc giả Phan Lạc Đông Quân: "Nhà văn, nhà thơ được quần chúng yêu thích, biết đến bởi vì đã nói được "trúng tim đen " của họ trong một hoàn cảnh cụ thể, một giai đoạn lịch sử cụ thể. Nhà văn được xem như là những nhà tiên tri. Độc giả chờ đợi, hy vọng ở nhà văn đem đến một luồng ánh sáng mới để giúp họ có thể nhìn được đoạn đường hiện nay họ đang đi" [89, 12]. Hy vọng của bạn đọc Phan Lạc Đông Quân đối với các nhà văn Việt Nam đương đại cũng chính là niềm mong mỏi của bạn đọc Thành Trung: "Chúng tôi đọc sách hiện nay với niềm mong muốn xem con người trong xã hội chuyển từ bao cấp sang cơ chế thị trường của mình được phản ánh qua nhãn quan của nhà văn như thế nào? Tôi đọc sách để còn thấy tôi trong đó, còn thấy hành vi sống của tôi ngoài đời hiện có đang chuẩn không. Nói chung đọc sách thì phải rút ra một điều gì có ích cho cuộc sống. Nhưng những nhà văn hiện nay ít khi đề cập những vấn đề đó, cho nên tôi không đọc văn trong nước nữa" [20, 12]. Độc giả Thúy Mơ cũng có ý nghĩ tương tự như vậy: "Nhà văn Việt Nam hiện đại hãy tìm lấy những nguồn còn ẩn giấu đó trong cuộc sống muôn mặt, giữa những vấn đề nóng bỏng mà xã hội đang quan tâm từng ngày. Và trên hết nhà văn phải dùng cảm để chuyển tải những cảm nhận của mình lên trang viết, để người đọc tìm thấy chính mình và cuộc sống của mình qua tác phẩm " [89, 12] . Có thể nói, chưa bao giờ độc giả trẻ lại bày tỏ một cách thành thật nhất niềm mong ước và nỗi khát khao của họ đối với các nhà văn, nhà thơ đương đại đến như thế!: "Tôi là bạn đọc, tôi có thể không cần hiểu anh, nhưng anh là nhà văn, anh nhất thiết phải hiểu tôi, để anh viết cho tôi đọc " [20, 12]. Những yêu cầu của độc giả trẻ tuổi cũng là điều tâm niệm của một số các nhà văn, nhà thơ như : Nguyễn Quang Sáng, Nguyễn Quang Lập, Nguyễn Duy. Tuy vậy, không phải những điều nhà văn tâm huyết, trăn trở bao giờ cũng có thể thực hiện trong một sớm một chiều được. Nhà văn Nguyễn Quang Lập, nhà văn Nguyễn Quang Sáng, nhà thơ Nguyễn Duy đã phát biểu những trăn trở của mình trước thực trạng văn học đương đại. Ngay cả bản thân nhà văn, nhà thơ cũng thấy rất rõ những yêu cầu của độc giả đối với một tác phẩm văn học. Và bản thân nhà văn, nhà thơ cũng rất muốn đáp ứng đòi hỏi chính đáng của độc giả.

2.3.Xu hướng tiếp nhận văn học của thanh niên Việt Nam hiện nay:

2.3.1.Thanh niên ngày nay thích đọc truyện ngắn hơn là đọc tiểu thuyết, đọc thơ, đọc ký:

Từ lâu, thơ ca đã là tiếng nói của trái tim, khúc hát của tâm hồn. Dân tộc Việt Nam là một dân tộc yêu thơ văn. Ngô Thời Nhậm đã từng tự hào gọi đất nước ta là "*nước thơ*". Có thể nói, từ xưa ông cha ta đã có truyền thống vừa làm thơ, vừa đánh giặc: "*Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc, Nguyễn Du viết Kiều đất nước hóa thành văn*" (Chế Lan Viên- "*Tổ quốc có bao giờ đẹp thế này chăng?*", tháng 02-1965). Trải qua bao thăng trầm, biến thiên của lịch sử, thơ vẫn là tiếng nói "*ngọt ngào qua muôn nỗi đắng cay*" của con người Việt Nam. Những vần thơ thiết tha, "*mang mang thiên cổ sầu*" của các nhà thơ mới giai đoạn 1930- 1945 là tiếng nói của một thế hệ nhà thơ đi tìm cái mới cho thơ, những vần thơ cách mạng hào hùng đã sưởi ấm tâm hồn của những người ra trận,... tất cả những vần thơ ấy là tiếng nói từ trái tim của những con người đất Việt. Dẫu rằng ở những thời điểm khác nhau, thơ có hình thức và nội dung thể hiện khác nhau. Song trong những giai đoạn đó, thơ bao giờ cũng được độc giả đón nhận nồng nhiệt. Trong hai thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, có thể nói là cả nước làm thơ. Nhiều bài thơ ra đời từ trong lửa đạn của quân thù được mệnh danh là "*bài thơ báng súng*". Đó là những bài thơ hùng hực nhiệt tình chiến đấu, nóng hổi ngọn lửa của tinh thần đấu tranh cho độc lập- tự do của Tổ quốc. Những "*bài thơ báng súng*" là tiếng lòng chân thành, mộc mạc và bình dị nhất của những trái tim yêu đất nước. Thơ của mọi người, mọi nhà và thơ đến với mọi người, mọi nhà. Cùng với "*tiếng hát át tiếng bom*", thơ đã góp phần làm tăng thêm nhuệ khí của toàn dân tộc trong khói lửa chiến tranh. Vị thế ấy của thơ vẫn được xác lập đến trước năm 1986- tức là trước thời kỳ đất nước chuyển mình đổi mới, thơ vẫn có chỗ đứng trong lòng của độc giả yêu thơ. Thế nhưng từ năm 1986, thơ dần dần mất đi vị thế của mình. Dẫu rằng, đây cũng là thời kỳ trên thi đàn "*trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng*", nhà nhà làm thơ, người người làm thơ. Nhưng nhiều khi, thơ làm ra chỉ là để tác giả tự thưởng thức hoặc để tặng bạn bè. Chưa bao giờ, thơ lại ế ẩm đến như vậy. Ở giai đoạn này, gần như chỉ có những người viết phê bình văn học đọc thơ của các nhà thơ. Thơ không tạo được quan hệ đa phương với nhiều loại độc giả trong đời sống mà chỉ tạo được quan hệ song phương giữa nhà thơ với nhà phê bình. Các bài lý luận thơ do những nhà phê bình văn học viết đã trở thành chất xúc tác, "gây men" cho cảm hứng tiếp nhận thơ của công chúng người đọc. Nhiều người trong số họ tỏ ra rất lạc

quan trước sự đa dạng về phong cách thơ đương đại: " ...trong một vài năm trở lại đây thơ ta có chuyển biến đáng mừng, tuy vết trượt chưa đậm. Nhưng, rõ ràng nó đã nhích từng chút chác chắn về phía trước, bỏ lại phía sau cái nhìn quá lo âu về vận mệnh thi ca nước nhà." : "Trong sự đa dạng và phong phú hôm nay của thơ ca, có lẽ sẽ không thể có một tài năng trùm lợp, một nhà thơ được tất cả mọi người đọc, nhưng có lẽ vẫn có thể có được những tác phẩm toàn bích, những tác giả đầu đàn trong một khuynh hướng" [4,3], và "...đừng sợ thơ in nhiều sẽ làm "nhiều "cho nền thơ. Không phải không có nhà phê bình sành thơ. Công chúng cũng tinh tường lắm" [16,4],...Song cũng có người không bằng lòng mấy về thơ hôm nay: "Tác phẩm thơ (bài lẻ và tập) xuất bản quá nhiều, thành thử khá dễ bị chìm lấp. Thường thường thì ít tìm được bài hay, tứ hay trọn vẹn mà câu hay, đoạn hay thì dễ thấy hơn. Nhiều bài thơ như dịch, ít chứa đựng tâm huyết người viết. Hình như người ta đang bỏ rơi truyền thống để chạy theo bề nổi, khiến thơ ít sâu sắc. Đã gọi là thơ hay thì người đọc phải nhớ được tứ, ý, câu... Tôi ít nhớ được" và " Tôi nghĩ, hiện đại phải có hai yếu tố. Một là phải mới hai là phải hiệu quả hơn những cái đã có. Chẳng hạn, so với đi bộ thì đi xe đạp hiện đại hơn. Rồi đến lượt, xe máy lại hiện đại hơn xe đạp...Không đi bộ mà lại bỏ thì không thể gọi là hiện đại được, vì nó chỉ có sự khác người (mới) nhưng không hiệu quả bằng người đi bộ. Tôi thấy phần lớn những nhà thơ nhân danh hiện đại bây giờ giống những người bò, thậm chí còn bôi đủ thứ không mấy vệ sinh vào người rồi nằm lăn, thỉnh thoảng dừng lại, ngóc đầu lên ché xe đạp, xe máy, thậm chí cả ô tô là cũ kỹ, tẻ nhạt, không hiện đại" [4,3].

Có thể nói, ai cũng có cái lý của mình khi nhận định về hiện thực thơ ca đương đại. Độc giả trẻ tuổi cũng vậy, họ cũng có lý khi không thích đọc thơ đương đại. Cùng với thơ, ngày nay những tác phẩm ký cũng không được công chúng độc giả đón nhận nồng nhiệt. Họ không còn mấy mặn mà với thơ và ký. Phải chăng ngày nay giới trẻ không còn yêu thơ, yêu ký ? Nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình đã giải thích thái độ của độc giả đối với thơ và ký. Người lạc quan thì bao giờ cũng hy vọng ở tương lai công chúng độc giả sẽ đến với thơ, người bi quan thì nhìn không thấy độc giả của mình đâu cả. Nhà thơ Quang Huy đã có lần đề cập đến việc tiếp nhận thơ của độc giả trong đó có độc giả trẻ tuổi: "Người Việt Nam rất yêu thơ. Những cuộc thi thơ rất đông người tham gia. Những lớp bồi dưỡng năng khiếu thơ ở nhiều địa phương đạt kết quả khá tốt. Những buổi nói chuyện thơ, công chúng rất đông. Những buổi bình thơ từ thiện có bán vé cũng rất đông thỉnh giả. Sở tay các bạn học sinh, sinh viên, bộ đội vẫn đều đặn chép thơ... Thế mà bỗng dưng sách thơ rất khó bán. Trong

mấy chục năm gần đây, ngoại trừ một trường hợp đặc biệt: thơ Nguyễn Bính được tiêu thụ một số lượng kỷ lục." [91,2]. Có thể nói đó là một nghịch lý trong tiếp nhận thơ của độc giả trong đó có giới trẻ ngày nay. Nghịch lý ấy không phải tự nhiên mà có. Sau những năm đất nước tiến hành đổi mới, trên thi đàn mỗi năm xuất hiện hàng trăm tập thơ, hàng vạn bài thơ, hàng trăm gương mặt nhà thơ với những giọng điệu mới như: Đỗ Minh Tuấn, Lê Văn Ngăn, Trần Quang Quý, Nguyễn Lương Ngọc, Đinh Thị Thu Vân, Thảo Phương, Đỗ Trọng Khôi,... Tuy nhiên, nhìn lại đời sống thơ từ những năm đổi mới đến nay, công bằng mà nói vẫn chưa có hiện tượng thơ nào đủ sức thuyết phục như thơ chống Pháp, chống Mỹ. So với những nhà thơ thời chống Pháp, chống Mỹ, họ mới chỉ là những quả đồi nhấp nhô chứ chưa trở thành những ngọn núi có đỉnh. Nếu như trước đây- trong hoàn cảnh toàn dân tộc dồn sức cho cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do thống nhất Tổ quốc, với ý thức công dân cao, các nhà thơ cũng lẫn xả vào sự nghiệp vĩ đại ấy nên cái "tôi" riêng tư lắng chìm trong cái "chúng ta" - cái chung thì giờ đây trong hoàn cảnh đất nước hoa bình, cái tôi riêng của mỗi cá nhân nhà thơ, nhà văn lại có dịp để tách khỏi cái "chúng ta" chung mà lên tiếng. Cái "tôi" riêng trong thơ được thể hiện ở những cảm xúc như : buồn, xót xa, nhớ tiếc, khát khao, mong muốn, riêng tư, thất vọng, tìm thú vui riêng,...Do vậy, thơ bây giờ gần như là âm bản của thơ thời chống Mỹ. Bên cạnh một số bài thơ có ý tưởng táo bạo, mới mẻ, không ít những bài thơ mà đặc biệt là những bài thơ tình chưa đủ độ chín trong tư tưởng nghệ thuật, đã gây nên ở độc giả cảm giác về sự đánh mất những giá trị cộng đồng. Chính số lượng thơ "không lờ" với chất lượng" mì ăn liền" đã và đang làm cho độc giả yêu thơ cũng cảm thấy chán ngán. Nếu như trước đây, có biết bao dòng thơ "lửa cháy" hừng hực nhiệt tình bên cạnh những dòng thơ "tươi xanh " bừng tươi sức sống của cả một dân tộc thì giờ đây, trong thơ lại xuất hiện không ít những bài thơ nhảm nhạt, bâng bạc, không để lại một chút âm vang nào trong lòng người đọc, độc giả cảm thấy ngột thở hơn là yêu thích chúng. Phó giáo sư Trần Trí Dõi (Đại học quốc gia Hà Nội) đã nói hộ tiếng lòng của nhiều độc giả yêu thơ : "...Điều lớn nhất là các nhà thơ hiện đại phải làm không hẳn là chọn loại hình thức nào để sáng tác, không phải viết về đề tài gì mà điều đầu tiên nhà thơ đó phải sống thực với cuộc sống chung- cuộc sống cộng đồng chứ không nên chỉ "chân thành " với tình cảm cá nhân của riêng mình " [92,24] .

Tuổi trẻ luôn háo hức với cái mới, khát khao với sự tìm tòi, khám phá và rất nhạy bén, sắc sảo trong phát hiện cái mới khi tiếp nhận. Thơ Việt Nam đương đại của những nhà thơ nổi tiếng và của các tác giả trẻ đều có nhiều tố chất mới, đều mang đậm dấu ấn của cá tính

sáng tạo của mỗi nhà thơ, mỗi tác giả. Vậy mà thơ hôm nay lại không thu hút được lớp trẻ, không được lớp trẻ chào đón. Nếu như trước kia, thơ được lớp trẻ của các thế hệ trước chào đón vồn vã bằng tất cả sự háo hức, thì thơ hôm nay lại bị lớp trẻ thờ ơ, lạnh nhạt, đứng đưng. về điều này nhà thơ Nguyễn Bao đã có nhận xét như sau: *"Hình như hiện nay, nếu tôi không nhầm, thì hiếm có những bạn trẻ lặng lẽ chép những bài thơ hay vào sổ tay cho riêng mình như vài ba chục năm trước đây họ chuyển cho nhau đọc đến thuộc lòng những vần thơ ưa thích, say mê thưởng thức và nhiều khi coi đó là sự dẫn dắt, là lẽ sống, là niềm an ủi và sự tin yêu, là vẻ đẹp tâm hồn mà họ khao khát vươn tới"* [9,5]. Tuy ý kiến của nhà thơ Nguyễn Bao có phần mâu thuẫn với ý kiến của nhà thơ Quang Huy ở trên, nhưng đều có chung quan điểm là thơ đương đại không có sức hút đối với giới trẻ. Không phải độc giả trẻ ngày nay không yêu thơ mà vì một số bài thơ có cái mới, cái lạ quá, không bắt nguồn từ những rung động, thổn thức có thật từ trái tim, từ chính nội tâm của nhà thơ, cho nên nhiều bài thơ mà đặc biệt là thơ tình có phần gượng gạo. Tình yêu là đề tài muôn thuở và vô tận. Tình yêu đồng nghĩa với cuộc sống, sự sống *"còn sống còn yêu"* (Nhan đề một truyện ngắn của nhà văn Xô viết nổi tiếng Valentin Raxputin) của thơ ca. Đáng ra, thơ tình yêu phải được giới trẻ nhiệt tình ủng hộ. Song, nhiều bài thơ tình của các nhà thơ nữ với những lý lẽ táo bạo *"hết mình "* của tình yêu thời hiện đại: *"sự cô đơn được kêu to và được trang trí như một dấu hiệu cao thượng của tâm hồn "* [59,3] lúc đầu đã gây được hiệu ứng tiếp nhận ở giới trẻ nhưng sau đó những bài thơ này không còn sức hút đối với giới trẻ nữa bởi *"chúng không có khả năng chuyển đổi một cách sống, một quan niệm, đủ cấp giấy thông hành cho nhà thơ vào khu vực này, bạn đọc bắt đầu mệt với thơ tình tự ngắm vuốt"* [59,3]. Nhiều bài thơ *"thử nghiệm "* quá đà hoặc cầu kỳ về hình thức cũng không được độc giả trẻ chấp nhận.

Tìm tòi, sáng tạo đối với văn chương, nghệ thuật nói chung và thơ nói riêng là vô cùng cần thiết. Thơ là sự sáng tạo tuyệt vời bằng ngôn từ. Nhưng sự sáng tạo trong thơ phải là kết quả của những tìm tòi đúng hướng về nghệ thuật, chứ nó không thể là một sự chấp vá, gán ghép một cách gượng gạo.

Có nhiều người cho rằng cuộc sống tất bật của thời buổi kinh tế thị trường với đủ thứ giả trá đã chi phối sự tiếp nhận thơ ca của giới trẻ. Một phần có thể là vậy. Song nói như nhà thơ Nguyễn Bao, nguyên nhân xét cho cùng là ở chính các nhà thơ, ở chính các biên tập viên và nhà xuất bản. Nhà nghiên cứu văn học Lưu Khánh Thơ cũng có ý nghĩ tương tự về *"cuộc sống"* của thơ hôm nay: *"Trong đời sống hôm nay, cả người làm thơ và người đọc thơ*

đều thấy rõ sự thật: thơ đang đứng trước nhiều khó khăn và mất dần công chúng. Trên thực tế sự bùng ra các tập thơ đến mức ồ ạt như hiện nay đã khiến cho đời sống thơ ca bị nhiễu loạn. Nó làm cho người đọc bị bão hòa, thờ ơ và thậm chí sợ hãi khi đọc thơ. Đường như trong đời sống văn học diễn ra một tình trạng: người đọc đã không hướng tới thơ mà người làm thơ cũng không hướng tới người đọc. Thơ dễ đến mà khó ở lại" [93,34]. Từ đó, ta có thể nêu lên một thực tế: những "con thuyền" thơ ca trước kia đều "cập bến" tiếp nhận của người đọc, còn "con thuyền" thơ hôm nay lại lừng lờ, lênh đênh giữa "dòng sông" cuộc sống đang "nổi sóng" kinh tế thị trường mà không có bến bờ để đậu. Vì sao lại có hiện tượng như thế? Để trả lời câu hỏi này phải xét từ hai phía: phía nhà thơ và phía người tiếp nhận thơ. Do vậy, nhà thơ muốn có độc giả thì phải trở về với chính mình, phải trở về với chính nội tâm của mình. Còn ban biên tập, nhà xuất bản phải nghiêm túc trong khâu chọn tuyển, in ấn thì mới có thể đáp ứng tốt thị hiếu thẩm mỹ của độc giả, để những người quan tâm đến đời sống thơ ca không phải đặt những câu hỏi buồn như: "...sự đón nhận của bạn đọc ra sao? ...Phải làm gì để những tập thơ hay đến tay bạn đọc?" [91,2] .

Cùng với thơ, thể ký đã góp phần tạo nên sự khởi sắc cho nền văn học Việt Nam thời đương đại với công cuộc đổi mới. Ký là thể văn có tính trung gian giữa báo chí và văn chương. Nói cách khác, trong thể ký có sự giao thoa và hội nhập của hai tổ chức báo chí và văn chương. Nên thể ký có ưu thế gần như tuyệt đối về tính nhạy bén "nóng hổi" khi phản ánh cuộc sống. Vai trò của ký là vai trò "mũi nhọn" xung kích ở từng giai đoạn cách mạng của dân tộc. Trong thời kháng chiến chống Pháp, người đọc ở nước ta đã đến với những tác phẩm ký của Nguyễn Tuân, của Thép Mới, của Nguyễn Huy Tưởng, của Nguyễn Đình Thi,... Trong thời chống Mỹ, người đọc ở nước ta lại có dịp đến với ký của Nguyễn Tuân, Nguyễn Khải, Chế Lan Viên, Anh Đức, Nguyễn Ngọc Tấn, Nguyễn Ngọc, Hoàng Phủ Ngọc Tường,... Từ năm 1985 đến nay, ở thể ký nổi lên tên tuổi của Minh Chuyên. Ở cuộc thi ký của báo *Văn nghệ* vào năm 1992 đã thu hút rất nhiều cây viết thuộc nhiều lứa tuổi từ mọi miền của đất nước. Nhiều bài ký viết về nhiều đề tài đã kịp thời tái hiện không khí sôi động của cuộc sống và nhịp sống đương đại. Đặc biệt, 9 bút ký được giải như: "*Người không cô đơn*" của Minh Chuyên, "*Khởi sắc Quỳnh Lưu*" của Đặng Văn Ký, "*Thanh Thủy của tôi*" của Nguyễn Quang Hà, "*Vàng trên biển*" của Nguyễn Hà, "*Hạc về bông lai*" của Nguyễn Quang Thân, "*Rừng cấm quốc gia Krông- trai bị xóa sổ*" của Đoàn Việt Hùng, "*Lúa Nhật ở Mỹ Văn*" của Nguyễn Phúc Lai, "*Mòng Dương từ 97 mét dưới âm ty*" của Hoàng Minh Tường, "*Thành phố chỉ sống 60 ngày*" của Nguyễn Quang Thiều đã có sức lay động dư luận

xã hội một cách mạnh mẽ, sâu sắc. Có thể xem 9 bài ký này là hình ảnh thu nhỏ của một xã hội đang chuyển đổi, đang nhúc nhối và khởi sắc, đang đổi thay và vượt lên. Ký trong văn chương đương đại đã mang được hơi thở hùng hực của cuộc sống mới sôi động, khẩn trương với cả mặt tích cực và tiêu cực của nó. So với ký thời chống Mỹ, ký của những năm đôi mới có đề tài phong phú và đa dạng hơn nhiều: "*Ký đã đi vào cuộc sống, phản ánh được mọi vấn đề đa dạng của cuộc sống với cả hai mặt tốt- xấu; tích cực- tiêu cực*" [38,29]. Tuy vậy, cũng giống như số phận của thơ, ký của thời đôi mới vẫn chưa chinh phục được độc giả, trong đó có độc giả trẻ tuổi. Tại sao?. Bởi, nhìn chung chất văn học trong ký chưa cao. Sự chi phối của những con số, các sự kiện xô bồ, lấn át trong nhiều bài ký đã làm giảm chất văn học, làm cho các bài ký mang đậm chất báo chí hơn là chất văn chương. Đương nhiên đây là những bài ký về người thực, việc thực, ít được nhà văn hư cấu. Vì vậy, ký vẫn chưa có sức hấp dẫn đối với người đọc, trong đó có giới trẻ.

Sự ra đời của những cuốn tiểu thuyết như: "*Mảnh đất lắm người nhiều ma*" của Nguyễn Khắc Trường, "*Nỗi buồn chiến tranh*" của Bảo Ninh, "*Bến không chồng*" của Dương Hương, "*Án mây dĩ vãng*" của Chu Lai, ... vào đầu những năm 90 của thế kỷ XX đã thực sự đánh dấu tư duy mới về tiểu thuyết. Nếu như tiểu thuyết viết về hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc là chống Pháp và chống Mỹ trước đây được các nhà văn xây dựng mang đậm tính sử thi với khí thế hào hùng, với tầm vóc to lớn của sự nghiệp cả cộng đồng cùng chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc, thì tiểu thuyết thời đương đại lại được các nhà văn xây dựng theo xu hướng đối diện với tông số phận cá nhân con người trên cái "nền" vừa trầm lắng, vừa đầy biến động của cuộc sống thực như nó vốn có. Nhiều cuốn tiểu thuyết với cái nhìn mới toàn diện hơn về "*quan niệm con người, quan niệm hiện thực và cả quan niệm của văn chương về chính bản thân nó*" [5,29] đã thực sự đưa lại cho văn đàn những hương sắc mới. Trong những quan niệm mới đó thì nổi bật hơn vẫn là quan niệm về con người. Nếu như trước đây Ương thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, con người cá nhân trong các tác phẩm văn chương hòa mình vào dòng chảy của lịch sử dân tộc thì sau đổi mới với không khí dân chủ cởi mở, con người với tư cách là một cá nhân cụ thể, đích thực đã được các nhà văn chú ý khai thác nhiều hơn. Nói cách khác, quan niệm về con người trong những tác phẩm văn chương thời kỳ này trong đó có tiểu thuyết đã có những đột phá mới: "*Ý thức cá nhân được phát Mên mạnh mẽ vừa như một xu hướng tất yếu của sự phát then và tiến bộ, lại cũng vừa là sự thể hiện của tinh thần đổi mới nhằm phát huy tới đa mọi tiềm năng của cả cuộc sống cộng đồng và mỗi cá nhân nhằm hướng tới một cuộc*

sống tốt đẹp và văn minh" [5,29]. Và những cuốn tiểu thuyết thể hiện được quan niệm mới về con người như " *Mảnh đất lắm người nhiều ma*", " *Nỗi buồn chiến tranh*" " *Thời xa vắng*", " *Chim én bay*",... đã được độc giả đón nhận nồng nhiệt vì những tiểu thuyết này đã có những khám phá mới như chính sự mong đợi của người đọc. Nhưng theo dòng thời gian, sự tiếp nhận hào hứng, nồng nhiệt đối với những cuốn tiểu thuyết ấy cũng lắng xuống. Độc giả lại mong đợi có những cuốn tiểu thuyết mới. Song có một thực tế là tiểu thuyết đã chững lại. Sự chững lại ấy không phải thể hiện ở số lượng mà là ở chất lượng. Những nhà văn từng cho "ra lò" những cuốn tiểu thuyết hay, có giá trị của một thời dường như không còn đủ sức để tạo nên những bất ngờ mới, không còn đủ khả năng vượt qua những "đỉnh cao" do chính mình tạo nên.

Hàng loạt những bài viết trên Báo *Văn nghệ* như: " *Tiểu thuyết những năm gần đây- đi tìm lời giải*" của Đỗ Bạch Mai, " *Một thực trạng đáng lo...*" của Nguyễn Khắc Trường, " *Thử phác thảo về diện mạo tiểu thuyết hôm nay*" của Ma Văn Kháng (Báo *Văn nghệ*, số 49 ngày 7-12-1996), " *Tiểu thuyết- một thể loại thách thức nhà văn trẻ*" của Tuyết Ngân (Báo *Văn nghệ trẻ*, số 9 ngày 4-3-2001), " *Thời của tiểu thuyết*" của Bùi Bình Thi, " *Văn chương cần soi sáng đời sống*" của Văn Phan (Báo *Văn nghệ*, số 26 ngày 29-6-2002),... đã thể hiện sự trăn trở băn khoăn về thực trạng chất lượng tiểu thuyết của nước nhà. Theo nhà văn Ma Văn Kháng thì tiểu thuyết đương đại chưa đạt đến tầm của nó là bởi " *chưa có những khám phá lớn, những khám phá mới lạ* ". Chính sự vắng bóng của những cuốn tiểu thuyết hay đã tạo nên sự hụt hẫng cho hầu hết những người yêu và quan tâm đến văn học. Nhà văn Ông Văn Tùng cho rằng sở dĩ công chúng độc giả thờ ơ với tiểu thuyết là bởi " *...ta viết tồi quá. Cái gọi là tiểu thuyết chẳng qua chỉ là những chuyện vờn ra cho dài dài về những điều độc giả biết còn sâu sắc hơn nhiều.* " [80,3] và " *...có quá nhiều tác phẩm dẽ dãi, câu thơ rồi được gan cho thể loại tiểu thuyết. Một nhật ký được kéo dài, một phóng sự lê thê 200 trang in... thế là thành tiểu thuyết*" [53,3]. Với những "đứa con" tinh thần của mình mà các nhà văn còn như vậy thì làm sao độc giả không khỏi thờ ơ với chúng. Có thể nói, chất lượng sa sút của tiểu thuyết đã làm cho tiểu thuyết đánh mất uy tín của mình trước bạn đọc nói chung. Còn riêng đối với giới trẻ thì sao? Có thể nói sống trong xã hội đang có chiều hướng mang rõ những đặc điểm của một xã hội tiêu thụ, giới trẻ ngày càng có thiên hướng chạy theo những gì tiện lợi, mất ít thời gian, dễ tiếp cận và chiếm lĩnh. Do vậy, việc giới trẻ bị cuốn vào các phương tiện thông tin hấp dẫn như: điện ảnh, sân khấu, âm nhạc,...là điều dễ hiểu. Hơn thế nữa, giữa đại dương của những sản phẩm in ấn đẹp mắt, đa dạng, giới trẻ dễ bị

ngập trong các dòng thác thông tin đa dạng, phong phú ấy. Do vậy, "*tiểu thuyết sẽ chỉ là một món hàng vừa đắt vừa khó "xài"*" [60,11] đối với giới trẻ. Tuy nhiên, lý do cho rằng giới trẻ Việt Nam không thích đọc tiểu thuyết là bởi có quá nhiều phương tiện thông tin thu hút họ, là bởi tiểu thuyết "vừa đắt vừa khó "xài", mới chỉ đúng một phần. Thực ra, lý do chính vẫn là chất lượng của tiểu thuyết Việt Nam đương đại. Bởi lẽ, chúng ta sẽ giải thích thế nào về một đất nước tràn ngập thông tin như nước Pháp mà vẫn có 70% công chúng trong đó giới trẻ chiếm tỷ lệ lớn được hỏi trả lời rằng họ thường xuyên đọc sách và tỉ lệ những người đọc sách luôn luôn đứng đầu trong mọi hoạt động tiếp nhận văn hóa. Cũng ở Pháp, năm 1990, cuộc thăm dò về lo cuốn sách hay nhất thì trong đó có 9 trên 10 là tiểu thuyết. Vậy là không thể giải thích thực trạng tiếp nhận tiểu thuyết đương đại của giới trẻ Việt Nam theo một chiều được.

Trong khi thơ, ký, tiểu thuyết không gây được hứng thú đối với độc giả trong đó có giới trẻ thì ngược lại truyện ngắn lại có sức hút mạnh. Sở dĩ thế hệ trẻ ngày nay thích đọc truyện ngắn hơn là bởi mấy lý do:

Cuộc sống đương đại rất rộng mở: sống trong thời đương đại sôi động này, thế hệ trẻ tất yếu chịu sự chi phối của nhiều mặt trong cuộc sống rộng mở, phong phú và đa dạng ấy. Nên họ ít có thời gian để đọc, để nhấm nháp, để nghiền ngẫm những bộ tiểu thuyết dài. Họ muốn tiếp nhận những thông tin thẩm mỹ từ những tác phẩm ngắn nhất, cô đọng nhất, súc tích nhất. Nhịp độ của cuộc sống ngày càng tăng. Nhu cầu thẩm mỹ của con người ngày càng lớn. Trong khi đó nhiều cuốn tiểu thuyết hoặc có khi là bộ tiểu thuyết lại được viết rất dễ dãi, nhàn nhạt, hời hợt nên không thể nào thu hút được sự quan tâm tiếp nhận của tầng lớp trẻ. Riêng truyện ngắn là một loại thông tin thẩm mỹ cô đọng, đáp ứng được nhu cầu thưởng thức của người đọc, đặc biệt là người đọc thuộc thế hệ trẻ ngày nay.

Tốc độ cuộc sống hết sức khẩn trương nên nảy sinh tâm lý của con người là muốn được tiếp nhận những ký hiệu thẩm mỹ một cách nhanh nhất, nhiều nhất. Tâm lý đó được đáp ứng bằng sự ra đời của rất nhiều truyện ngắn: truyện ngắn được in trên các trang báo tuần, báo tháng, truyện ngắn được in thành tập. Vì thế loại truyện ngắn này không còn độ dài như truyện ngắn của các thế kỷ trước mà đã xuất hiện những truyện ngắn mini. Đó là những truyện ngắn cực ngắn. Như vậy, đã có truyện ngắn rồi nhưng lại còn có những truyện ngắn ngắn hơn cả truyện ngắn truyền thống. Chính những truyện ngắn mini này có phần mới lạ và đem đến cho người đọc một sự thích thú thực sự.

Những truyện ngắn mini đương đại đã thể hiện được xu thế tồn tại và phát triển của thể loại truyện ngắn cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI. Sự phát triển của truyện ngắn mini không phải chỉ có ở nước ta mà còn ở nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là Trung Quốc. Mới đây trên Tạp chí *Văn nghệ Quân đội* số 622, tháng 5-2005 đã đưa tin về một hội nghị chuyên đề "*Thảo luận nghiên cứu truyện ngắn Hoa văn thế giới lần thứ V*". Tại hội nghị này, có trên 70 đại biểu từ 17 quốc gia và khu vực trên thế giới đã tham dự tại thành phố Băng- đung, thủ phủ của đảo Java-Indonesia. Hội nghị này đã đánh dấu một bước phát triển mới của truyện ngắn mini và sự chú ý trong tiếp nhận và trong sáng tạo đối với thể loại này. Người ta yêu thích truyện ngắn mini bởi nó gọn nhẹ. Nếu nói về tính hàm súc của văn chương thì rõ ràng truyện ngắn hơn hẳn tiểu thuyết. Tiểu thuyết thường dàn trải và bề thế, còn truyện ngắn thì ngắn gọn, cô đúc như chính tên gọi của thể loại này. Tuy nó ngắn nhưng lại nói được nhiều. Đây cũng là một nét khiến cho lớp trẻ ngày nay thích đọc truyện ngắn hơn đọc tiểu thuyết. Có thể xem biểu hiện này là một nét lớn của thị hiếu thẩm mỹ mới trong tâm lý cảm thụ của thế hệ trẻ.

Một trong những biểu hiện khác của tâm lý lớp trẻ là muốn tiếp nhận một cách kịp thời và sốt dẻo ký hiệu thông tin thẩm mỹ. Điều này tiểu thuyết trung thiên và trường thiên không thể nào đáp ứng được mà chỉ có truyện ngắn mới thỏa mãn được nhu cầu khi truyện ngắn như là một lát cắt của cuộc sống muôn hình nghìn vẻ. Từ thực tế đó nên nhiều nhà văn Việt Nam đương đại đã chuyển từ sáng tác tiểu thuyết sang sáng tác truyện ngắn hoặc có khi tập trung viết nhiều truyện ngắn trước khi cho ra đời những cuốn tiểu thuyết còn ấp ủ, "thai nghén". Những nhà văn như Nguyễn Kiên, Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu, Ma Văn Kháng, Nguyễn Quang Sáng, Đỗ Chu, Nguyễn Thị Thu Huệ, Hồ Anh Thái, Phan Thị Vàng Anh, Phạm Sông Hồng, Ngô Khắc Tài,... đã sáng tác nhiều truyện ngắn hay, thu hút được sự quan tâm chú ý của nhiều người đọc trên khắp nước ta. Có nhiều tờ báo thường xuyên tổ chức những cuộc thi viết truyện ngắn như Tạp chí *Văn nghệ Quân đội* hay tuần báo *Văn nghệ* của Hội nhà văn Việt Nam đã phát hiện ra nhiều tài năng viết truyện ngắn. Đội ngũ các nhà văn viết truyện ngắn trong nền văn chương đương đại của nước ta không ngừng được bổ sung và chiếm một tỷ lệ khá cao trong đội ngũ các nhà văn, nhà thơ của nước ta hiện nay. Tuy truyện ngắn của các nhà văn Việt Nam đương đại có những mặt chưa đạt đến trình độ ngang tầm với truyện ngắn thế giới nhưng dù sao cũng thể hiện được những khám phá mới mẻ với sự thể hiện sâu sắc tài năng riêng của mỗi nhà văn trong khi viết truyện ngắn. Nhờ vậy, các tác phẩm truyện ngắn của họ đã "đi vào" lòng của nhiều người đọc.

2.3.2. Thanh niên ngày nay thích tiếp nhận những tác phẩm "ướt át" hơn là "khô khan". Họ thích cụ thể hơn khái quát. Do vậy những tác phẩm có chất trí tuệ làm cho họ chán đọc:

Có một thực tế trái ngược nhau là ngày nay thanh niên thích chạy theo những ngành kinh tế hoặc khoa học kỹ thuật nhưng lại thích đọc những tác phẩm có tính chất "ướt át" tươi mát, vui nhộn hơn những tác phẩm có chiều sâu tư tưởng. Và điều này không chỉ thể hiện ở việc tiếp nhận văn chương mà còn đối với nghệ thuật nói chung cũng vậy. Họ thích những vở kịch, những bộ phim hài hước hơn những tác phẩm có chiều sâu của sự trăn trở, suy tư. Có nhiều bạn trẻ cho rằng cuộc sống hiện đại với cường độ lao động cao đã làm cho họ quá mệt mỏi. Vì vậy, phải đọc một cuốn sách có chiều sâu tư tưởng thì "mệt đầu" lắm, họ thích đọc những tác phẩm có nội dung hài hước hoặc những câu chuyện tình cảm lâm ly với mục đích giải ứi hờn là để hiểu biết, để cảm thụ cái đẹp. Từ sở thích đọc sách để giải ứi, thanh niên ngày nay không "nặng lòng" với những tác phẩm văn chương có tính khái quát cao.

Những người đọc tác phẩm văn chương theo xu hướng này, thường quen với nếp suy nghĩ cho rằng: học tập hay nghiên cứu khoa học tự nhiên hay khoa học kỹ thuật mới phải tư duy, còn đọc tác phẩm chỉ là để tìm thú vui giải trí, tiêu khiển nhẹ nhàng, thoải mái trong những lúc rảnh rỗi. Để thưởng thức một tác phẩm văn chương, người đọc cũng cần phải có tư duy luận lý nhưng chỉ là một phần nhỏ thôi bởi tư duy luận lý, tư duy kỹ thuật bao giờ cũng mang tính cụ thể. Và như trên đã nói, giới trẻ ngày nay hầu hết đều thích các ngành kỹ thuật, công nghệ, điện tử tin học, kinh tế- những ngành được xem là "mũi nhọn". Có ngành như điện tử tin học lại có thể vừa học, vừa chơi. Đã như thế thì không cần đến văn chương làm gì. Trong học tập và nghiên cứu hiện nay, đã nảy sinh loại tư duy "cóc nhảy", tư duy theo lối "mì ăn liền", tư duy "chụp giật" đốt cháy giai đoạn. Tiếp nhận tác phẩm văn chương đòi hỏi người ta phải tư duy có hệ thống. Nên đọc những tác phẩm văn chương có tầm khái quát cao, họ không dễ gì cảm nhận được. Đây cũng là lý do giải thích tại sao có một thời thanh niên thích những câu chuyện về người máy, về những nhân vật có tính chất siêu nhiên như "*Đô rê mon*", "*Thủy thủ mặt trăng*",...Chính sự tiếp nhận mang tính trực giác cụ thể, thiên về kỹ thuật của thế hệ thanh niên ngày nay đã làm cho họ ngại ngùng khi tiếp nhận tác phẩm văn chương. Trong suy nghĩ của họ về tiếp nhận văn chương, họ chỉ thích những tác phẩm văn chương "ướt át" và cụ thể, dễ thấy, dễ cảm. Đây cũng chính là những tác phẩm

thường được viết theo lối câu khách "mì ăn liền", rẻ tiền. Chính tư duy kỹ thuật, tư duy kinh tế đã lấn át tư duy nghệ thuật của giới trẻ, làm cho tâm hồn của giới trẻ trở nên nông cạn, hời hợt. Tuy nhiên, số người thuộc loại độc giả trên đây chỉ chiếm một phần trong lớp trẻ, chứ không phải là tất cả.

2.3.3. Thanh niên Việt Nam ngày nay thích đọc tiểu thuyết chương của Kim Dung và tiểu thuyết tình yêu của Quỳnh Dao, đọc để thưởng thức, để giải trí:

Tình yêu là đề tài muôn thuở của văn chương nghệ thuật. Đây cũng là một đề tài có sức hút lớn đối với giới trẻ ngày nay. Ở Việt Nam từ những năm đổi mới đến bây giờ, nhiều cuốn tiểu thuyết tình yêu của Quỳnh Dao như: *"Dòng sông ly biệt"*, *"Ngoài song cửa "*, *"Bụi mưa mung lung"*, *"Mấy độ nắng chiều đỏ "*, *"Hoàn Châu cách cách"*,... đã được dịch và xuất bản. Những cuốn tiểu thuyết ấy đi vào đời sống tinh thần của giới trẻ Việt Nam. Sở dĩ những cuốn tiểu thuyết của nữ văn sĩ Quỳnh Dao được giới trẻ Việt Nam đón đọc là bởi chúng có sức cuốn hút rất lớn ở đề tài và cốt truyện. Có lẽ ở Châu Á chưa có nhà tiểu thuyết tình yêu nào lại được giới trẻ hâm mộ như nữ văn sĩ Quỳnh Dao của Đài Loan. Có thể nói, tác phẩm của bà chưa hẳn đã đạt đến cái đỉnh của nghệ thuật đích thực, nhưng đề tài với những tình tiết, chi tiết hấp dẫn trong câu chuyện do bà kể đã thực sự lôi cuốn độc giả trẻ tuổi. Tuổi trẻ luôn gắn với tình yêu nên việc tìm đọc các tác phẩm văn chương viết về tình yêu của giới trẻ hiện nay cũng là một điều dễ hiểu. Tuy nhiên, trong những năm qua, nhiều cuốn sách viết về tình yêu của nhiều tác giả Việt Nam chưa có được sức lôi cuốn độc giả trẻ tuổi như tiểu thuyết tình yêu của Quỳnh Dao. Tại sao? Bởi tiểu thuyết tình yêu của bà đáp ứng được thị hiếu thẩm mỹ của giới trẻ Việt Nam, đã bắt được cái mặt "bồn chồn" trong tâm lý của các cô gái ngày nay. Hơn thế, những cuốn tiểu thuyết của bà đã nói lên được những cung bậc tình yêu của giới trẻ. Giới trẻ Việt Nam đến với tiểu thuyết tình yêu của Quỳnh Dao cũng tự nhiên như khi họ đến với tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung. Cùng với Quỳnh Dao, nhà tiểu thuyết kiếm hiệp Kim Dung cũng đã tạo nên những làn sóng người hâm mộ tiểu thuyết kiếm hiệp của ông ở Châu Á trong những thập niên gần đây: *"Tác phẩm của Kim Dung được đọc bởi hàng trăm triệu người trên thế giới Tỉnh đền nay đã có hơn 100 triệu bản sách truyện của ông được mua trên toàn cầu"* [50,11]. Giải thích sự hâm mộ của giới trẻ Việt Nam đối với những tiểu thuyết của Kim Dung cũng phải dựa trên tâm lý lứa tuổi. Thanh niên là lứa tuổi thích hành động. Tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung cũng là một dạng tiểu thuyết hành động. Do vậy, thanh niên dễ tìm thấy sự đồng cảm giữa họ với

những nhân vật hành động như Tiêu Phong, Lệnh Hồ Xung, Lưu Chính Phong,... trong *"Anh hùng xạ điêu truyện"* *"Tiểu ngạo giang hồ"*, *"Hiệp khách hành"* *"Thiên long bát bộ"* của Kim Dung. Nếu như tiểu thuyết tình yêu của Quỳnh Dao đưa lại cho độc giả trẻ tuổi cảm giác được sống với những mối tình lãng mạn, với số phận khá truân chuyên của những nhân vật chính là nữ thì tiểu thuyết hành động của Kim Dung lại đưa đến cho độc giả sự cảm phục về tính cách cũng như những hành động hào hiệp của những nhân vật cao thủ võ lâm. Cũng như Quỳnh Dao, cốt truyện trong các tiểu thuyết của Kim Dung rất hấp dẫn. Nhưng nếu Quỳnh Dao nghiêng hẳn về những câu chuyện tình cảm lâm ly bi lụy thì Kim Dung lại đi vào khai thác những yếu tố ly kỳ, bất ngờ, mạnh mẽ. Tuy vậy, cái đích cuối cùng của tiểu thuyết Kim Dung và tiểu thuyết Quỳnh Dao là đều hướng thiện. Những kết thúc có hậu trong những tác phẩm của Kim Dung và Quỳnh Dao cũng là một trong những yếu tố góp phần lôi cuốn giới trẻ đương đại.

Tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung và tiểu thuyết tình yêu của Quỳnh Dao đều có những thành công nhất định về mặt nội dung cũng như nghệ thuật. Tuy nhiên, nếu sa vào những cuốn tiểu thuyết này thì thanh niên ít nhiều bị ảnh hưởng về phần hồn cũng như hành động của các nhân vật. Từ đó các bạn trẻ có thể sẽ có cái nhìn phiến diện về cuộc sống, hạn chế tầm nhìn của giới trẻ và quan trọng hơn ảnh hưởng đến văn hóa đọc của giới trẻ ngày nay. Có người hình dung tác phẩm của Quỳnh Dao như *"loại chè trái cây màu sắc sặc sỡ rất đẹp, trông thì mịn màng trong suốt đầy hấp dẫn nhưng cho vào mồm là tan ngay, không chút dinh dưỡng"* [81,12]. Cũng lại có người cho *"tác phẩm Quỳnh Dao giống như thứ "nha phiến tinh thần", thi thoảng xem chút còn tạm tạm, nhưng nếu để bị mê hoặc rơi vào thế giới ảo mộng do bà làm ra thì khổ mà còn nhắc chân nổi, lợi bất cập hại"* [81,12].

2.4. Thanh niên ngày nay với việc tiếp nhận các tác phẩm văn học trong nhà trường:

Chủ thể của sự tiếp nhận này là học sinh, sinh viên cao đẳng và đại học ngành văn. Việc tiếp nhận tác phẩm văn chương trong nhà trường khác hẳn với việc tiếp nhận ngoài nhà trường. Sự tiếp nhận các tác phẩm văn chương trong nhà trường có tính quy định và giới hạn. Những tác phẩm được tuyển chọn để dạy và học trong sách giáo khoa của nhà trường mang tính pháp lệnh. Biểu hiện của tính pháp lệnh đó là thầy cũng như trò phải dạy và phải học đầy đủ, không được tự ý thêm bớt ương sách giáo khoa. Những tác phẩm trong sách giáo khoa bao giờ cũng có tính định hướng rất cao để thực hiện yêu cầu: cùng một lúc

nâng cao được ba loại tình cảm cho người học: tình cảm đạo đức, tình cảm trí tuệ và tình cảm thẩm mỹ. Còn tiếp nhận văn chương ngoài nhà trường thì chủ thể tiếp nhận cũng rất rộng rãi và tác phẩm được tiếp nhận cũng rất rộng rãi.

Sự tiếp nhận văn chương ngoài nhà trường diễn ra theo xu hướng tùy sở thích riêng của từng người đọc. Còn sự tiếp nhận văn chương trong nhà trường lại để hình thành sở thích chung có tính định hướng giáo dục rất cao. Dù người dạy và người học không thích tác phẩm này mà chỉ thích tác phẩm kia thì cũng phải dạy và phải học tác phẩm không thích đó. Tác phẩm văn chương trong sách giáo khoa được dạy và học hoàn toàn không tùy thuộc vào sự thích hay không thích, muốn hay không muốn của người này, người kia mà xuất phát từ yêu cầu chung là "cần" và "phải" dạy và học những tác phẩm ấy. Sự tiếp nhận tác phẩm trong nhà trường chỉ tạo nên sự thích thú thực sự đối với những học sinh, sinh viên thực sự yêu văn chương. Còn hầu hết tiếp nhận tác phẩm văn học của thế hệ trẻ trong nhà trường là bởi hai áp lực: một là áp lực thi cử, hai là áp lực hướng nghiệp.

2.4.1. Thanh niên ngày nay tiếp nhận tác phẩm văn học do áp lực thi cử:

Nói đến việc tiếp nhận các tác phẩm văn học trong nhà trường, không thể không nói tới chủ thể tiếp nhận. Chủ thể tiếp nhận tác phẩm văn học trong nhà trường là thế hệ trẻ, là thanh niên bao gồm: những học sinh ở trường phổ thông và sinh viên ngành văn ở các trường cao đẳng và đại học. Khi xét chủ thể tiếp nhận tác phẩm văn học trong nhà trường lại không thể không nói tới tâm lý tiếp nhận văn học của chủ thể tiếp nhận.

Do tác động của những thành tựu cách mạng khoa học kỹ thuật và kinh tế thị trường đã tạo nên tư tưởng thực dụng. Gần như mọi giá trị đều được định bằng vật chất. Từ đó đã dẫn lớp trẻ là học sinh sinh viên trong các trường phổ thông cao đẳng và đại học đến tâm lý phân biệt "đôi xử" với từng môn học. Mặc dù ở trường phổ thông môn ngữ văn là môn học chính nhưng trong tâm lý của học sinh thì họ lại xem thường môn văn. Ngoại trừ một số học sinh yêu thích môn văn, còn hầu hết học sinh lại hướng vào các môn toán lý hóa gắn với các ngành kỹ thuật mũi nhọn. Tốt nghiệp trung học phổ thông, khi chọn ngành đào tạo, hầu hết học sinh lao vào chọn thi các trường cao đẳng và đại học có những ngành nghề gắn với kỹ thuật mũi nhọn mà rất ít học sinh chọn thi vào ngành văn. Trừ một số học sinh yêu thích văn, còn lại những học sinh khác thi vào văn là do mong muốn có nghề nghiệp. Do thực tế ấy, nên khi những học sinh vào học chuyên ngành văn ở các trường cao đẳng và đại học thì việc học văn của những sinh viên không yêu thích văn chương lắm thường có tâm lý chỉ đọc

những tác phẩm trong giới hạn bắt buộc của chương trình là được. Chính vì vậy, có thể nói rằng việc tiếp nhận tác phẩm văn học trong nhà trường của học sinh, sinh viên thường là do áp lực của thi cử. Bất cứ một hoạt động nào kể từ hoạt động nhận thức của con người, nếu không xuất phát từ sự yêu thích, từ nhu cầu có thực như là một động lực tinh thần của con người thì không thể nào đạt kết quả tốt. Học văn, dạy văn nghiên cứu văn chương tức là tiếp nhận văn chương ở nhiều cấp độ mà không yêu thích văn chương thì việc tiếp nhận tác phẩm văn chương sẽ trở nên gượng gạo mang tính chất đối phó. Có yêu thích văn chương mới thực sự trở thành nhu cầu tự thân của việc tiếp nhận tác phẩm văn chương. Cho đến nay, giới nghiên cứu và giảng dạy văn chương đã nói rất nhiều về tình trạng học sinh không thích học văn. Đã là không thích học văn thì làm sao có thể nói đến hiệu quả của việc tiếp nhận văn học trong nhà trường. Đó là một thực tế. Cũng như nhiều sinh viên cao đẳng và đại học ngành văn không thích học văn không chỉ do những nguyên nhân đã được trình bày ở trên mà còn do ở việc dạy văn của một số thầy cô giáo dạy văn. Dù thế nào thì vai trò của thầy cô giáo trong nhà trường cũng vẫn là vai trò của chủ thể truyền thụ. Nếu cho rằng lấy học sinh, sinh viên làm trung tâm thì phải biết "ai lấy". Chủ thể lấy học sinh, sinh viên làm trung tâm chính là đội ngũ các thầy cô giáo. Vì vậy, đội ngũ thầy cô giáo dạy văn là lực lượng đóng vai trò chủ thể trong hoạt động song phương dạy và học văn ở trường phổ thông cũng như ở các trường cao đẳng và đại học. Đội ngũ thầy cô giáo dạy văn ở trường phổ thông, trường cao đẳng và đại học cũng là chủ thể tiếp nhận bậc cao đối với các tác phẩm văn học nhưng rất tiếc, trong thực tế, nhiều thầy cô giáo dạy văn đã thực hiện chương trình theo tinh thần nghề nghiệp, nên không biến được việc học văn của học sinh cũng như sinh viên thành một nhu cầu tự thân để học sinh, sinh viên tiếp nhận tác phẩm văn chương thật tốt, đạt hiệu quả cao. Có thể nói, hiện nay khá nhiều thầy cô giáo dạy văn theo lối: "*vật lấy keo, chèo lấy mái*", "*đưa trâu qua ràn*". Từ đó cũng đã dẫn tới tình trạng thế hệ trẻ tỏ ra chán văn, không ham thích tiếp nhận tác phẩm văn chương, ngay đối với cả những tác phẩm văn chương đặc sắc được tinh tuyển để dạy và học ở nhà trường. Chỉ đến gần tới thời điểm thi học kỳ, thi cuối năm và đặc biệt hơn là thi tốt nghiệp môn văn thì những học sinh kể cả sinh viên mới tiếp nhận tác phẩm văn chương để làm bài thi với mong muốn không bị thiếu điểm thi môn văn.

Việc tiếp nhận tác phẩm văn chương trong nhà trường cũng có một sự phân hóa. Đó là sự phân hóa giữa những học sinh phổ thông và sinh viên ngành văn ở các trường cao đẳng và sư phạm không thích văn chương mà phải học văn với những học sinh và sinh viên

ngành văn ở các trường cao đẳng và đại học rất yêu thích văn chương. Mặc dù, có nhiều học sinh phổ thông có hướng thi vào các khối A, khối B và không yêu thích lắm tác phẩm văn chương trong nhà trường, nhưng lại tỏ ra rất yêu thích những tác phẩm văn chương được đọc ngoài nhà trường. Nên trong thực tế, nhiều học sinh ở trường phổ thông tỏ ra rất ham mê những tác phẩm như *"Tây du ký"* của Ngô Thừa Ân, *"Thủy hử"* của Thi Nại Am hay những tác phẩm của Kim Dung, Nguyễn Nhật Ánh,... Vì vậy, có thể nói việc tiếp nhận tác phẩm văn chương trong nhà trường của thế hệ trẻ là trong định hướng và ngoài định hướng. Trong định hướng thì hẹp, ngoài định hướng thì rộng. Như vậy, việc tiếp nhận tác phẩm văn chương trong nhà trường cũng có sự giao thoa giữa trong định hướng và ngoài định hướng. Chừng nào đó tạo được mối quan hệ thống nhất trong tiếp nhận tác phẩm văn chương trong định hướng và ngoài định hướng thì chừng ấy mới có thể biến việc tiếp nhận văn chương thành nhu cầu thực tế mang tính tự thân. Đây chính là động lực lớn nhất để nâng cao chất lượng dạy và học văn trong các trường kể cả phổ thông và đại học. Cũng từ đó xóa được cảm giác nặng nề của áp lực thi cử đối với môn văn cũng như tiếp nhận các tác phẩm văn chương trong nhà trường.

2.4.2. Thanh niên ngày nay tiếp nhận tác phẩm văn học do yêu cầu hướng nghiệp:

Sinh viên học văn ở các trường cao đẳng và đại học đã thực sự đi vào chuyên ngành. Chuyên ngành lớn này lại hướng nghiệp vào các chuyên ngành nhỏ, sâu như: sư phạm, viết báo, nghiên cứu văn học. Trong thực tế, những sinh viên ngành văn này, chỉ có một số yêu thích văn chương, còn một số lại do yêu cầu cần phải có một nghề mà các nghề thuộc khối A, khối B lại không với tới nên buộc lòng phải thi khối C- ngành văn. Vì vậy, việc tiếp nhận tác phẩm văn chương của sinh viên ngành văn cũng có một sự phân hóa. Đó là sự phân hóa giữa sinh viên học văn yêu thích văn chương với những sinh viên học văn do nhu cầu cần phải có nghề nên buộc phải học văn. Đối với những sinh viên yêu thích văn chương thì tiếp nhận tác phẩm văn chương đã thực sự trở thành nhu cầu tự thân. Nên những sinh viên này đọc rất nhiều và không bao giờ họ giới hạn ở những tác phẩm có trong chương trình. Còn đối với những sinh viên học văn vì động cơ cần phải có nghề, cần phải có tấm bằng để có chỗ đứng trong xã hội thì việc tiếp nhận tác phẩm văn chương lại hoàn toàn do áp lực của nghề nghiệp. Ở những sinh viên này, nếu không tiếp nhận văn chương thì không thể nào có bằng cấp và cũng từ đó không thể nào xin được việc làm, không có nghề. Áp lực của nghề nghiệp đối với sinh viên này thường tác động không đều ở từng năm học, từng khóa học và

ngay ở từng sinh viên cụ thể. Những năm đầu của khóa học đã có áp lực của nghề nghiệp nhưng áp lực này chưa cao, chưa mạnh. Vào năm cuối cùng của khóa học thì áp lực của nghề nghiệp càng mạnh hơn. Những sinh viên mà gia đình có đời sống khá giả thì áp lực nghề nghiệp không mạnh mẽ bằng những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Chính vì vậy mà việc tiếp nhận tác phẩm văn chương của những học sinh này ở các năm đầu của khóa học còn ít ỏi. Họ đọc tác phẩm không nhiều nhưng đến năm cuối của khóa học do áp lực của nghề nghiệp, họ mới nóng lòng trong việc tiếp nhận tác phẩm văn chương. Vì vậy, họ đọc nhiều hơn. Song do quá gấp gáp nên khi tiếp nhận, họ không thể nào "thấm được" cái hay, cái đẹp của những tác phẩm đã đọc. Trong khi đó, những sinh viên yêu thích văn chương lại đọc rất nhiều, tiếp nhận rất nhiều tác phẩm. Hễ có thời gian là họ tiếp nhận các tác phẩm văn chương. Đối với những sinh viên này thì việc tiếp nhận văn chương đã trở thành niềm thích thú và tác phẩm văn chương thực sự là món ăn tinh thần của họ.

CHƯƠNG 3: VẤN ĐỀ THỊ HIỂU THẨM MỸ CỦA THANH NIÊN NGÀY NAY QUA VIỆC TIẾP NHẬN VĂN HỌC ĐƯƠNG ĐẠI

3.1.Sự thay đổi về thị hiếu thẩm mỹ của từng thế hệ, từng giai đoạn lịch sử:

3.1.1.Thị hiếu thẩm mỹ của thanh niên ngày nay:

Sự xuất hiện của thị hiếu thẩm mỹ mới hay có sự thay đổi là do nhiều yếu tố tác động. Nó không chỉ do những yếu tố từ bên trong thuộc về chủ quan mà còn do những yếu tố bên ngoài thuộc về khách quan. Có khi yếu tố khách quan dễ dàng nhanh chóng chuyển hóa thành yếu tố chủ quan. Trong thời kháng chiến chống Pháp, thế hệ thanh niên thời ấy tỏ ra rất thích những tác phẩm như tiểu thuyết *"Vùng mỏ"* (1950) của Võ Huy Tâm, tiểu thuyết *"Con trâu"* (1952) của Nguyễn Văn Bông, tiểu thuyết *"Xung kích"* (1951) của Nguyễn Đình Thi và ở giai đoạn sau Hiệp định Gienève (20-7-1954), thanh niên miền Bắc tỏ ra háo hức tìm đọc tiểu thuyết *"Đất nước đứng lên"* (1956) của Nguyên Ngọc hay tiểu thuyết tình yêu *"Mùa hoa dẻ"* (1957) của Văn Linh, *"Bên kia biên giới "* (1958), và *"Trước giờ nổ súng"* (1961) của Lê Khâm,, *"Sóng gầm"*(1961) của Nguyên Hồng, *"Vỡ bờ"* (1961) của Nguyễn Đình Thi,... thì thế hệ thanh niên thời chống Mỹ lại rất thiết tha đọc những tiểu thuyết *"Vào lửa"* (1967) và *"Mặt trận trên cao"* (1968) của Nguyễn Đình Thi hay *"Dấu chân người lính"* (1971) của Nguyễn Minh Châu, *"Man và tôi"* (1972) của Phan Tứ,... Vào những năm đầu thời kỳ đổi mới, độc giả thích đọc *"Ông cố vấn"* (1989) của Hữu Mai, *"Nỗi buồn chiến tranh"* (1991) của Bảo Ninh, *"Mảnh đất lắm người nhiều ma"* (1991) của Nguyễn Khắc Trường, *"Bến không chồng"* (1991) của Dương Hương, *"Án mày dĩ vãng"* (1994) của Chu Lai,...

Hoàn cảnh lịch sử thay đổi đã dẫn tới sự thay đổi thị hiếu thẩm mỹ. Thị hiếu thẩm mỹ của tầng lớp thanh niên ngày nay rất phong phú và đa dạng. Có thể nói, chưa có một giai đoạn lịch sử nào của đất nước lại xuất hiện nhiều loại thị hiếu thẩm mỹ như hiện nay. Sự phong phú, đa dạng về thị hiếu thẩm mỹ của người đọc trong thời đương đại cũng chính là sự thể hiện những nhu cầu, những đòi hỏi rất phong phú, rất đa dạng của người đọc đối với nền văn học nước nhà. Chính sự phong phú và đa dạng về thị hiếu thẩm mỹ đã tạo nên một động lực cho sự đổi mới và phát triển của văn chương Việt Nam đương đại. Liệu văn chương Việt Nam đương đại có đáp ứng được những thị hiếu thẩm mỹ phong phú và đa

dạng của người đọc hôm nay không? Câu hỏi này chỉ có thể trả lời được bằng nhiệt tình và tài năng sáng tạo của các nhà văn, nhà thơ.

Sự phong phú và đa dạng của thị hiếu thẩm mỹ được thể hiện ở nhiều loại người đọc. Mỗi loại người đọc được hình thành theo một khuynh hướng thị hiếu thẩm mỹ. Có những thanh niên thích tiểu thuyết trinh thám, tiểu thuyết phản gián. Lại cũng có những thanh niên mê tiểu thuyết viết về đề tài tình yêu. Lại có những thanh niên say sưa với những cuốn tiểu thuyết lịch sử. Có thanh niên thích tác phẩm có cốt truyện ly kỳ, lắt léo, éo le. Có những thanh niên lại thích cách viết nhẹ nhàng mà lại có những khám phá tinh tế của nhà văn. Bên cạnh những người đọc theo những khuynh hướng thẩm mỹ trên, có những thanh niên lại thích những tác phẩm viết về cuộc sống đương đại còn nóng hổi hơi thở những biến động của hiện tại. Nhưng cũng có những thanh niên rất say đọc tiểu thuyết thuộc nhiều dạng đề tài, chứ không giới hạn trong một đề tài nào cả. Đây là những người đọc thuộc giới thanh niên trong xã hội đương đại.

Đọc ở đây đồng nghĩa với thưởng thức, cảm nhận một cách rất tự nhiên chứ hoàn toàn không hề theo một yêu cầu nghề nghiệp nào cả. Đây cũng là loại người đọc đông đảo nhất, trở thành một công chúng độc giả rất lớn trong việc tiếp nhận văn chương hiện nay.

Tuy có nhiều khuynh hướng về thị hiếu thẩm mỹ tạo nên sự phong phú, đa dạng ờong tiếp nhận văn chương, nhưng nhìn chung số lượng người đọc thuộc tầng lớp thanh niên vẫn hướng nhiều vào những tác phẩm ngắn, còn nếu là tác phẩm dài thì phải là những tác phẩm có sức thu hút, có sức hấp dẫn lớn. Sức hấp dẫn đối với mỗi người đọc thuộc các loại người đọc này trước hết là sự hấp dẫn của cốt truyện. Sức hấp dẫn của một cuốn tiểu thuyết cũng phải được thể hiện ngay từ những trang đầu. Có những tiểu thuyết rất hay nhưng ở những trang đầu lại chưa có được sức thu hút nên nhiều người đọc trong giới trẻ không có đủ kiên nhẫn để đọc hết tác phẩm. Có khi họ "đánh hơi" giá trị của một cuốn tiểu thuyết ngay từ những trang đầu. Nếu cái hay không được thể hiện ngay từ trang đầu thì họ đã có cảm giác chán.

Cuộc sống của mỗi con người ở thời đương đại, nhất là những thanh niên, bị thúc bách bởi nhiều tác động. Tất cả những tác động ấy đều bắt nguồn từ cuộc sống và những nhu cầu thực tế. Giờ đây, lớp trẻ không dừng lại ở nhu cầu có ăn no, có mặc ấm mà là nhu cầu ăn ngon, mặc đẹp. Bên cạnh những nhu cầu vật chất, còn có những nhu cầu về tinh thần. Ngay ở những nhu cầu ăn ngon, mặc đẹp còn có nhu cầu theo mốt của thời đại. Ngoài việc ăn

ngon, mặc đẹp còn có nhu cầu về nghề nghiệp, về nơi làm việc ổn định... Do có nhiều nhu cầu trong cuộc sống sôi động của kinh tế thị trường, nên một vấn đề đặt ra là thời gian và tốc độ. Làm thế nào cho nhanh có nghề nghiệp và khi đã có nghề nghiệp thì làm thế nào để kiếm được nhiều tiền. Vì vậy, ở những loại người đọc này gần như thiếu thời gian để đọc những tác phẩm dài hơi. Bởi thế, họ có cảm giác ngại khi cầm đến những cuốn tiểu thuyết nhiều trang. Họ thích nhận được những thông tin thẩm mỹ nhanh nhất từ những truyện ngắn hay, có vấn đề. Trong những truyện ngắn họ đọc, họ vẫn thích những truyện ngắn dễ hiểu, dễ cảm nhận với nội dung rất gần gũi với cuộc sống hiện tại mà họ quan tâm. Còn những truyện ngắn luận đề, những truyện ngắn giàu chất suy tưởng và tính hàm súc cao thì chưa hẳn họ đã thích. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với xu thế chọn nghề của thanh niên hiện nay.

Phải thừa nhận rằng thanh niên ngày nay rất nhạy bén, rất sắc sảo, háo hức với cái mới và tiếp nhận cái mới một cách vồn vã, vồ vập. Đây cũng là một ưu thế lớn của thế hệ trẻ ngày nay. Nhưng đối với tác phẩm văn chương mới xuất hiện, ngay cả những tác phẩm văn chương đã trở thành một hiện tượng thì thanh niên ngày nay cũng rất ít quan tâm tới. Những tác phẩm như thế chỉ có thể thu hút được một số ít thanh niên yêu thích văn chương. Ngoài những thanh niên thực sự yêu thích văn chương, nhiều thanh niên khác đọc tác phẩm với tâm lý đọc cho biết tác phẩm ấy nói về cái gì? hoặc đọc theo lối thưởng thức và thay đổi "khẩu vị" khi đã bão hoà các loại hình nghệ thuật khác như phim ảnh, hài kịch, cải lương,...

Một điều khác cũng phải thừa nhận rằng trước cuộc sống sôi động hiện nay, thế hệ thanh niên có rất nhiều tham vọng, tạo nên tình trạng mất cân bằng khi tham vọng tăng mà lý tưởng giảm. Đó là những tham vọng thuộc về nhu cầu hưởng thụ trong một xã hội tiêu dùng. Nên những tham vọng này có phần nghiêng về vật chất. Trong khi đó, văn chương lại là sản phẩm tinh thần của con người và cũng được tiếp nhận bằng tinh thần, bằng những cảm xúc thẩm mỹ trong tráng, vô tư. Những tác phẩm văn chương chân chính, đích thực bao giờ cũng hàm chứa ương đó một lý tưởng xã hội, lý tưởng đạo đức, lý tưởng thẩm mỹ. Khi trong tầng lớp thanh niên có hiện tượng tham vọng tăng mà lý tưởng giảm thì họ cũng không thiết tha gì tiếp nhận những tác phẩm văn chương. Mới đây, Phó giáo sư- tiến sĩ Trần Hữu Tá trả lời phỏng vấn của phóng viên báo *"Tuổi trẻ"* cũng đã nêu lên thực trạng này: *"Cũng cần nói thêm, thanh niên ngày nay ít đọc sách quá. Muốn hiểu và yêu văn thì không chỉ thu hẹp trong sách giáo khoa...Di sản văn học dân tộc cũng như tinh hoa văn học nhân*

loại đọc cả đời người cũng không hết Nhưng thử hỏi có bao nhiêu người trẻ hào hứng tìm sách để đọc? Tôi tin là ít lắm ! Tôi cho rằng đây là hiện tượng đáng lo ngại trong giới trẻ ngày nay" [67,10]. Điều này khiến cho giáo sư xót xa và báo động: "Đúng là nguy thật!". Nhìn rộng ra một chút, ta cũng sẽ thấy đây là hiện tượng chung đáng lo ngại ở nhiều nước, trong đó có nước Nga thời hậu Xô viết như lời nhận xét của Giáo sư - Tiến sĩ văn học A. Sôcôlốp: "Đáng tiếc, phải thừa nhận là đời sống tinh thần đang có phần bị làn sóng phản văn hoá xâm lấn. Truyền hình trở thành thứ nghệ thuật chính, làm hỏng lớp trẻ vì khiến chúng lười suy nghĩ. Trước đây chúng tôi sống trong một đất nước ham đọc. Ở đó, sách là vật thiêng liêng. Bây giờ phần đông mọi người không phải là độc giả, mà là khán giả. Và điều xảy ra là: ai xuất hiện trên ti vi nhiều, kẻ đó sẽ nắm được đầu óc mọi người (...). Từ một nước ham đọc, chúng tôi dần dần biến thành một nước tiêu dùng nghệ thuật. Các nhà văn và nhà hoạt động văn hoá hiện nay phải nhường chỗ của mình" [58,64].

Một thực tế khác gần như là nghịch lý là: có một số sinh viên ngành ngữ văn lại ít đọc những tác phẩm văn chương mới xuất bản hơn những sinh viên của các ngành khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội khác. Điều này chứng tỏ rằng: một số sinh viên ngành ngữ văn dễ dàng tự bằng lòng, thỏa mãn với những vốn hiểu biết về văn chương đã có. Còn sinh viên ở các ngành khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội khác khi tiếp nhận những tri thức chuyên ngành, họ lại tự cảm thấy thiếu đi một cái gì đó mà "cái gì đó" chính là văn chương nên họ đã tìm đọc những tác phẩm văn chương mới được xuất bản. Hiện tượng này giúp cho các nhà nghiên cứu và giảng dạy văn chương càng thấy được ý nghĩa nhân bản của văn chương, khi cảm thụ văn chương là nhu cầu tự thân, nhu cầu có thực của con người, chứ không riêng của một ai.

Đề tài của luận văn này nhằm khảo sát có tính chất điều tra xã hội học về sự tiếp nhận văn học Việt Nam đương đại của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ. Đối tượng khảo sát ở đây là sự tiếp nhận văn học Việt Nam đương đại. Bất cứ sự tiếp nhận văn học nào cũng gắn liền với chủ thể tiếp nhận. Vậy chủ thể tiếp nhận văn học Việt Nam đương đại ở đây là ai? Đó chính là sinh viên trường Đại học Cần Thơ. Có xác định rõ như thế mới thấy được biểu hiện riêng của sinh viên Đại học Cần Thơ trong biểu hiện chung của sinh viên các trường đại học trên phạm vi cả nước ta hiện nay về việc tiếp nhận văn học Việt Nam đương đại. Mặt khác, việc khảo sát sự tiếp nhận văn học không thể tách rời khỏi việc nghiên cứu chủ thể tiếp nhận. Không có chủ thể tiếp nhận văn học thì cũng không thể có sự tiếp nhận văn

học. Sự tiếp nhận văn học của chủ thể tiếp nhận bao giờ cũng diễn ra trong một hoàn cảnh nhất định. Chính hoàn cảnh tiếp nhận tạo nên những yếu tố tác động đến sự tiếp nhận của chủ thể tiếp nhận. Vì thế, khi nghiên cứu sự tiếp nhận văn học của một chủ thể nào đó thì không thể không xét tới hoàn cảnh tiếp nhận của chủ thể tiếp nhận.

Hoàn cảnh tiếp nhận của sinh viên - chủ thể tiếp nhận văn học trong luận văn này là Trường Đại học Cần Thơ tọa lạc tại Thành phố Cần Thơ vào những năm đầu thế kỷ XXI. Trường Đại học Cần Thơ là trường đại học được thành lập sớm nhất và lớn nhất hiện nay ở vùng châu thổ rộng lớn của sông Cửu Long. Đây là một trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực nằm trên vùng trọng điểm lúa của cả nước.

Trường Đại học Cần Thơ vì thế có quy mô đào tạo lớn nhất toàn vùng và là trung tâm văn hóa- khoa học - kỹ thuật của Đồng bằng sông Cửu Long.

Lực lượng sinh viên hằng năm của trường có tới trên mười bốn nghìn. Trường Đại học Cần Thơ có một đội ngũ cán bộ giảng dạy khá hùng hậu và trẻ trung. Tuy không có bề dày về kinh nghiệm, nhưng đội ngũ cán bộ trẻ này lại rất nhiệt tình và năng động. Cơ sở vật chất của trường cũng khá bề thế. Hiện nay, trường đang xây dựng một thư viện điện tử lớn nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Điều kiện để sinh viên tiếp nhận tri thức nói chung và tiếp nhận văn chương nói riêng hiện nay là trường có một thư viện lớn với nhiều chủng loại sách. Bên cạnh thư viện trường, còn có thư viện chuyên ngành của các khoa. Ngoài thư viện của trường, của khoa còn có thư viện của thành phố. Thư viện thành phố có rất nhiều loại sách báo, đặc biệt là các loại báo chí. Tuy không đầy đủ và phong phú bằng thư viện quốc gia ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, nhưng các thư viện trong và ngoài trường Đại học Cần Thơ cũng có một lượng sách đáp ứng được nhu cầu cơ bản cho sự tiếp nhận của sinh viên. Nhiều anh chị em sinh viên, đặc biệt là sinh viên ngữ văn có đầy đủ thẻ thư viện của khoa, của trường và của thành phố. Nhưng hầu như những tấm thẻ ấy đều được tạo nên bằng tâm lý dự phòng khi cần đến, chứ không phải để thực hiện chế độ đọc sách thường xuyên, có nền nếp.

Trên địa bàn thành phố Cần Thơ có trên 20 hiệu sách lớn nhỏ. Những hiệu sách này cũng luôn tạo điều kiện cho sinh viên tìm đọc hoặc mua sách mới và cả sách cũ khi họ có nhu cầu. Kể từ mốc lịch sử của công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng từ 1986 đến nay, văn học Việt Nam đương đại đã và đang có những bước phát triển khá sôi động. Đội ngũ sáng tác trẻ xông xáo, nhạy bén được bổ sung ngày càng đông. số lượng tác phẩm mới ra

đời được xuất bản rất nhiều. Ngay trên vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nhiều tác giả đã được kết nạp vào Hội nhà văn và đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển văn chương của đất nước. Theo bước của Đoàn Giỏi, Trang Thế Hy, Nguyễn Quang Sáng, Trần Thanh Giao, Viễn Phương, Ca Lê Hiến, Chim Trắng,... nhiều tác giả như Dạ Ngân, Nguyễn Linh, Nguyễn Lập Em, Song Hảo, Lê Tân, Trịnh Bửu Hoài, Ngô Khắc Tài, Mường Mán, Vũ Đức Nghĩa, Nguyễn Khai Phong ,...đã trở thành hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Tác phẩm của họ được in rất nhiều.

Hầu hết sinh viên của trường Đại học Cần Thơ là con em của đồng bào các dân tộc Kinh, Khơ-me, Hoa cư trú . Đây là vùng đồng bằng rộng lớn, là trọng điểm lúa với sản lượng hàng năm chiếm tới 60% tổng sản lượng lúa của cả nước. Nhưng đây là vùng mà mặt bằng giáo dục, đào tạo lại thấp nhất nước. Bên cạnh số sinh viên là con em của đồng bào các dân tộc sống trên vùng đất Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ còn thu nhận một số sinh viên quê ở miền Bắc và miền Trung. Nhưng số sinh viên này chỉ chiếm tỷ lệ rất thấp. Nhìn chung, sinh viên của Trường Đại học Cần Thơ khá thuần phác, cởi mở, trung thực, ham hoạt động, thích phong trào. Những khóa học sau ngày miền Nam mới được giải phóng, sinh viên của trường học tập rất tốt, rất cần cù, chăm chỉ. Nhưng sau này do tác động của tình hình giáo dục, đào tạo trong và ngoài nước, nên nền nếp học tập của sinh viên hiện nay không được duy trì. Mục đích và động cơ học tập của sinh viên trong trường hầu như dồn vào hai chữ "hướng nghiệp". Học để có nghề, miễn sao có được việc làm là được. Sinh viên Trường Đại học Cần Thơ thích những cái cụ thể, thiết thực, gần gũi, cập nhật với tư tưởng thực dụng rất cao. Những biểu hiện tâm lý ấy đã hoàn toàn lấn át động cơ học tập lành mạnh của nhiều thế hệ sinh viên trước kia là học để mở rộng tầm hiểu biết- học để phát triển tư duy và đối với sinh viên ngữ văn thì còn có thêm động cơ nữa là học để nâng cao trình độ cảm thụ cái đẹp chân chính ương những kiệt tác được học. Quan niệm phổ biến của sinh viên ngữ văn trường Đại học Cần Thơ là thi văn dễ, học văn dễ và dạy văn dễ, cứ theo sách đã viết là an tâm. Họ không hề biết được rằng: sự tiếp nhận các chân lý trong khoa học bao giờ cũng bằng thái độ chấp nhận, thừa nhận, còn sự tiếp nhận chân lý cuộc sống và chân lý nghệ thuật ương tác phẩm văn chương lại luôn luôn bằng tinh thần khám phá, phát hiện. Một biểu hiện khác cũng khá phổ biến trong tâm lý sinh viên là ngại suy nghĩ và luôn luôn bàng lòng, thỏa mãn với những cái đã có. Đây là một thứ trung bình chủ nghĩa , hạn chế khát vọng vươn tới đỉnh cao trong tu dưỡng và học tập. Nên sự tiếp nhận văn học của sinh viên ngữ văn tại Trường Đại học Cần Thơ hầu hết chỉ dừng lại ở những tác

phẩm có học và đặc biệt là những tác phẩm được giới hạn ra đề thi. Chỉ có một số rất ít tỏ ra yêu thích văn chương mới háo hức tìm đọc những tác phẩm mới- những tác phẩm văn học Việt Nam đương đại.

3.2.Thị hiếu thẩm mỹ của thanh niên ngày nay qua việc tiếp nhận văn học đương đại:

Văn chương Việt Nam đương đại từ năm 1986 đến nay đã đạt được những thành tựu nhất định về nội dung cũng như về nghệ thuật. Tuy nhiên, những tác phẩm văn học của giai đoạn này chưa được đưa vào chương trình giảng dạy chính thức ở bậc phổ thông trung học cũng như ở bậc cao đẳng, đại học. Chính sự thiếu vắng mảng văn học giai đoạn này trong kết cấu chương trình ở các bậc học đã vô tình tạo nên khoảng trống trong hành trang văn học nước nhà của giới trẻ hôm nay. Nhiều bạn trẻ cảm thấy xa lạ với những trang văn học Việt Nam đương đại. Có phải là do họ không thích văn học đương đại hay còn do một nguyên nhân nào khác khiến họ không say mê các tác phẩm văn học Việt Nam đương đại ? Chỉ có thể trả lời câu hỏi này qua khảo sát tình hình đọc sách của giới trẻ ngày nay trong đó có sinh viên.

Đối tượng được khảo sát cụ thể của chúng tôi ở đề tài này là vấn đề tiếp nhận văn học đương đại và thị hiếu thẩm mỹ của sinh viên trường Đại học Cần Thơ (sinh viên trường Đại học Cần Thơ được chia làm hai nhóm: nhóm thứ nhất là sinh viên chuyên ngành văn và nhóm thứ hai là sinh viên các chuyên ngành khác).

Nội dung khảo sát của luận văn này là : ***Sự tiếp nhận văn học Việt Nam đương đại của sinh viên trường Đại học Cần Thơ*** mà sự tiếp nhận ấy bao gồm cả tiếp nhận về tác giả và tiếp nhận về tác phẩm, nhưng chủ yếu là tiếp nhận về tác phẩm. Điểm cốt yếu của mỹ học tiếp nhận là tiếp nhận tác phẩm, nên sự tiếp nhận tác phẩm văn học Việt Nam đương đại của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ là điều mấu chốt của luận văn này. Tuy nhiên, tác phẩm văn chương nào cũng đều là "đứa con" tinh thần của nhà văn, nhà thơ đã "sinh nặng, đẻ đau" ra, nên khi tiếp nhận tác phẩm không thể không tiếp nhận phần "máu thịt" của tác giả trong tác phẩm.

Căn cứ vào yêu cầu, nội dung và tính chất của luận văn, chúng tôi đã nêu ra 30 câu hỏi để khảo sát trên 500 sinh viên thuộc các khoa: khoa Sư phạm, khoa Nông nghiệp, khoa Công nghệ thông tin, khoa Công nghệ, khoa Kinh tế- Quản trị kinh doanh, khoa Mác-Lênin

và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, để thuận tiện cho việc khảo sát, chúng tôi đã chia những sinh viên thuộc các khoa trên thành hai nhóm. Nhóm thứ nhất là sinh viên chuyên ngành văn (với số phiếu thu về là 284 phiếu), nhóm thứ hai là sinh viên không thuộc chuyên ngành văn (sinh viên các chuyên ngành khác với số phiếu thu về 221 phiếu). Nội dung 30 câu hỏi ấy tập trung khảo sát các khía cạnh tiếp nhận như sau:

a. Khảo sát sở thích cá nhân và việc nắm bắt thông tin về tác phẩm mới của thanh niên ngày nay

b. Khảo sát sự tiếp nhận văn học của sinh viên Đại học Cần Thơ về thể loại, về đề tài, về tác phẩm và phong cách nhà văn.

c. Khảo sát sự tiếp nhận văn học của sinh viên Đại học Cần Thơ về hiệu quả, về thể truyện ngắn, về khuynh hướng sáng tác, về thành tựu và hạn chế của văn học Việt Nam đương đại

d. Khảo sát sự tiếp nhận văn học nước ngoài.

e. Khảo sát sự tiếp nhận văn học với những đề xuất, những thái độ và vị thế của văn học Việt Nam đương đại.

3.2.1. Kết quả khảo sát được tổng hợp bằng các bảng thống kê dưới đây:

2.2.1.1. Khảo sát sở thích cá nhân và việc nắm bắt thông tin về tác phẩm mới của thanh niên ngày nay:

- Khi được hỏi "Sở thích của bạn là gì?" thì kết quả bảng 1 nhận được như sau :

Bảng 1

Chuyên ngành	Ý kiến	Trả lời			
		Xem phim	Đọc sách	Thể thao	Chơi Games
Ngành văn chương	N	198	268	96	30
	%	69.71%	94.36%	33.80%	10.56%
Các chuyên ngành khác	N	104	142	64	32
	%	47.05%	64.25%	28.95%	14.47%

Kết quả: trên cơ sở đối chiếu sở thích của sinh viên thuộc chuyên ngành văn chương và sinh viên các chuyên ngành khác cho thấy tỷ lệ phần trăm đọc sách văn chương đương

đại của sinh viên chuyên ngành văn (94.36%) cao hơn các chuyên ngành khác (64.25%). Tiếp đó, sở thích xem phim (69.71%), chơi thể thao (33.80%) của sinh viên chuyên ngành văn cũng cao hơn sở thích xem phim (47.05%), chơi thể thao (28.95%) của các sinh viên thuộc các chuyên ngành khác. Duy chỉ có "chơi games" là sinh viên các chuyên ngành khác (14.47%) vượt chuyên ngành văn (10.56%). Sự chênh lệch phần trăm khá lớn về sở thích đọc sách văn chương đương đại giữa sinh viên chuyên ngành văn và sinh viên các chuyên ngành khác đã phần nào thể hiện sở thích tiếp nhận các tác phẩm văn chương đương đại của sinh viên chuyên ngành văn cao hơn sinh viên các chuyên ngành khác.

- Khi được hỏi "*Bạn đọc sách ở đâu?*", kết quả bảng 2 nhận được là: Bảng 2

Bảng 2

Chuyên ngành	Ý kiến	Trả lời		
		Ở thư viện	Ở nhà	Ở quầy sách
Chuyên ngành Văn chương	N	154	268	43
	%	54.22%	94.36%	15.14%
Các chuyên ngành khác	N	83	153	45
	%	37.55%	69.23%	20.36%

Kết quả: tỷ lệ trả lời đọc sách ở nhà của sinh viên chuyên ngành văn (94.36%) cao hơn tỷ lệ đọc sách ở nhà của sinh viên các chuyên ngành khác (69.23%). Tuy nhiên, hình thức đọc sách ở nhà vẫn được đông đảo giới sinh viên ưa chuộng hơn hình thức đọc sách ở thư viện hoặc ở quầy sách. Đây cũng là một thực tế phản ánh đúng thói quen, tình hình đọc sách của sinh viên Đại học Cần Thơ trong những năm gần đây. Sau sở thích đọc sách ở nhà là sở thích đọc sách ở thư viện rồi cuối cùng mới đọc sách ở các quầy sách. Tỷ lệ đọc sách ở thư viện (54.22%) của sinh viên chuyên ngành văn cao hơn tỷ lệ đọc sách ở thư viện (37.55%) của sinh viên các chuyên ngành khác. Song tỷ lệ đọc sách ở các quầy sách của sinh viên các chuyên ngành khác (20.36%) lại cao hơn sinh viên chuyên ngành văn (15.14%). Thư viện là nơi lưu trữ và cung cấp nguồn tri thức lớn cho nhân loại. Vậy nên, việc hứng thú đọc sách ở thư viện sẽ góp phần nhân sâu và rộng kiến thức của độc giả trẻ tuổi. Song có một thực tế là số lượng sinh viên đến đọc sách ở thư viện không nhiều. Có khi họ đến là để đọc các tạp chí thuộc các lĩnh vực khác như: thời trang, sân khấu, điện ảnh,... hơn là đọc các tác phẩm văn

học Việt Nam đương đại.

- Khi được hỏi "*Trung bình mỗi năm, bạn đọc mấy cuốn sách văn học?*"

Kết quả:

+ Có 59 phiếu không trả lời (20.77%) và 225 phiếu trả lời (79.22%) của sinh viên chuyên ngành văn với tổng tổng số cuốn sách đọc mỗi năm là 2984 cuốn. Như vậy, trung bình mỗi năm sinh viên chuyên ngành văn đọc 13 cuốn sách văn học.

+ Có 32 phiếu không trả lời (14.47%) và 189 phiếu trả lời (85.52%) của sinh viên các chuyên ngành khác với tổng số cuốn sách đọc mỗi năm là 1.338 cuốn. Như vậy, trung bình mỗi năm sinh viên các chuyên ngành khác đọc khoảng 7 cuốn sách văn học.

+ Như vậy, trung bình mỗi năm mỗi sinh viên chuyên ngành văn học đọc số lượng sách văn học gần như gấp đôi số lượng sách mà mỗi sinh viên các chuyên ngành khác đọc.

- Với câu hỏi "*Bạn hãy kể tên một số tác phẩm văn chương mới được xuất bản gần đây nhất mà bạn đã đọc?* ", nhận được ở bảng 3 kết quả sau:

Bảng 3

Chuyên ngành Thể loại	Chuyên ngành Văn chương Tác phẩm	Các chuyên ngành khác Tác phẩm
1. Thơ	- Tuyển tập thơ Trần Đăng Khoa - Tuyển tập thơ Xuân Quỳnh - Truyện thơ “<i>Cô Tám Liều</i>” của Hạnh Nguyên - Bài thơ “<i>Xuân không lại</i>” của Hàn Quốc Vũ - Tập thơ “<i>Những bài thơ hay năm 1993</i>” - Bài thơ “<i>Nỗi buồn của mẹ</i>” của Phan Ngọc Thường Đoan - Tập thơ “<i>Một tiếng đồn</i>” của Tố Hữu - <i>Thơ tình chọn lọc Việt Nam</i>	- Tập thơ “<i>Một tiếng đồn</i>” của Tố Hữu - Bài thơ “<i>Bài thơ lục bát của anh</i>” của Đinh Thị Thu Vân - Bài thơ “<i>Cưỡi ngựa xuống trần gian</i>” của Hoàng Quý - Bài thơ “<i>Giấc phỉ nhiêu</i>” của Hoàng Quý - Bài thơ “<i>Dòng sông mặc áo</i>” của Nguyễn Trọng Tạo - Bài thơ “<i>Chiếc ghế mây</i>” của Bùi Chí Vinh - Bài thơ “<i>Tình yêu đại khờ</i>” của Phong Nhu - Tuyển tập thơ Trần Đăng Khoa - Tuyển tập thơ Xuân Quỳnh - Bài thơ “<i>Rong chơi cõi mù</i>” của Lữ Tùng Anh

2. Tiểu thuyết	- “<i>Bến không chồng</i>” của Dương Hương - “<i>Màu thời gian</i>” của Thái Vượng - “<i>Nỗi buồn chiến tranh</i>” của Bảo Ninh - “<i>Mảnh đất lắm người nhiều ma</i>” của Nguyễn Khắc Trường - “<i>Trên đồi cao chặn bầy thiên sứ</i>” của Nguyễn Ngọc Thuần - “<i>Ấn mào dĩ vãng</i>” của Chu Lai - “<i>Giàn thiêu</i>” của Võ Thị Hào - “<i>Tám ván phóng lao</i>” của Mạc Can - “<i>Giấy trắng</i>” của Triệu Xuân - “<i>Đêm trắng của đức giáo tông</i>” của Trầm Hương - “<i>Vòng tròn bội bạc</i>” của Chu Lai - “<i>Mùa chim én bay</i>” của Nguyễn Trí Huân - “<i>Tình trong thung lúa</i>” của Nguyễn Việt Phương - “<i>Mùa thu tím</i>” của Hoài Nhật	- “<i>Buổi chiều window</i>” của Nguyễn Nhật Ánh - “<i>Ấn mào dĩ vãng</i>” của Chu Lai - “<i>Tám ván phóng lao</i>” của Mạc Can - “<i>Thời xa vắng</i>” của Lê Lựu - “<i>Bức tường lửa</i>” của Khuất Quang Thụy - “<i>Nỗi buồn chiến tranh</i>” của Bảo Ninh - “<i>Bến không chồng</i>” của Dương Hương - “<i>Cánh đồng phía Tây</i>” của Hồ Phương -
3. Truyện ngắn	- “<i>Truyện ngắn</i>” của Nguyễn Khải - “<i>Tuyển tập truyện ngắn hay năm 2004</i>” - “<i>Mảnh trăng Tô Lịch</i>” của Siêu Hải - “<i>Dân quê</i>” của Phi Vân	- “<i>Đất lành</i>” của Phan Đức Nam - “<i>Chờ duyên</i>” của Nguyễn Thị Minh Ngọc - “<i>Cỏ lau</i>” của Nguyễn Minh Châu

- “ <i>Tuổi thơ im lặng</i> ” của Duy Khán	- “ <i>Giao thừa</i> ” của Nguyễn Ngọc Tư
- “ <i>Quý tộc mới</i> ” của Dương Trần	- “ <i>Biển cỏ miền Tây - Hình bóng cũ</i> ” của Sơn Nam
- “ <i>Đi balô xuyên Đông Dương</i> ” của Tổ Oanh	- “ <i>Vòng đời</i> ” của Hoàng Cát
- “ <i>Tình trong thung lúa</i> ” của Nguyễn Việt Phương	- Tập “ <i>Truyện ngắn Hà Nội</i> ”
- <i>Truyện ngắn của 5 cây bút nữ</i>	- “ <i>Bè trắm</i> ” của Nguyễn Trọng Tín
- <i>43 truyện cực ngắn của thế kỷ 20</i>	- “ <i>Sống cửa sông</i> ” của Lý Biên Cương
- “ <i>Giao thừa</i> ” của Nguyễn Ngọc Tư	- “ <i>Cô gái đến từ hôm qua</i> ” của Nguyễn Nhật Ánh
- “ <i>Đò ơi</i> ” của Nguyễn Quang Lập	- “ <i>Kính vạn hoa</i> ” của Nguyễn Nhật Ánh
- “ <i>Tóc ngắn</i> ” của Nguyễn Thị Châu Giang	- “ <i>Cái Tý</i> ” của Y Ban
- “ <i>Đất đỏ</i> ” của Phan Thị Vàng Anh	- “ <i>Chuyện cổ tích dành cho người lớn</i> ” của Nguyễn Nhật Ánh
- “ <i>Bình yên</i> ” của Nguyễn Bản	- “ <i>Rừng</i> ” của Thu Phong
- Tập “ <i>Truyện ngắn của các nhà văn Nam bộ</i> ”	- “ <i>Nắng chiều</i> ” của Nguyễn Khải
- Tập truyện ngắn “ <i>Những hạt phù sa</i> ” của Hội Văn nghệ Cần Thơ	- Tập truyện ngắn của Hồ Anh Thái
- “ <i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</i> ” của Nguyễn Ngọc Thuần	- “ <i>Lặng lẽ Sapa</i> ” của Nguyễn Thành Long
- “ <i>Quê ngoại</i> ” của Nguyễn Khải	- “ <i>Tình yêu trong veo</i> ” của Trịnh Bửu Hoài
- “ <i>Làng nhan sắc</i> ” của Dương Bình Nguyên	- “ <i>Cát bụi chân ai</i> ” của Tô Hoài
- “ <i>Bồ câu chung mái vòm</i> ” của Dương Thụy	
- “ <i>Người đi chân đất</i> ” của Vũ Đảo	
- “ <i>Hai chị em</i> ” của Lê Thúy Bảo	

	Vi - “ <i>Lặng lẽ Sapa</i> ” của Nguyễn Thành Long - “ <i>Con vện</i> ” của Trầm Nguyên Ý Anh - “ <i>Thương nhớ rau răm</i> ” của Nguyễn Ngọc Tư - “ <i>Chuyến xe cuối cùng</i> ” của Nguyễn Thị Diệp Mai - “ <i>Bạn đường</i> ” của Nam Hà	
--	--	--

Kết quả: có 64 (22.53%) ý kiến trả lời của sinh viên chuyên ngành văn và 56 (25.33%) ý kiến trả lời của sinh viên các chuyên ngành khác. Tuy nhiên có nhiều ý kiến trùng nhau ở việc kể tên tác phẩm được xuất bản gần đây

- Khi được hỏi “*Bạn có hay đọc các tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại (từ 1986 đến nay) không?*”, nhận được ở bảng 4 kết quả :

Bảng 4

Chuyên ngành	Ý kiến	Trả lời	
		Có thường đọc	Không thường đọc
Chuyên ngành Văn chương	N	165	119
	%	58.09%	41.90%
Các chuyên ngành khác	N	121	100
	%	54.75%	45.24%

Kết quả: So sánh tỷ lệ phân trăm “*Có hay đọc các tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại*” giữa sinh viên chuyên ngành văn và sinh viên các chuyên ngành khác cho thấy tỷ lệ có đọc và không đọc giữa sinh viên chuyên ngành văn và sinh viên các chuyên ngành khác là xấp xỉ nhau. Trong khi tỷ lệ “*thường đọc*” của chuyên ngành văn chương cao hơn (58.09% so với 54.75%) thì tỷ lệ “*không thường đọc*” của sinh viên các chuyên ngành khác lại cao hơn (45.24% so với 41.90%) . Điều này cũng dễ hiểu bởi việc đọc các tác phẩm văn

chương Việt Nam đương đại của các sinh viên thuộc các chuyên ngành khác là đề thưởng thức hơn là tích lũy kiến thức văn chương. Tỷ lệ trả lời "*có thường đọc*" tác phẩm văn chương của sinh viên chuyên ngành văn ở câu hỏi này đã góp phần củng cố tỷ lệ trả lời của sinh viên chuyên ngành văn về sở thích đọc sách ở bảng 1.

3.2.1.2. Khảo sát sự tiếp nhận văn học của sinh viên Đại học Cần Thơ về thể loại, về đề tài, về tác phẩm và phong cách nhà văn:

- Với câu hỏi "*Là một sinh viên học văn (hoặc các ngành khác nhưng yêu văn), bạn thích đọc tác phẩm thuộc thể loại nào (thơ hay kịch bản, hay ký, hay tiểu thuyết hay truyện ngắn)*" thì kết quả nhận được trong bảng 5 như sau:

Bảng 5

Chuyên ngành	Ý kiến	Trả lời				
		Thơ	Kịch bản	Ký	Tiểu thuyết	Truyện ngắn
Chuyên ngành Văn chương	N	131	8	16	166	243
	%	46.12%	2.81%	5.63%	58.45%	85.56%
Các chuyên ngành khác	N	78	12	22	68	136
	%	35.39%	5.42%	9.95%	30.76%	61.53%

Kết quả: trong năm thể loại: thơ, kịch bản, ký, tiểu thuyết, truyện ngắn thì truyện ngắn vẫn là thể loại có sức hút lớn đối với giới trẻ hiện nay. Tỷ lệ trả lời thích đọc truyện ngắn của sinh viên chuyên ngành văn chương là 85.56%, sau đó mới thích đến tiểu thuyết (58.45%), thơ (46.12%), ký (5.63%) và kịch bản (2.81%). Tỷ lệ trả lời của sinh viên các chuyên ngành khác thích đọc truyện ngắn là 61.53%, sau đó mới đến thích đọc thơ (35.39%), tiểu thuyết (30.76%), ký (9.95%), kịch bản (5.42%). Như vậy, so sánh tỷ lệ trả lời của hai nhóm sinh viên này cho thấy: sinh viên chuyên ngành văn thích đọc thơ, tiểu thuyết, truyện ngắn hơn sinh viên các chuyên ngành khác, song tỷ lệ trả lời thích thể loại kịch bản và ký của sinh viên các chuyên ngành khác lại cao hơn sinh viên chuyên ngành văn.

- Khi được hỏi "*Trong những tác phẩm văn học Việt Nam đương đại (từ 1986 đến nay) mà bạn đã đọc, bạn thích tác phẩm nào nhất?*", chúng tôi thu được kết quả trả lời như bảng

6 sau:

Bảng 6

Chuyên ngành Thể loại	Chuyên ngành Văn chương Tác phẩm	Các chuyên ngành khác Tác phẩm
1. Thơ	- Bài thơ “<i>Con đường</i>” của Phan Thị Thanh Nhân - Tuyển tập thơ Trần Đăng Khoa - Tuyển tập thơ Xuân Quỳnh - Truyện thơ “<i>Cô Tám Liễu</i>” của Hạnh Nguyên - Tập thơ “<i>Mẹ yêu</i>” của Thanh Nguyên - Bài thơ “<i>Thơ viết ở biển</i>” của Hữu Thịnh - Bài thơ “<i>Hơi thở</i>” của Ngân Hoa - Bài thơ “<i>Thành phố tình yêu và nỗi nhớ</i>” của Nguyễn Nhật Ánh - Bài thơ “<i>Tại sao mình lại gặp nhau</i>” của Phạm Thị Ngọc Liên - Bài thơ “<i>Những phút xao lòng</i>” của Thuận Hữu	- Bài thơ “<i>Những phút xao lòng</i>” của Thuận Hữu - Bài thơ “<i>Nói với anh</i>” của Hoài Thu - Bài thơ “<i>Với mẹ</i>” của Võ Thị Thu Cúc - Tập thơ “<i>Một tiếng đờn</i>” của Tổ Hữu - Bài thơ “<i>Bài thơ lục bát của anh</i>” của Đinh Thị Thu Vân - Bài thơ “<i>Mưa Sài Gòn</i>” của Trần Dạ Lữ - Bài thơ “<i>Xóm vắng</i>” của Nguyên Linh - Bài thơ “<i>Cười ngựa xuống trần gian</i>” của Hoàng Quý - Bài thơ “<i>Giấc phiêu</i>” của

- Tập thơ “<i>Di cảo thơ</i>” của Chế Lan Viên - Tập thơ “<i>Những bài thơ hay của các giáo viên</i>” - Bài thơ “<i>Không đề</i>” của Lâm Thị Mỹ Dạ - Bài thơ “<i>Hai tâm hồn</i>” của Hàn Quốc Vũ - Bài thơ “<i>Xuân không lại</i>” của Hàn Quốc Vũ - Bài thơ “<i>Lỗi hẹn sông Cầu</i>” của Trương Nam Hương - “<i>Tâm sự nàng Thúy Vân</i>” của Trương Nam Hương - “<i>Đi trong phố cổ Hà Nội</i>” của Vũ Quần Phương - Tập thơ “<i>Những bài thơ hay năm 1993</i>” - Bài thơ “<i>Chiều</i>” của Thảo Vi - Bài thơ “<i>Thời hoa đỏ</i>” của Thanh Tùng - Bài thơ “<i>Nỗi buồn của mẹ</i>” của Phan Ngọc Thường Doan - Bài thơ “<i>Thơ tình người lính</i>” của Trần Đăng Khoa - Bài thơ “<i>Sân ga chiều em đi</i>” của Xuân Quỳnh	- Hoàng Quý - Bài thơ “<i>Dòng sông mặc áo</i>” của Nguyễn Trọng Tạo - Bài thơ “<i>Vọng tưởng</i>” của Trần Hữu Dũng - Bài thơ “<i>Chiếc ghế mây</i>” của Bùi Chí Vinh - Bài thơ “<i>Phố cũ</i>” của Trần Văn Ngà - Bài thơ “<i>Tình yêu đại khờ</i>” của Phong Nhu - Bài thơ “<i>Hà Nội phố</i>” của Đào Mạnh Đức - Bài thơ “<i>Nhớ em trai</i>” của Văn Lê - Tuyển tập thơ Trần Đăng Khoa - Tuyển tập thơ Xuân Quỳnh - Bài thơ “<i>Hoa sữa</i>” của Nguyễn Phan Hách - Bài thơ “<i>Rong chơi cõi mù</i>” của Lữ Tùng Anh
---	---

2. Kịch bản	- “<i>Giấc mơ</i>” của Nguyễn Đình Thi - “<i>Tin ở hoa hồng</i>” của Lưu Quang Vũ - “<i>Nguyễn Trãi ở Đông Quan</i>” của Nguyễn Đình Thi - “<i>Rừng trúc</i>” của Nguyễn Đình Thi - “<i>Phía trước là bầu trời</i>” của Nguyễn Thị Thu Huệ - “<i>Đất khách</i>” của Lý Lan	- “<i>Rừng trúc</i>” của Nguyễn Đình Thi - “<i>Nguyễn Trãi ở Đông Quan</i>” của Nguyễn Đình Thi - “<i>Giấc mơ</i>” của Nguyễn Đình Thi - “<i>Thiếu phụ chưa chồng</i>” của Nguyễn Thị Thu Huệ
3.Ký	- “<i>Đường đời đưa đẩy</i>” của Vương Liễu Hằng - “<i>Vùng sông nước Nam bộ</i>” của Sơn Nam - “<i>Australia sau những mùa đông</i>” của Trần Tử Văn - “<i>Người không cô đơn</i>” của Nguyễn Minh Chuyên - “<i>Hồi ký Trần Văn Khê</i>”	- “<i>Hồi ký Võ Nguyên Giáp</i>” - “<i>Người không cô đơn</i>” của Nguyễn Minh Chuyên - “<i>Chè suối Giàng</i>” của Hoàng Việt Quân - “<i>Nắng đã về trên bản khói trắng</i>” của Hoàng Anh Sướng - “<i>Trên sóng thời gian</i>” của Nguyễn Đình Thi
4. Tiểu thuyết	- “<i>Bến không chồng</i>” của Dương Hương - “<i>Màu thời gian</i>” của Thái Vượng - “<i>Nỗi buồn chiến tranh</i>” của Bảo Ninh - “<i>Mảnh đất lắm người nhiều ma</i>” của Nguyễn Khắc Trường - “<i>Trên đồi cao chẵn bảy thiên sứ</i>” của Nguyễn Ngọc Thuần	- “<i>Buổi chiều window</i>” của Nguyễn Nhật Ánh - “<i>Ấn mây dĩ vãng</i>” của Chu Lai - “<i>Tám ván phóng lao</i>” của Mạc Can - “<i>Thời xa vắng</i>” của Lê Lựu - “<i>Tuổi thơ dữ dội</i>” của Phùng Quán

	- “<i>Ăn mày dĩ vãng</i>” của Chu Lai - “<i>Thiên thần sám hối</i>” của Tạ Duy Anh - “<i>Cù lao Tràm</i>” của Nguyễn Mạnh Tuấn - “<i>Giàn thêu</i>” của Võ Thị Hảo - “<i>Trả giá</i>” của Triệu Bôn - “<i>Tám ván phóng lao</i>” của Mạc Can - “<i>Thiên sứ</i>” của Phạm Thị Hoài - “<i>Đêm trắng của đức giáo tông</i>” của Trâm Hương - “<i>Thời xa vắng</i>” của Lê Lựu - “<i>Vàng trắng ban mai</i>” của Võ Phi Hùng - “<i>Tình trong thung lúa</i>” của Nguyễn Việt Phương - “<i>Ông cố vấn</i>” của Hữu Mai - “<i>Phố</i>” của Chu Lai - “<i>Những người đi và hai người ở lại</i>” của Đinh Quang Nhã - “<i>Bồ câu không đưa thư</i>” của Nguyễn Nhật Ánh - “<i>Quán Gò đi lên</i>” của Nguyễn Nhật Ánh	- “<i>Bức tường lửa</i>” của Khuất Quang Thụy - “<i>Nỗi buồn chiến tranh</i>” của Bảo Ninh - “<i>Bến không chồng</i>” của Dương Hương - “<i>Cánh đồng phía Tây</i>” của Hồ Phương - “<i>Mùa lá rụng trong vườn</i>” của Ma Văn Kháng
5. Truyện ngắn	- “<i>Lão khố</i>” của Tạ Duy Anh - “<i>Trại hoa vàng</i>” của Dương Bình Nguyên - “<i>Lý con sáo sang sông</i>” của	- “<i>Đất khách</i>” của Lý Lan - “<i>Chờ duyên</i>” của Nguyễn Thị Minh Ngọc - “<i>Rừng cười</i>” của Võ Thị Hảo

Nguyễn Ngọc Tư	- “ <i>Cỏ lau</i> ” của Nguyễn Minh Châu
- “ <i>Mùa trái cóc ở miền Nam</i> ” của Nguyễn Minh Châu	- “ <i>Giao thừa</i> ” của Nguyễn Ngọc Tư
- “ <i>Không có vua</i> ” của Nguyễn Huy Thiệp	- “ <i>Biển cỏ miền Tây - Hình bóng cũ</i> ” của Sơn Nam
- “ <i>Tạo hóa dưới trần gian</i> ” của Nguyễn Quang Sáng	- “ <i>Vòng đời</i> ” của Hoàng Cát
- “ <i>Nhớ sông</i> ” của Nguyễn Ngọc Tư	- Tập “ <i>Truyện ngắn Hà Nội</i> ”
- “ <i>Ngọn đèn không tắt</i> ” của Nguyễn Ngọc Tư	- “ <i>Tướng về hưu</i> ” của Nguyễn Huy Thiệp
- “ <i>Giao thừa</i> ” của Nguyễn Ngọc Tư	- “ <i>Bè trầm</i> ” của Nguyễn Trọng Tín.
- “ <i>Đò ơi</i> ” của Nguyễn Quang Lập	- “ <i>Sóng cửa sông</i> ” của Lý Biên Cương
- “ <i>Hậu thiên đường</i> ” của Nguyễn Thị Thu Huệ	- “ <i>Cô gái đến từ hôm qua</i> ” của Nguyễn Nhật Ánh
- “ <i>Tóc ngắn</i> ” của Nguyễn Thị Châu Giang	- “ <i>Kính vạn hoa</i> ” của Nguyễn Nhật Ánh
- “ <i>Đất đỏ</i> ” của Phan Thị Vàng Anh	- “ <i>Cái Tý</i> ” của Y Ban
- “ <i>Bình yên</i> ” của Nguyễn Bản	- “ <i>Chuyện cổ tích dành cho người lớn</i> ” của Nguyễn Nhật Ánh
- “ <i>Sống kịch</i> ” của Nguyễn Kim Châu	- “ <i>Rừng</i> ” của Thu Phong
- “ <i>Ngày khai trường</i> ” của Nguyễn Nhật Ánh	- “ <i>Nắng chiều</i> ” của Nguyễn Khải
- Tập “ <i>Truyện ngắn của các nhà văn Nam bộ</i> ”	- “ <i>Thương nhớ đồng quê</i> ” của Nguyễn Huy Thiệp
- “ <i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</i> ” của Nguyễn Ngọc Thuần	- Tập truyện ngắn của Hồ Anh Thái
- “ <i>Tướng về hưu</i> ” của Nguyễn Huy	

Thiệp	- “ <i>Lặng lẽ Sapa</i> ” của Nguyễn
- “ <i>Quê ngoại</i> ” của Nguyễn Khải	Thành Long
- “ <i>Làng nham sắc</i> ” của Dương Bình	- “ <i>Tình yêu trong veo</i> ” của
Nguyễn	Trịnh Bửu Hoài
- “ <i>Cỏ dại</i> ” của Ma Văn Kháng	- “ <i>Cát bụi chân ai</i> ” của Tô
- “ <i>Người đi chân đất</i> ” của Vũ Đảo	Hoài
- “ <i>Hai chị em</i> ” của Lê Thúy Bảo	
Vi	
- “ <i>Khách ở quê ra</i> ” của Nguyễn	
Minh Châu	
- “ <i>Lặng lẽ Sapa</i> ” của Nguyễn	
Thành Long	
- “ <i>Con vện</i> ” của Trầm Nguyên Ý	
Anh	
- “ <i>Cháy đi sông ơi</i> ” của Nguyễn	
Huy Thiệp	
- “ <i>Cỏ lau</i> ” của Nguyễn Minh Châu	
- “ <i>Thương nhớ rau răm</i> ” của	
Nguyễn Ngọc Tư	
- “ <i>Chuyến xe cuối cùng</i> ” của	
Nguyễn Thị Diệp Mai	
- “ <i>Phiên chợ Giát</i> ” của Nguyễn	
Minh Châu	
- “ <i>Bạn đường</i> ” của Nam Hà	

Kết quả: Trong số những tác phẩm nêu trên có không ít tác phẩm được sinh viên trong cùng chuyên ngành văn hoặc sinh viên trong cùng các chuyên ngành khác thích đọc. Ví dụ khi nói về thơ, tiểu thuyết, truyện ngắn, sinh viên chuyên ngành văn có 5 phiếu ghi thích truyện thơ “*Cô Tám Liễu*” của Hạnh Nguyên, 4 phiếu ghi thích tập thơ “*Một tiếng đờn*” của Tố Hữu, 4 phiếu thích “*Tuyển tập thơ của Trần Đăng Khoa*”, 3 phiếu ghi thích tập thơ “*Mẹ yêu*” của Hạnh Nguyên, 02 phiếu ghi thích bài thơ “*Con đường*” của Phan Thị

Thanh Nhân, 17 phiếu ghi thích đọc tiểu thuyết "*Nỗi buồn chiến tranh*" của Bảo Ninh, 16 phiếu thích tiểu thuyết "*Bến không chồng*" của Dương Hương, 13 phiếu thích tiểu thuyết "*Mảnh đất lắm người nhiều ma*" của Nguyễn Khắc Trường, 5 phiếu thích tiểu thuyết "*Án mây dĩ vãng*" của Chu Lai, 12 phiếu thích truyện ngắn "*Tướng về hưu*" của Nguyễn Huy Thiệp, 9 phiếu thích truyện ngắn "*Cỏ lau*" của Nguyễn Minh Châu, 5 phiếu thích "*Lặng lẽ Sapa*" của Nguyễn Thành Long . Hoặc sinh viên các chuyên ngành khác cũng có chung sở thích đọc một tác phẩm thuộc thể loại thơ, tiểu thuyết, truyện ngắn. Chẳng hạn có 5 phiếu cùng ghi thích đọc "*Tuyển tập thơ Xuân Quỳnh*", 2 phiếu ghi thích đọc bài thơ "*Vọng trăng*" của Trần Hữu Dũng, 2 phiếu ghi thích đọc bài thơ "*Rong chơi cõi mù*" của Lưu Tùng Anh, 3 phiếu ghi thích đọc "*Nỗi buồn chiến tranh*" của Bảo Ninh, 2 phiếu ghi thích đọc "*Tám ván phóng lao*", 2 phiếu ghi thích đọc "*Án mây dĩ vãng*" của Chu Lai, 2 phiếu ghi thích "*Tuổi thơ dữ dội*" của Phùng Quán, 4 phiếu thích "*Cỏ lau*" của Nguyễn Minh Châu, 3 phiếu ghi thích "*Cơ gái đến từ hôm qua*" của Nguyễn Nhật Ánh, 2 phiếu ghi thích "*Rừng cười*" của Võ Thị Hảo.

- Có 205 phiếu (chiếm 72.18% tổng số phiếu là: 284) của sinh viên chuyên ngành văn trả lời câu hỏi này .

- Có 128 phiếu (chiếm 57.91% tổng số phiếu là: 221) của sinh viên các chuyên ngành khác trả lời câu hỏi này.

Như vậy, tỷ lệ trả lời ở câu hỏi này của sinh viên chuyên ngành văn cao hơn tỷ lệ trả lời của sinh viên các chuyên ngành khác. Điều này được thể hiện rõ trong phần thống kê các tác phẩm văn chương đương đại thuộc các thể loại như: thơ, ký, kịch bản, tiểu thuyết, truyện ngắn ở **bảng 6**

- Khi được hỏi "*Bạn hãy nói rõ lý do tại sao bạn thích tác phẩm ấy?* " (tức là những tác phẩm được nói đến ở **bảng 6**). Dưới đây là một số lý do (được thể hiện ở bảng 6.1, 6.2, 6.3, 6.4, 6.5, 6.6, 6.7, 6.8) mà sinh viên thích đọc những tác phẩm được trình bày trong **bảng 6**

Bảng 6.1

Chuyên ngành	Cốt truyện hay		
	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Văn chương	N	120	164
	%	42.25%	57.74%
Các chuyên ngành Khác	N	86	135
	%	38.91%	61.08%

Kết quả: Với lý do "cốt truyện hay", sinh viên chuyên ngành văn đến với tác phẩm văn chương là 42.25% trong khi đó sinh viên các chuyên ngành khác là 38.91%. Kết quả này phần nào cho thấy: không hẳn sinh viên nào ngày nay thích đọc những tác phẩm văn chương đương đại cũng là do tác phẩm ấy có cốt truyện hay. Bởi so với tỷ lệ trả lời thì tỷ lệ không trả lời của sinh viên chuyên ngành Văn (57.74%) và tỷ lệ không trả lời của sinh viên các chuyên ngành khác (61.08%) ở câu hỏi này đều cao.

Bảng 6.2

Chuyên ngành	Cảm xúc đẹp		
	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Chuyên ngành Văn Chương	N	105	179
	%	36.37%	63.02%
Các chuyên ngành Khác	N	66	155
	%	29.86%	70.13%

Kết quả: Đối với việc thích đọc tác phẩm văn chương thuộc một hay nhiều thể loại văn chương là vì "cảm xúc đẹp" thì tỷ lệ trả lời của sinh viên chuyên ngành văn là 36.37%, còn sinh viên các chuyên ngành khác là 29.86%.

Bảng 6.3

Chuyên ngành	Những sáng tạo độc đáo về nghệ thuật		
	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Chuyên ngành Văn chương	N	44	240
	%	15.49%	84.50%
Các chuyên ngành khác	N	52	169
	%	23.52%	76.47%

Kết quả: Tỷ lệ trả lời của việc thích đọc tác phẩm văn chương thuộc một hay nhiều thể loại văn chương là bởi chúng có "*những sáng tạo độc đáo về nghệ thuật*", cho thấy sinh viên các chuyên ngành khác dường như chú trọng đến sự độc đáo của nghệ thuật hơn sinh viên chuyên ngành văn. Vì tỷ lệ trả lời của sinh viên chuyên ngành văn là 15.49% trong khi đó tỷ lệ trả lời của sinh viên các chuyên ngành khác là 23.52%. Phải chăng đây là một nghịch lý trong tiếp nhận văn chương? Như vậy, chưa hẳn sinh viên các chuyên ngành khác đến với tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại chỉ đơn thuần là để giải trí, để thưởng thức mà họ còn có dịp để khám phá vẻ đẹp của sáng tạo độc đáo về nghệ thuật trong các tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại.

Bảng 6.4

Chuyên ngành	Vì những khám phá mới mẻ của nhà văn, nhà thơ về đề tài, về chủ đề		
	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Chuyên ngành Văn chương	N	74	210
	%	26.05%	73.94%
Các chuyên ngành khác	N	36	185
	%	16.28%	83.71%

Kết quả: Trong lý do thích đọc tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại là vì "*những khám phá mới mẻ của nhà văn, nhà thơ về đề tài, về chủ đề*" có 26.05% sinh viên chuyên ngành văn và 16.28% sinh viên các chuyên ngành khác trả lời. Như vậy, chưa hẳn đề tài mới, chủ đề mới đã thu hút bạn trẻ sinh viên đến với tác phẩm văn chương Việt Nam đương

đại.

Bảng 6.5

Chuyên ngành	Tác phẩm thực sự mang đậm dấu ấn cá tính sáng tạo của nhà văn , nhà thơ		
	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Chuyên ngành Văn chương	N	76	208
	%	26.76%	73.23%
Các chuyên ngành khác	N	76	145
	%	34.38%	65.61%

Kết quả: So sánh tỷ lệ trả lời thích đọc tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại thuộc một hay nhiều thể loại là vì "*tác phẩm đó thực sự mang đậm dấu ấn cá tính sáng tạo của nhà văn, nhà thơ*", cho thấy tỷ lệ thích đọc tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại của sinh viên chuyên ngành văn (26.76%) vẫn không cao bằng tỷ lệ trả lời của sinh viên các chuyên ngành khác (34.38%). Với tỷ lệ trả lời này, một lần nữa khẳng định sinh viên các chuyên ngành khác đến với tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại không hẳn chỉ đơn thuần là để giải trí sau những giờ học chuyên ngành mà họ đến với tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại là để cảm nhận cái hay, cái đẹp của các tác phẩm văn chương. Như vậy, tỷ lệ câu trả lời này đã góp phần khẳng định thêm: sinh viên các chuyên ngành khác cũng rất chú trọng đến tính nghệ thuật của tác phẩm, đến sự sáng tạo nghệ thuật của các nhà văn, nhà thơ.

Bảng 6.6

Chuyên ngành	Chức năng giáo dục cao của tác phẩm		
	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Chuyên ngành Văn chương	N	86	198
	%	30.28%	69.71%
Các chuyên ngành khác	N	70	151
	%	31.67%	68.32%

Kết quả: Tỷ lệ trả lời thích đọc một hay nhiều tác phẩm thuộc một hay nhiều thể loại là vì "*chức năng giáo dục cao của tác phẩm*" của sinh viên chuyên ngành văn là 30.28% và tỷ lệ trả lời sinh viên các chuyên ngành khác là 31.67%. Với tỷ lệ trả lời xấp xỉ như vậy phần nào đã thể hiện sự đồng thuận trong quan niệm của sinh viên chuyên ngành văn và sinh viên các chuyên ngành khác về chức năng giáo dục trong các tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại.

Bảng 6.7

Chuyên ngành	Tác phẩm đề cập đến những vấn đề lớn của dân tộc, của thời đại, hoặc một vấn đề nào đấy mà bạn quan tâm		
	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Chuyên ngành Văn chương	N	81	203
	%	28.52%	71.47%
Các chuyên ngành khác	N	56	165
	%	25.33%	74.66%

Kết quả của **bảng 6.7** cho thấy tỷ lệ trả lời thích đọc tác phẩm là vì "*tác phẩm văn chương ấy đề cập đến những vấn đề lớn của dân tộc, của thời đại hoặc vấn đề nào đấy*" của sinh viên chuyên ngành văn là 28.52% và của sinh viên các chuyên ngành khác là 25.33%. Với kết quả này chứng tỏ sinh viên chuyên ngành văn chương quan tâm đến vấn đề lớn của dân tộc, của thời đại, hoặc một vấn đề nào đấy hơn sinh viên các chuyên ngành khác, tuy tỷ lệ trả lời hơn ấy không cao hơn tỷ lệ trả lời của sinh viên các chuyên ngành khác là mấy.

Bảng 6.8

Chuyên ngành	Tác phẩm giúp bạn "giải" được một "bài toán" của cuộc đời		
	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Chuyên ngành Văn chương	N	91	193
	%	32.04%	67.95%
Các chuyên ngành khác	N	64	157
	%	28.95%	71.04%

Kết quả: có 32.04% sinh viên chuyên ngành văn và 28.95% sinh viên các chuyên ngành khác cho rằng : tác phẩm văn học giúp họ "giải" được một "bài toán" của cuộc đời. Tuy tỷ lệ như vậy là thấp thế nhưng cũng đã nói lên được vai trò của tác phẩm văn chương trong việc làm chỗ dựa tinh thần cho họ.

- Khi được hỏi "*Theo ý của bạn, thế nào là một tác phẩm hay?*", chúng tôi thu được tỷ lệ trả lời theo bảng 7 dưới đây:

Bảng 7

Chuyên ngành	Tác phẩm hay		
	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Chuyên ngành Văn chương	N	261	23
	%	91.90%	8.09%
Các chuyên ngành khác	N	153	68
	%	69.23%	30.76%

Kết quả cho thấy tỷ lệ trả lời câu hỏi này của sinh viên chuyên ngành văn là 91.90% cao hơn nhiều so với tỷ lệ trả lời của sinh viên các chuyên ngành khác (69.23%). Trong phần trả lời cụ thể : thế nào là một tác phẩm được xem là hay, họ đã đưa ra rất nhiều tiêu chí để đánh giá. Điều này thể hiện tính phong phú và đa dạng trong tiếp nhận văn chương đương đại Việt Nam của sinh viên Đại học Cần Thơ. Tuy nhiên, tựu chung phần lớn câu trả lời của họ tập trung đến những vấn đề liên quan đến nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Trong 261 (100%) ý kiến trả lời của sinh viên chuyên ngành văn có 81 (31.03%) ý kiến đề cập đến những khía cạnh của nội dung, 01 (0.38%) ý kiến đề cập đến khía cạnh nghệ thuật và có 172 (65.90%) ý kiến vừa đề cập nội dung vừa đề cập nghệ thuật và có 02 (0.76%) ý kiến cho rằng tác phẩm hay là tác phẩm "bán chạy nhất" và 05 (1.91%) ý kiến cho rằng tác phẩm hay phải thu hút đông đảo độc giả. Còn trong 153 (100%) ý kiến trả lời của sinh viên các chuyên ngành khác có 43 (28.10%) ý kiến đề cập đến những khía cạnh của nội dung, 40 (26.14%) ý kiến đề cập đến những khía cạnh của nghệ thuật, 56 (36.60%) ý kiến vừa đề cập nội dung vừa đề cập nghệ thuật và 06 (3.92%) ý kiến cho rằng tác phẩm hay là tác phẩm "bán chạy nhất" và 08 (5.22%) ý kiến cho rằng tác phẩm hay phải được nhiều người đọc đón nhận. Như vậy, sinh viên chuyên ngành văn chú ý đến sự thống nhất biện chứng giữa nội dung và hình thức nghệ thuật trong tác phẩm văn chương hơn sinh viên thuộc các

chuyên ngành khác, còn sinh viên các chuyên ngành khác chú ý nhiều đến hình thức nghệ thuật một cách riêng lẻ hơn sinh viên chuyên ngành văn.

Ngoài những câu trả lời thiên hẳn về nội dung hoặc thiên hẳn về hình thức nghệ thuật còn có những câu trả lời vừa đề cập đến nội dung vừa đề cập đến hình thức nghệ thuật. Trong số những câu trả lời vừa đề cập đến nội dung vừa đề cập đến hình thức nghệ thuật có nhiều câu rất khái quát như: phải có sự thống nhất biện chứng giữa nội dung và hình thức nghệ thuật; phải có sự kết hợp hài hòa giữa nội dung và hình thức nghệ thuật; phải hoàn thiện về nội dung, hoàn mỹ về nghệ thuật, số còn lại là những câu trả lời đi sâu vào những khía cạnh nội dung và hình thức nghệ thuật. Khi trả lời về khía cạnh nội dung, thông thường các câu trả lời cho rằng tác phẩm hay là phải có ý nghĩa giáo dục; là phải viết về đề tài mới; có nội dung dễ hiểu, phù hợp tâm tư tình cảm của giới trẻ; phải phản ánh cuộc sống đương đại và những vấn đề nóng bỏng của cuộc sống hôm nay, phải thể hiện được tiếng lòng của con người đương đại,... Khi trả lời về khía cạnh nghệ thuật, các câu trả lời cho rằng tác phẩm hay thì phải có cốt truyện hay; kết cấu hợp lý, cách tân, sáng tạo; ngôn ngữ phải mới nhưng gần gũi, dễ hiểu; lời văn giản dị, trong sáng; nghệ thuật xây dựng nhân vật phải mới, thể hiện sâu sắc đời sống nội tâm của nhân vật,... Thực ra, những câu trả lời đơn thuần về khía cạnh nội dung hay hình thức nghệ thuật cũng như những câu trả lời vừa đi sâu vào khía cạnh nội dung vừa đi sâu vào khía cạnh nghệ thuật đều có những điểm gặp gỡ trong tiêu chí đánh giá tác phẩm hay.

- Khi được hỏi "*Những tác phẩm của nền văn chương Việt Nam đương đại có đáp ứng được phần nào nhu cầu thưởng thức của bạn không?*" (Nếu có, vì sao?, nếu không, vì sao?) có tỷ lệ trả lời như bảng 8:

Bảng 8

Chuyên ngành	Ý kiến	Trả lời		Không trả lời
		Có	Không	
Chuyên ngành Văn chương	N	230	26	28
	%	80.98%	9.15%	9.85%
Các chuyên ngành khác	N	179	30	12
	%	80.99%	13.57%	5.42%

Kết quả trả lời của **bảng 8** cho thấy tỷ lệ trả lời ở sinh viên các chuyên ngành khác (có

đáp ứng được là 80.99% và không đáp ứng được là 13.57%) cao hơn tỷ lệ trả lời của sinh viên thuộc chuyên ngành văn (80.98% đáp ứng được và 9.15% không đáp ứng được). Tỷ lệ không trả lời câu hỏi này ở sinh viên chuyên ngành văn là 9.85% và ở sinh viên các chuyên ngành khác là 5.42%. Nhìn chung, khi trả lời những tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại không đáp ứng được nhu cầu thưởng thức, các ý kiến tập trung vào một số điểm như: chưa thực sự độc đáo về nội dung và nghệ thuật; nhiều tác phẩm chạy theo thị hiếu nhất thời, không chăm chút về khía cạnh nội dung cũng như nghệ thuật; nhiều tác phẩm không phù hợp với tâm lý của giới trẻ; nội dung tác phẩm còn xa rời thực tế cuộc sống;... Còn khi trả lời các tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại có đáp ứng được nhu cầu thưởng thức thì nhấn mạnh những điểm sau: vì phù hợp thị hiếu của người đọc; vì có nội dung đa dạng, phong phú và dễ hiểu; vì có đề tài sát thực với thực tế cuộc sống, xã hội; vì góp phần phục vụ cho nhu cầu học tập, nhu cầu hiểu biết; vì góp phần giáo dục chân- thiện- mỹ; vì chất lượng nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn chương đương đại Việt Nam ngày càng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn chương ngày càng cao, càng đa dạng của công chúng độc giả; vì phong cách nghệ thuật của các nhà văn, nhà thơ mới lạ; vì đã thể hiện sâu sắc và thành công thể giới tinh thần, tình cảm của con người đương đại...

- Khi được hỏi: "*Trong các tác phẩm văn chương đương đại của Việt Nam vấn đề gì làm bạn cảm thấy thích thú nhất? Tại sao?*", tỷ lệ trả lời về đầu của câu hỏi này như bảng 9 dưới đây:

Bảng 9

Chuyên ngành	Vấn đề cảm thấy thích thú nhất trong các tác phẩm văn chương đương đại của Việt Nam		
	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Chuyên ngành Văn chương	N	224	60
	%	78.87%	21.12%
Các chuyên ngành khác	N	132	89
	%	59.72%	40.27%

Kết quả: Có 78.87% ý kiến của sinh viên chuyên ngành văn và 59.72% ý kiến của sinh viên các chuyên ngành khác trả lời thích thú nhất một vấn đề nào đó trong các tác phẩm văn chương đương đại Việt Nam. Vậy vấn đề các sinh viên trường Đại học Cần Thơ thích thú

nhất ấy là vấn đề gì? Có thể nói, có rất nhiều vấn đề mà sinh viên trường Đại học Cần Thơ đề cập đến trong câu trả lời, nhưng tựu chung là những vấn đề sau: tình cảm gia đình, tình yêu đôi lứa; tình yêu quê hương, đất nước; quan niệm về con người trong xã hội đương đại; các vấn đề xã hội được các nhà văn thể hiện như thế nào trong các tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại; nghệ thuật xây dựng nhân vật; sự đổi mới phong cách nghệ thuật của các nhà văn, nhà thơ; ngôn ngữ trong các tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại... Trả lời về sau của câu hỏi: "tại sao" lại thích vấn đề đó trong các tác phẩm văn chương đương đại Việt Nam, có 10/224 (4.46%) câu trả lời của sinh viên chuyên ngành văn và 5/132 (3.78%) câu trả lời của sinh viên các chuyên ngành khác.

- Với câu hỏi: *"Trong nền văn học Việt Nam đương đại, bên cạnh những tác phẩm hùng hực hơi thở của thực tại cuộc sống đương đại, còn có những tiểu thuyết lịch sử (có độ lùi thời gian xa) và những tiểu thuyết viết về hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (có độ lùi thời gian gần). Bạn thích những tác phẩm viết về đề tài nào hơn?"*, chúng tôi có được kết quả khảo sát sau ở bảng 10.1, 10.2, 10.3:

Bảng 10.1

Chuyên ngành	Đề tài đương đại		
	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Chuyên ngành Văn chương	N	129	155
	%	45.42%	54.57%
Các chuyên ngành khác	N	61	160
	%	27.60%	72.39%

Kết quả: Đối chiếu bảng thống kê, tỷ lệ trả lời của sinh viên chuyên ngành văn thích đề tài đương đại là 45.42% trong khi đó sinh viên các chuyên ngành khác là 27.60%. Bảng 10.2

Bảng 10.2

Chuyên ngành	Đề tài lịch sử		
	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Chuyên ngành Văn Chương	N	70	214
	%	24.64%	75.35%
Các chuyên ngành khác	N	73	148
	%	33.03%	66.96%

Kết quả: Tỷ lệ trả lời thích đọc tác phẩm thuộc đề tài lịch sử ở sinh viên các chuyên ngành khác (33.03%) cao hơn tỷ lệ trả lời của sinh viên chuyên ngành văn (24.64%).

Bảng 10.3

Chuyên ngành	Đề tài cách mạng		
	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Chuyên ngành Văn chương	N	142	142
	%	50.00%	50.00%
Các chuyên ngành khác	N	104	117
	%	47.05%	52.94%

Kết quả: So với "đề tài đương đại" và "đề tài lịch sử" thì "đề tài chiến tranh cách mạng" có sức hút sinh viên Đại học Cần Thơ hơn. Có 50.00% ý kiến của sinh viên chuyên ngành văn thích đề tài chiến tranh cách mạng trong khi đó sinh viên các chuyên ngành khác là 47.05%. Khi lý giải vì sao lại thích những tác phẩm viết về đề tài nêu trên. Hầu hết những câu trả lời của sinh viên chuyên ngành văn cũng như sinh viên các chuyên ngành khác cho rằng: thích đề tài đương đại vì nó gần gũi, vì phản ánh được những vấn đề nóng bỏng của cuộc sống hôm nay; thích đề tài lịch sử vì qua những tác phẩm đó sẽ hiểu thêm lịch sử dân tộc, truyền thống đấu tranh dựng nước, giữ nước cũng như những nét đẹp truyền thống của dân tộc ta; thích đề tài chiến tranh cách mạng vì đã tái hiện những chặng đường đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, để tỏ lòng tự hào hơn về trang sử hào hùng của dân tộc.

Như vậy, trên cơ sở đối chiếu tỷ lệ trả lời ở ba bảng: **bảng 10.1, bảng 10.2, bảng 10.3**, chúng tôi thấy rằng: tỷ lệ trả lời của sinh viên chuyên ngành văn thích đọc tác phẩm văn

chương Việt Nam đương đại viết về đề tài chiến tranh cách mạng cao nhất, rồi mới đến đề tài đương đại và sau cùng là đề tài lịch sử. Trong khi đó sinh viên các chuyên ngành khác thích đọc tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại viết về đề tài chiến tranh cách mạng, rồi đến đề tài lịch sử và sau cùng là đề tài đương đại. Tại sao lại có sự đổi ngôi khi sinh viên vẫn lại không thích các tác phẩm viết về đề tài lịch sử bằng hoặc hơn sinh viên các chuyên ngành khác? Xin trả lời câu hỏi này ở phần sau.

- Khi được hỏi: "*Bạn thích loại tiểu thuyết nào nhất?* ", nhận được kết quả bảng 11.1, 11.2 và 11.3 sau:

Bảng 11.1

Chuyên ngành	Tiểu thuyết lịch sử		
	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Chuyên ngành Văn chương	N	68	216
	%	23.94%	76.05%
Các chuyên ngành khác	N	61	160
	%	27.60%	72.39%

Kết quả: Tỷ lệ trả lời thích đọc tiểu thuyết lịch sử của sinh viên chuyên ngành văn và sinh viên các chuyên ngành khác có khoảng cách nhưng không xa lắm. So với sinh viên chuyên ngành văn, sinh viên các chuyên ngành khác thích đọc tiểu thuyết lịch sử hơn. Nếu đem đối chiếu tỷ lệ trả lời thích đọc tiểu thuyết lịch sử của sinh viên chuyên ngành văn với sinh viên các chuyên ngành khác ở bảng 11.1 với tỷ lệ trả lời thích đọc tác phẩm viết về đề tài lịch sử của sinh viên chuyên ngành văn và sinh viên các chuyên ngành khác ở bảng 10.2 sẽ có kết quả tương tự nhau. Đó là sinh viên các chuyên ngành khác thích đề tài lịch sử và tiểu thuyết lịch sử hơn sinh viên chuyên ngành văn. Với kết quả ở bảng 11.1, thêm một lần nữa khẳng định sinh viên các chuyên ngành khác thích đọc tiểu thuyết lịch sử cũng như những tác phẩm viết về đề tài lịch sử hơn sinh viên chuyên ngành văn chương. Phải chăng đọc tiểu thuyết lịch sử, đọc các tác phẩm viết về đề tài lịch sử là một cách để sinh viên các chuyên ngành bù đắp kiến thức lịch sử. Đây chính là câu trả lời cho sự "đổi ngôi" giữa sinh viên chuyên ngành văn và sinh viên các chuyên ngành ương tiếp nhận tác phẩm văn chương viết về đề tài lịch sử.

Bảng 11.2

Chuyên ngành	Tiểu thuyết tâm lý xã hội		
	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Chuyên ngành Văn chương	N	231	53
	%	81.33%	18.66%
Các chuyên ngành khác	N	123	98
	%	55.65%	44.34%

Với kết quả: 81.33% sinh viên chuyên ngành văn và 55.65% sinh viên các chuyên ngành khác trả lời thích tiểu thuyết tâm lý xã hội góp phần khẳng định vị trí của tiểu thuyết tâm lý xã hội trong lòng giới trẻ đương đại

Bảng 11.3

Chuyên ngành	Tiểu thuyết trinh thám - hình sự		
	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Chuyên ngành Văn chương	N	94	190
	%	33.09%	66.90%
Các chuyên ngành khác	N	65	156
	%	29.41%	70.58%

Kết quả: Thông thường giới trẻ rất thích đọc những câu chuyện có những tình tiết ly kỳ, hấp dẫn, chẳng hạn như tiểu thuyết trinh thám - hình sự. Vậy nhưng tỷ lệ trả lời chỉ có 33.09% sinh viên chuyên ngành văn và 29.41% sinh viên các chuyên ngành khác thích đọc tiểu thuyết trinh thám- hình sự.

Như vậy, sinh viên chuyên ngành văn cũng như sinh viên các chuyên ngành khác thích tiểu thuyết tâm lý xã hội nhất, rồi mới đến tiểu thuyết trinh thám - hình sự và sau cùng là tiểu thuyết lịch sử.

- Khi được hỏi: "*Trong số những nhà văn Việt Nam đương đại, nhà văn nào để lại ấn tượng sâu sắc nhất đối với bạn? Tại sao?*", chúng tôi đã nhận được như sau:

Bảng 12

Chuyên ngành	Ý kiến	Trả lời		Không trả lời
		Đúng	Không đúng	
Văn chương	N	227	11	46
	%	79.92%	3.87%	16.19%
Các chuyên ngành khác	N	177	10	34
	%	80.09%	4.52%	15.38%

Kết quả: tỷ lệ trả lời đúng câu hỏi nêu ra ở trên của sinh viên chuyên ngành văn là 79.92% và của sinh viên các chuyên ngành khác là 80.09%. Tỷ lệ trả lời không đúng câu hỏi nêu ra ở trên của sinh viên các chuyên ngành khác (4.52%) cao hơn sinh viên chuyên ngành văn (3.87%). Tỷ lệ không trả lời câu hỏi của sinh viên chuyên ngành văn (16.19%) cao hơn sinh viên các chuyên ngành khác (15.38%). Từ tỷ lệ trả lời không đúng này, có thể nói sự nhầm lẫn của sinh viên các chuyên ngành khác khi xác định nhà văn nào thuộc hay không thuộc thời đương đại (từ năm 1986 đến nay) là có thể chấp nhận được. Song đối với sinh viên chuyên ngành văn thì sự lẫn lộn ấy chứng tỏ họ chưa thực sự hiểu rõ khái niệm nhà văn đương đại, cụ thể là nhà văn đương đại có những tác phẩm được xuất bản từ năm 1986 đến nay.

Ngoài số nhà văn không phải là nhà văn đương đại (được cho là xác định sai), sinh viên chuyên ngành văn đề cập đến 45 nhà văn Việt Nam đương đại gồm: Nguyễn Nhật Ánh, Nguyễn Ngọc Tư, Tô Hoài, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu, Bảo Ninh, Nguyễn Quang Sáng, Chu Lai, Nguyễn Thị Thu Huệ, Phan Thị Vàng Anh, Châu Giang, Hồ Linh Tâm, Lê Lưu, Dương Hương, Nguyễn Khắc Trường, Nguyễn Mạnh Tuấn, Dạ Ngân, Lý Lan, Ma Văn Kháng, Trầm Hương, Duy Khánh, Từ Kế Tường, Dương Bình Nguyên, Nguyễn Thị Hồng Ngát, Duy Khánh, Bùi Hiền, Nguyễn Ngọc, Y Ban, Nguyễn Quang Lập, Nguyễn Quang Thân, Nguyễn Thị Ngọc Tú, Nguyễn Kim Châu, Lê Đình Bích, Sơn Nam, Kim Lân, Trần Tử Văn, Hồ Tĩnh Tâm, Nguyễn Thị Diệp Mai, Lê Khâm, Hữu Mai, Trịnh Bửu Hoài, Trung Trung Đĩnh, Nguyễn Thu Phương, Nguyễn Ngọc Thuần, . Sinh viên các chuyên ngành khác đề cập đến 32 nhà văn gồm: Nguyễn Nhật Ánh, Nguyễn Thị Thu Huệ, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Ngọc Tư, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Ngọc Thuần,

Nguyễn Quang Sáng, Phan Thị Vàng Anh, Chu Lai, Tô Hoài, Sơn Nam, Nguyễn Khải, Ma Văn Kháng, Bảo Ninh, Thúy Linh, Nguyễn Đình Thi, Phan Thị Thanh Nhàn, Trịnh Bửu Hoài, Hồ Tĩnh Tâm, Nguyễn Quang Thân, Hoàng Cát, Thu Phong, Đoàn Thạch Biền, Khuất Quang Thụy, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Hồ Phương, Võ Thị Xuân Hà, Nhật Tuấn, Hoàng Thu Dung, Kim Hồng, Kim Lân, Nguyễn Thị Ngọc Tú.

Đối chiếu danh sách những nhà văn mà hai nhóm sinh viên nêu ra trên, cho thấy sinh viên chuyên ngành văn và sinh viên các chuyên ngành khác có chung ấn tượng về nhiều nhà văn Việt Nam đương đại. Ngay trong cùng nhóm sinh viên cũng có sự trùng hợp ấn tượng về nhà văn đương đại, chẳng hạn tần số xuất hiện của Nguyễn Nhật Ánh ở nhóm sinh viên chuyên ngành văn là 21 lần, còn ở nhóm sinh viên các chuyên ngành khác là 15 lần.

Trả lời về thứ 2 của câu hỏi: "vì sao nhà văn đó lại để lại ấn tượng sâu sắc?" có 138 phiếu (48.59%) của sinh viên chuyên ngành văn và có 62 phiếu (28.05%) của sinh viên các chuyên ngành khác. Hầu hết các phiếu trả lời đều đưa ra những lý do rất xác đáng để yêu thích nhà văn đó. Chẳng hạn như ấn tượng về Nguyễn Khải vì ông có nhiều tác phẩm phản ánh hiện thực, ấn tượng về Bảo Ninh vì tác giả có cái nhìn và cách thể hiện đề tài viết về chiến tranh cách mạng rất mới, còn ấn tượng về nhà văn Nguyễn Ngọc Tư vì chị đã xây dựng nhiều nhân vật đặc chất Nam bộ, ấn tượng về Nguyễn Nhật Ánh vì ông đã thể hiện rất hay và rất đúng tâm lý của giới trẻ,...

- Với câu hỏi: "*Bạn hãy cho biết nhà thơ Việt Nam nào mà bạn yêu thích nhất? Vì sao?*", chúng tôi nhận được câu trả lời ở bảng 13 sau:

Bảng 13

Chuyên ngành	Ý kiến	Trả lời		Không trả lời
		Đúng	Không đúng	
Văn chương	N	244	31	09
	%	85.91%	10.91%	3.16%
Các chuyên ngành khác	N	165	44	12
	%	74.66%	19.90%	5.42%

Kết quả: tỷ lệ trả lời đúng câu hỏi nêu trên của sinh viên chuyên ngành văn là 85.91% và của sinh viên các chuyên ngành khác là 80.54%. Tỷ lệ trả lời không đúng câu hỏi của

sinh viên các chuyên ngành khác (19.90%) cao hơn sinh viên chuyên ngành văn (10.91%). Tỷ lệ không trả lời câu hỏi của sinh viên chuyên ngành văn (3.16%) cao hơn sinh viên các chuyên ngành khác (5.42%). Sở dĩ có tỷ lệ không trả lời đúng là bởi sinh viên của hai nhóm đều không xác định được nhà thơ đương đại. Do vậy, có nhiều phiếu ghi nhà thơ mà họ yêu thích nhất là Nguyên Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Trãi, Trần Kế Xương.

Sinh viên chuyên ngành văn đề cập 33 nhà thơ gồm: Tố Hữu, Lâm Thị Mỹ Dạ, Trần Đăng Khoa, Chế Lan Viên, Phạm Tiến Duật, Xuân Quỳnh, Phan Thị Thanh Nhàn, Huy Cận, Quang Dũng, Giang Nam, Nguyễn Khoa Điềm, Hữu Thỉnh, Tế Hanh, Nguyễn Duy, Nguyễn Đức Mậu, Nguyễn Đình Thi, Vũ Quần Phương, Đỗ Trung Quân, Phạm Thị Ngọc Liên, Ly Hoàng Ly, Đinh Thị Thu Vân, Nguyễn Thị Hồng Ngát, Bùi Chí Vinh, Thanh Tùng, Nguyễn Duy, Nguyễn Đức Mậu, Nguyễn Trọng Tạo, Bùi Minh Quốc, Thanh Hải, Hữu Loan, Thanh Nguyên, Mai Văn Phan. Trong khi đó sinh viên các chuyên ngành khác đề cập đến 23 nhà thơ gồm: Tố Hữu, Chế Lan Viên, Xuân Quỳnh, Huy Cận, Phan Thị Thanh Nhàn, Quang Dũng, Giang Nam, Thu Bồn, Nguyễn Khoa Điềm, Trần Đăng Khoa, Hữu Thỉnh, Vũ Quần Phương, Nguyễn Trọng Tạo, Lâm Thị Mỹ Dạ, Nguyễn Duy, Nguyễn Đình Thi, Hữu Loan, Thanh Nguyên, Bùi Chí Vinh, Kiên Giang, Đinh Thu Hiền, Kim Tuấn, Hoàng Quý.

Khi hỏi : "tại sao" thích nhà thơ đó thì có 129 phiếu (45.42%) của sinh viên chuyên ngành văn và 76 phiếu (34.38%) của sinh viên các chuyên ngành khác trả lời. Hầu hết những câu trả lời của sinh viên chuyên ngành văn và sinh viên các chuyên ngành khác đều thể hiện được nét riêng của các nhà thơ. Chẳng hạn như thích nhà thơ Trần Đăng Khoa vì thơ ông hồn nhiên, trong trẻo, thích thơ của Xuân Quỳnh vì tình yêu trong thơ bà rất chân thành, mãnh liệt nhưng cũng vô cùng giản dị, thích thơ Lâm Thị Mỹ Dạ vì thơ bà thể hiện tâm hồn nhạy cảm, dịu dàng, ấm áp,...

Nhà văn, nhà thơ sáng tạo nên tác phẩm văn chương. Vì vậy, việc tìm hiểu sở thích của sinh viên về một nhà văn, nhà thơ đương đại sẽ phân nào xác định được tác phẩm của nhà văn, nhà thơ nào được đông đảo sinh viên thanh niên đón đọc nhiều nhất. Nhìn chung, sở thích về nhà văn, nhà thơ của sinh viên chuyên ngành văn và sinh viên các chuyên ngành khác không khác nhau nhiều. Có thể nhận thấy rõ, những nhà văn nhà thơ họ thích đều là những nhà văn nhà thơ hoặc là có đóng góp lớn cho nền văn học nước nhà hoặc là có những tác phẩm phù hợp với tâm tư, tình cảm của họ.

- Khi được hỏi: "*Sự đa dạng về phong cách thể hiện của các nhà văn đương đại đã góp phần là cho "bộ mặt" của văn chương đương đại Việt Nam thêm phong phú. Bạn có đồng ý với nhận định ấy không?*", chúng tôi nhận được kết quả bảng 14:

Bảng 14

Chuyên ngành	Ý kiến	Trả lời	
		Có	Không
Chuyên ngành Văn chương	N	245	39
	%	86.26%	13.73%
Các chuyên ngành khác	N	172	49
	%	77.82%	22.17%

Kết quả: Có 86.26% sinh viên chuyên ngành văn và 77.82% sinh viên các chuyên ngành khác đồng ý với nhận định "sự đa dạng về phong cách thể hiện của các nhà văn đương đại đã góp phần làm cho "bộ mặt" của văn chương đương đại Việt Nam thêm phong phú", còn 13.73% sinh viên chuyên ngành văn và 22.17% sinh viên các chuyên ngành khác không đồng ý với nhận định ấy. Với tỷ lệ trên, sinh viên chuyên ngành văn phần nào có nhu cầu thường thức sự đa dạng trong phong cách thể hiện tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại của các nhà văn, nhà thơ cao hơn sinh viên các chuyên ngành khác.

3.2.1.3. *Khảo sát sự tiếp nhận văn học của sinh viên Đại học Cần Thơ về hiệu quả, về thể loại truyện ngắn, về khuynh hướng sáng tác, về thành tựu và hạn chế của văn học Việt Nam đương đại:*

- Với câu hỏi: "*Thu hoạch của bạn sau khi đọc các tác phẩm văn học Việt Nam đương đại là gì?*", nhận được tỷ lệ trả lời ở bảng 15:

Bảng 15

Chuyên ngành	Thu hoạch sau khi đọc các tác phẩm văn học Việt Nam đương đại		
	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Chuyên ngành Văn chương	N	227	57
	%	79.92%	20.07%
Các chuyên ngành khác	N	163	58
	%	73.75%	26.24%

Kết quả cho thấy tỷ lệ trả lời của sinh viên chuyên ngành văn (79.92%) cao hơn sinh viên các chuyên ngành khác (73.75%). Trên cơ sở thống kê ý kiến trả lời của sinh viên chuyên ngành văn và sinh viên các chuyên ngành khác, người viết nhận thấy nội dung câu trả lời của sinh viên thuộc hai chuyên ngành này dường như là giống nhau. Có thể nêu một số nhóm trả lời ở bảng 15.1 như sau:

Bảng 15.1

Nội dung câu trả lời	Ý kiến	Chuyên ngành Văn	Các chuyên ngành khác
1. Tăng thêm kiến thức về văn chương	N	60	48
	%	26.43%	29.44%
2. Nhận thấy những bước chuyển biến của nền văn học Việt Nam	N	10	11
	%	4.40%	6.74%
3. Hiểu thêm về phong cách sáng tạo nghệ thuật của các nhà văn, nhà thơ đương đại	N	17	08
	%	7.48%	4.90%
4. Hiểu hơn quan niệm của các nhà văn, nhà thơ về con người và cuộc sống hôm nay	N	42	32
	%	18.50%	19.63%
5. Hiểu hơn tâm tư tình cảm của con người đương đại	N	45	17
	%	19.82%	10.42%
6. Rút ra nhiều kinh nghiệm bổ ích cho bản thân	N	53	47
	%	23.34%	28.83%

Như vậy, kết quả tỷ lệ trả lời của **bảng 15.1** cho thấy sinh viên chuyên ngành văn sau khi đọc các tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại thì thu thập kiến thức văn chương nhiều nhất (26.43%), rồi mới đến rút ra nhiều kinh nghiệm cho bản thân (23.34%); hiểu hơn tâm tư tình cảm của con người đương đại (19.82%); hiểu hơn quan niệm của các nhà văn, nhà thơ về con người và cuộc sống hôm nay (18.50%); hiểu thêm về phong cách sáng tạo nghệ thuật của các nhà văn, nhà thơ đương đại (7.48%); nhận thấy những bước chuyển biến của nền văn học Việt Nam (4.40%). Sinh viên các chuyên ngành khác cũng thu thập kiến thức văn

chương nhiều nhất (29.44%), rồi mới đến rút ra nhiều kinh nghiệm cho bản thân (28.38%); hiểu hơn quan niệm của các nhà văn, nhà thơ về con người và cuộc sống hôm nay (19.63%); hiểu hơn tâm tư tình cảm của con người đương đại (10.42%); nhận thấy những bước chuyển biến của nền văn học Việt Nam (6.74%) và cuối cùng là hiểu thêm về phong cách sáng tạo nghệ thuật của các nhà văn, nhà thơ đương đại (4.90%).

- Khi được hỏi: "*Bạn có cho rằng: những cây bút văn chương Việt Nam đương đại đang mở ra cho độc giả một con đường tiếp nhận mới không? Vậy điểm mới ấy là gì?*" , chúng tôi thu được tỷ lệ trả lời như bảng 16:

Bảng 16

Chuyên ngành	Ý kiến	Trả lời		Không trả lời
		Có	Không	
Văn chương	N	205	29	50
	%	72.18%	10.21%	17.60%
Các chuyên ngành khác	N	178	10	33
	%	80.54%	4.52%	14.93%

Kết quả: tỷ lệ trả lời "có" về nhận định "*những cây bút văn chương Việt Nam đương đại mở ra cho độc giả một con đường tiếp nhận mới*" của sinh viên chuyên ngành văn (72.18%) thấp hơn tỷ lệ trả lời của sinh viên các chuyên ngành khác (80.54%). Còn khi trả lời "*những cây bút văn chương Việt Nam đương đại không mở ra cho độc giả một con đường tiếp nhận mới*" thì tỷ lệ trả lời của sinh viên chuyên ngành văn (10.21%) cao hơn tỷ lệ trả lời của sinh viên các chuyên ngành khác (4.52%). Tỷ lệ không trả lời câu hỏi này của sinh viên ngành văn cũng cao hơn tỷ lệ không trả lời của sinh viên các chuyên ngành khác. Điều này chứng tỏ sinh viên chuyên ngành văn chưa thật tin tưởng vào những cây bút văn chương Việt Nam đương đại trong việc mở ra cho độc giả một con đường tiếp nhận mới. - Điểm mới mà những cây bút văn chương Việt Nam đương đại mở ra cho độc giả bao gồm những nội dung sau:

+ Có nội dung gần gũi với cuộc sống đương đại, giúp người đọc dễ nắm bắt tác phẩm hơn.

- + Đề tài cũ nhưng cách giải quyết vấn đề mới.
- + Không né tránh các vấn đề của hiện thực xã hội.
- + Có phong cách nghệ thuật mới, phong phú, đa dạng.
- + Có quan niệm mới về con người và xã hội.
- + Không ngừng tìm tòi sáng tạo ra những tác phẩm văn chương có giá trị đáp ứng lòng mong mỏi của độc giả.
- + Đưa đến cho độc giả những tác phẩm có nội dung sâu sắc, có giá trị nghệ thuật cao
- Khi được hỏi: "*Theo bạn, truyện ngắn Việt Nam đương đại có được thế mạnh nào? Truyện ngắn của nhà văn đương đại nào là hay nhất ?*", chúng tôi có được tỷ lệ trả lời như bảng 17:

Bảng 17

Chuyên ngành	Thế mạnh của truyện ngắn Việt Nam đương đại		
	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Chuyên ngành Văn chương	N	210	74
	%	73.94%	26.05%
Các chuyên ngành khác	N	171	50
	%	77.37%	22.62%

Kết quả: trả lời về đầu của câu hỏi, tỷ lệ trả lời của sinh viên chuyên ngành văn (73.94%) thấp hơn tỷ lệ trả lời của sinh viên các chuyên ngành khác (77.37%).

Khi trả lời về sau: "*truyện ngắn của nhà văn đương đại nào là hay nhất ?*", sinh viên chuyên ngành văn nêu ra 31 nhà văn có tên sau: Nguyễn Huy Thiệp (31/284 phiếu), Phan Thị Vàng Anh (18/284 phiếu), Nguyễn Thị Thu Huệ (16/284 phiếu), Nguyễn Thị Châu Giang (15/284 phiếu), Nguyễn Ngọc Tư (12/284), Nguyễn Minh Châu (11/284 phiếu), Bảo Ninh (11/284 phiếu), Nguyễn Nhật Ánh (5/ 284 phiếu), Ma Văn Kháng (4/284 phiếu), Tô Hoài (3/284 phiếu), Nguyễn Quang Sáng (2/284 phiếu), Nguyễn Ngọc Thuận (2/284 phiếu), Lê Minh Khuê (2/284 phiếu), Dạ Ngân (2/284 phiếu), Võ Thị Hảo (1/284 phiếu), Sơn Nam (1/284 phiếu), Lý Lan (1/284 phiếu), Thái Bá Tân (1/284 phiếu), Nguyễn Quang Thiều (1/284 phiếu), Lê Đình Bích (1/284 phiếu), Đinh Lê Vũ Nhất (1/284 phiếu), Duy Khán

(1/284 phiếu), Tạ Duy Anh (1/284 phiếu), Chu Lai (1/284 phiếu), Nguyễn Khắc Trường (1/284 phiếu), Trịnh Bửu Hoài (1/284 phiếu), Dương Hương (1/284 phiếu), Nguyễn Quang Lập (1/284 phiếu), Vũ Đức Nghĩa (1/284 phiếu), Nguyễn Thu Phương (1/284 phiếu), Nguyễn Quang Thân (1/284 phiếu); và sinh viên các chuyên ngành khác nêu ra 26 nhà văn sau: Nguyễn Nhật Anh (8/221 phiếu), Nguyễn Minh Châu (7/221 phiếu), Nguyễn Thị Thu Huệ (7/221 phiếu), Nguyễn Huy Thiệp (5/221 phiếu), Võ Thị Hảo (5/ 221 phiếu), Phạm Thị Hoài (3/221 phiếu), Nguyễn Thị Châu Giang (21 221 phiếu) , Chu Lai (2/221 phiếu), Ma Văn Kháng (2/221 phiếu), Nguyễn Ngọc Tư (1/221 phiếu), Phan Thị Vàng Anh (1/221 phiếu), Tạ Duy Anh (1/221 phiếu), Nguyễn Quang Lập (1/221 phiếu), Quý Thử (1/221 phiếu), Bảo Ninh (1/221 phiếu), Kim Lân (1/221 phiếu), Hồ Phương (1/221 phiếu), Y Ban (1/221 phiếu), Hoàng Ngọc Sơn (1/221 phiếu), Võ Thị Xuân Hà (1/221 phiếu), Thu Phong (1/221 phiếu), Nguyễn Quang Sáng (1/221 phiếu), Trịnh Bửu Hoài (1/221 phiếu), Hoàng Cát (1/221 phiếu), Nguyễn Thị Ngọc Tú (1/221 phiếu), Từ Kế Tường (1/221 phiếu). Trên cơ sở thống kê các nhà văn mà sinh viên Đại học Cần Thơ cho là truyện ngắn của họ hay nhất, chúng tôi thấy sinh viên chuyên ngành văn và sinh viên các chuyên ngành khác có nhận định chung về một số nhà văn có truyện ngắn hay. Điều này chứng tỏ phong cách viết truyện ngắn của những nhà văn này đã có sự định hình rất rõ, vì vậy mà không những truyện ngắn của họ đi vào lòng độc giả là sinh viên mà bản thân họ cũng để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng sinh viên Đại học Cần Thơ.

Như vậy, có 151 phiếu của sinh viên chuyên ngành văn (chiếm 53.16%) và 58 phiếu của sinh viên các chuyên ngành khác (chiếm 26.24%) trả lời về thứ hai của câu hỏi này.

- Với câu hỏi: "*Theo bạn, văn chương Việt Nam đương đại đã đạt được những thành tựu cơ bản nào và còn những hạn chế gì? Vì sao?*", có kết quả trả lời của về thứ nhất của câu hỏi như bảng 18:

Bảng 18

Chuyên ngành	Ý kiến	Trả lời		Không trả lời
		Thành tựu	Hạn chế	
Chuyên ngành Văn chương	N	114	94	76
	%	40.14%	33.09%	26.76%
Các chuyên ngành khác	N	89	70	62
	%	40.27%	31.67%	28.05%

Kết quả: tỷ lệ trả lời thành tựu cơ bản mà văn chương đương đại đã đạt được của sinh viên chuyên ngành văn (40.14%) thấp hơn tỷ lệ trả lời của sinh viên các chuyên ngành khác (40.27%). Khi đề cập đến hạn chế, tỷ lệ trả lời của sinh viên chuyên ngành văn (33.09%) cao hơn tỷ lệ trả lời của sinh viên các chuyên ngành khác (31.67%). Với tỷ lệ trả lời về thành công cũng như hạn chế của nền văn học Việt Nam đương đại như trên, có thể nói sinh viên chuyên ngành văn và sinh viên các chuyên ngành khác gần như là đồng thuận trong nhận xét của mình.

Hầu hết những phiếu trả lời câu hỏi này đều không giải thích lý do "vì sao" văn chương Việt Nam đương đại lại có được những thành tựu cơ bản và những hạn chế đó. Khi đề cập đến thành tựu cũng như hạn chế của nền văn chương đương đại, các phiếu trả lời tập trung vào những khía cạnh sau:

*Thành tựu:

- + Đề tài phong phú, gần gũi với cuộc sống đương đại
- + Nội dung phản ánh cuộc sống đa dạng và sâu sắc
- + Ngôn ngữ có sự cách tân, sáng tạo nhất là ngôn ngữ thơ
- + Có sự đổi mới ường nghệ thuật xây dựng nhân vật. Nhân vật có đời sống nội tâm phong phú và gần gũi với tâm tư tình cảm của con người hôm nay
- + Có cốt truyện hay, hấp dẫn
- + Có phong cách nghệ thuật đa dạng và phong phú
- + Có sự đổi mới về kết cấu của tác phẩm. Điều này được thể hiện rõ ở thể loại truyện ngắn...

* Hạn chế:

- + Đề tài thường hay trùng lặp dễ gây cho độc giả sự nhàm chán.
- + Phản ánh cuộc sống theo bề rộng chứ chưa đi vào bề sâu, đặc biệt là những vấn đề nóng bỏng trong cuộc sống chưa được các nhà văn đề cập một cách sâu sắc và toàn diện.
- + Còn có quá nhiều tác phẩm có nội dung na ná nhau, chất lượng nghệ thuật thấp.
- + Nhiều tác phẩm chưa tạo dựng được chân dung con người đương đại. Có nhiều nhân vật có tên, có tuổi nhưng rất mờ nhạt, không sống được lâu trong lòng độc giả yêu văn học.

+ Ngôn ngữ thơ phức tạp, khó hiểu gây nhầm chán cho người đọc. Có nhiều bài thơ cảm xúc hời hợt, không gây ấn tượng cho người đọc.

+ Nhiều tác phẩm vẫn giữ lối viết truyền thống gây nhầm chán cho độc giả.

+ Ngôn ngữ của một số tác phẩm gây phản cảm bởi tính chất chớ búa của chúng...

- Khi được hỏi : *"Bạn có thể đề xuất một số ý kiến đối với các nhà văn, nhà thơ đương đại trong việc nâng cao chất lượng sáng tác để đáp ứng yêu cầu của người đọc hiện nay không?"*, nhận được kết quả ở bảng 19:

Bảng 19

Chuyên ngành	Đề xuất một số ý kiến đối với các nhà văn, nhà thơ đương đại trong việc nâng cao chất lượng sáng tác		
	Ý kiến	Đề xuất	Không đề xuất
Chuyên ngành Văn chương	N	172	112
	%	60.56%	39.43%
Các chuyên ngành khác	N	101	120
	%	45.70%	54.29%

Kết quả: tỷ lệ ý kiến đề xuất của sinh viên chuyên ngành văn (60.56%) cao hơn tỷ lệ ý kiến đề xuất của sinh viên các chuyên ngành khác (45.70%) và tỷ lệ không đề xuất của sinh viên chuyên ngành văn thấp hơn tỷ lệ không đề xuất của sinh viên các chuyên ngành khác. Điều này chứng tỏ sinh viên chuyên ngành văn rất mong muốn các nhà văn, nhà thơ nâng cao chất lượng sáng tác để đáp ứng thị hiếu thẩm mỹ của họ. Vậy ý kiến họ đề xuất gồm những khía cạnh nào? Sau đây là một số ý kiến tiêu biểu của họ:

+ Đề tài, nội dung tác phẩm phải mới, gần gũi với cuộc sống hôm nay.

+ Nội dung tác phẩm phải phản ánh được những vấn đề của cuộc sống đặt ra, không chạy theo thị hiếu tầm thường của một bộ phận độc giả nào đó.

+ Nội dung tác phẩm phải thể hiện được tâm tư, tình cảm của giới trẻ. cần phải có nhiều tác phẩm viết về lứa tuổi học sinh, sinh viên.

+ Các nhà văn, nhà thơ cần chú trọng cái mới trong sáng tạo nghệ thuật nhưng vẫn đảm bảo tính chân- thiện- mỹ của tác phẩm.

+ Ngôn ngữ cần phải cách tân, mới lạ nhưng không cầu kỳ.

+ Góc nhà văn, nhà thơ cần phải đặt tính độc đáo sáng tạo nghệ thuật lên hàng đầu, phải thể hiện phong cách nghệ thuật của mình.

+ Phải có cái nhìn trung thực và thẳng thắn về những vấn đề nóng bỏng của xã hội...

3.2.1.4. Khảo sát sự tiếp nhận văn học nước ngoài:

Với mục đích so sánh sự tiếp nhận văn học Việt Nam đương đại và văn học nước ngoài, chúng tôi đã nêu ra 3 câu hỏi.

- Khi được hỏi: "*Bạn có đọc các tác phẩm văn chương nước ngoài không? Nếu có thì bạn thích văn chương của châu lục nào hơn? Tại sao?*", nhận được kết quả theo bảng 20:

Bảng 20

Chuyên ngành	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Chuyên ngành Văn chương	N	241	43
	%	84.85%	15.04%
Các chuyên ngành khác	N	182	39
	%	82.35%	17.64%

Kết quả: Tỷ lệ trả lời của sinh viên chuyên ngành văn là 84.85% và sinh viên các chuyên ngành khác là 82.35%. Với kết quả này cho thấy nhu cầu đọc tác phẩm văn chương nước ngoài của sinh viên trường Đại học Cần Thơ khá lớn. -Khi được hỏi: "*Trong số các nhà văn, nhà thơ nước ngoài mà bạn đã có dịp đọc tác phẩm của họ, bạn yêu thích nhất nhà văn, nhà thơ nào? Vì sao?*", nhận được hầu hết những câu trả lời không đúng với yêu cầu khảo sát. Số lượng phiếu mà sinh viên chuyên ngành văn không trả lời là 54 (19.01%), trả lời nhưng không đúng là 196 (69.01%) và trả lời đúng là 34 phiếu (11.97%). Còn số lượng phiếu mà sinh viên các chuyên ngành khác không trả lời là 48 (21.71%), trả lời nhưng không đúng là 153 (69.23%) và trả lời đúng là 20 phiếu (9.04%). Những nhà văn mà cả hai nhóm sinh viên nêu đúng đó là: Giả Bình Ao, Mạc Ngôn, Cao Hành Kiện, Quỳnh Dao, Kim Dung, Lương Phụng Nghi, Mắc- kết, Cô- ét- đi.

- Với câu hỏi: "*Bạn và những người bạn của bạn có thích xem tiểu thuyết tình yêu của Quỳnh Dao và tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung? Vì sao?*", chúng tôi nhận được tỷ lệ trả lời

của câu hỏi này ở bảng 21 sau:

Bảng 21

Chuyên ngành	Ý kiến	Trả lời		Không trả lời
		Thích	Không thích	
Chuyên ngành Văn chương	N	212	46	26
	%	76.64%	16.19%	9.15%
Các chuyên ngành khác	N	149	36	36
	%	67.42%	16.28%	16.28%

Kết quả: So sánh tỷ lệ trả lời câu hỏi trên, thấy rằng :

+ Sinh viên chuyên ngành văn trả lời "thích" với tỷ lệ cao nhất (76.64%), rồi mới đến không thích (16.19%) và tỷ lệ không trả lời là 9.15%

+ Sinh viên các chuyên ngành khác trả lời "thích" cũng với tỷ lệ cao nhất (67.42%), tỷ lệ không thích và không trả lời ngang nhau-đều bằng 16.28%. Như vậy, tiểu thuyết tình yêu của Quỳnh Dao cũng như tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung có sức cuốn hút lớn bạn trẻ Đại học Cần Thơ bởi có cốt truyện lôi cuốn, hấp dẫn, kịch tính; bởi tình tiết ly kỳ;...

3.2.1.5. *Khảo sát sự tiếp nhận văn học với những đề xuất, những thái độ và vị thế của văn học Việt Nam đương đại:*

- Khi được hỏi về : "*Những đóng góp cần ghi nhận của các nhà văn, nhà thơ đương đại cho nền văn chương Việt Nam đương đại?*", nhận được tỷ lệ trả lời theo bảng 22:

Bảng 22

Chuyên ngành	Những đóng góp cần ghi nhận của các nhà văn, nhà thơ đương đại cho nền văn chương Việt Nam đương đại		
	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Chuyên ngành Văn chương	N	211	73
	%	77.81%	25.70%
Các chuyên ngành khác	N	159	62
	%	71.94%	28.05%

Kết quả: Khi được hỏi về những đóng góp của các nhà văn, nhà thơ đương đại cho nền văn học Việt Nam, tỷ lệ trả lời của sinh viên chuyên ngành văn là 77.81%, của sinh viên các chuyên ngành khác là 71.94% và tỷ lệ không trả lời của sinh viên chuyên ngành văn là 25.70%, của sinh viên các chuyên ngành khác là 28.05%. Như vậy tỷ lệ trả lời của sinh viên chuyên ngành văn cao hơn tỷ lệ trả lời của sinh viên các chuyên ngành khác.

Có nhiều ý kiến khác nhau của cả sinh viên chuyên ngành văn và sinh viên các chuyên ngành khác về những đóng góp của các nhà văn, nhà thơ đương đại cho nền văn học Việt Nam. Có thể trích ra đây một số ý kiến tiêu biểu, mang tính khái quát:

+ Mở ra một hướng đi mới cho sự phát triển của nền văn học Việt Nam đa sắc, đa giọng điệu.

+ Biết đào sâu cái mới, tạo ra những nét độc đáo riêng; biết tiếp thu kế thừa có chọn lọc những thành tựu của các thế hệ nhà văn, nhà thơ của dân tộc và thế giới.

+ Đã góp phần làm cho nền văn học phong phú và đa dạng hơn, cụ thể là phong cách thể hiện, thể loại tác phẩm và loại thể của từng thể loại.

+ Nhiều tác phẩm với quan niệm nghệ thuật mới mẻ đã tạo được sự chuyển biến trong đời sống tiếp nhận văn học của độc giả hôm nay.

+ Có những đóng góp về khía cạnh ngôn ngữ, cách xây dựng nhân vật, khai thác đề tài, chủ đề.

+ Tạo ra nhiều tác phẩm có nội dung sâu sắc, có nghệ thuật hoàn mỹ.

- Khi được hỏi "*Tại sao sinh viên hiện nay lại tỏ ra thờ ơ "lạnh nhạt" đối với các tác phẩm văn chương đương đại ?* " Theo bạn, lý do nào sau đây đã tạo nên thực tế ấy?", chúng tôi nhận được kết quả ở bảng 23:

Bảng 23

Chuyên ngành	Ý kiến	Trả lời			
		Khó hiểu	Giá sách đắt	Không thích đọc	Lý do khác
Chuyên ngành Văn chương	N	30	149	85	198
	%	10.56%	52.46%	29.92%	69.71%
Các chuyên ngành khác	N	90	80	121	105
	%	40.72%	36.19%	54.75%	47.51%

Kết quả : Trong bốn lý do dẫn đến tình trạng sinh viên hiện nay tỏ ra thờ ơ "lạnh nhạt" đối với các tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại như trên đã nêu, thì thấy có sự chênh lệch khá lớn về tỷ lệ trả lời giữa sinh viên chuyên ngành văn và sinh viên các chuyên ngành khác ở trong từng lý do. Tỷ lệ trả lời cho những lý do ấy của sinh viên chuyên ngành văn được thể hiện như sau: vì "lý do khác" là cao nhất (69.71%), sau đó đến vì "giá sách đắt" (52.46%), vì không thích đọc (29.92%) và sau cùng là do "khó hiểu" (10.56%). Trong khi đó tỷ lệ trả lời của sinh viên các chuyên ngành khác lại theo mức độ sau: vì "không thích đọc" (54.75%), rồi mới đến vì "lý do khác" (47.51%), vì "khó hiểu" (40.72%) và cuối cùng là "giá sách đắt" (36.19%). Như vậy, số đông sinh viên chuyên ngành văn cho rằng sinh viên hiện nay tỏ ra thờ ơ "lạnh nhạt" đối với các tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại không phải là ở lý do "khó hiểu" và "không thích đọc" mà là ở lý do "giá sách đắt" và "lý do khác"- những lý do nằm ngoài lý do văn chương.

- Khi được hỏi: "*Bạn có cho rằng phê bình văn học là một mảng rất quan trọng trong việc góp phần định hướng thị hiếu thẩm mỹ cho độc giả cũng như hướng độc giả đến tâm đón nhận mới không?*", nhận được tỷ lệ trả lời ở bảng 24:

Bảng 24

Chuyên ngành	Ý kiến	Trả lời		Không trả lời
		Đồng ý	Không đồng ý	
Chuyên ngành Văn chương	N	250	15	19
	%	88.02%	5.28%	6.69%
Các chuyên ngành khác	N	142	50	29
	%	64.25%	22.62%	13.12%

Kết quả: tỷ lệ trả lời đồng ý với nhận định trên của sinh viên văn (88.02%) cao hơn tỷ lệ trả lời đồng ý của sinh viên các chuyên ngành khác (64.25%), song tỷ lệ trả lời không đồng ý với nhận định trên của sinh viên các chuyên ngành khác (22.62%) lại cao hơn sinh viên chuyên ngành văn (5.28%). Tỷ lệ không trả lời của sinh viên các chuyên ngành khác (13.12%) cao hơn sinh viên chuyên ngành văn (6.69%)

- Khi được hỏi: "*Bạn hãy cho biết chủ kiến của bạn: có nên đưa tác phẩm đương đại Việt Nam vào sách giáo khoa ngữ - văn để dạy và học không?*", nhận được tỷ lệ trả lời ở bảng 25:

Bảng 25

Chuyên ngành	Ý kiến	Trả lời		Không trả lời
		Nên	Không nên	
Chuyên ngành Văn chương	N	206	51	27
	%	72.53%	17.95%	9.50%
Các chuyên ngành khác	N	94	109	18
	%	42.53%	49.32%	8.14%

Kết quả: Tỷ lệ trả lời nên "*đưa tác phẩm đương đại Việt Nam vào sách giáo khoa ngữ văn để dạy và học*" của sinh viên chuyên ngành văn (72.53%) cao hơn tỷ lệ trả lời của sinh viên các chuyên ngành khác (42.53%). Nhưng tỷ lệ "*không nên*" đưa của sinh viên các chuyên ngành khác (49.32%) lại cao hơn tỷ lệ của sinh viên chuyên ngành văn.

- Đối với câu hỏi "*Nếu đưa, bạn sẽ chọn tác phẩm văn chương đương đại nào trong nền văn học Việt Nam?*", nhận được tỷ lệ trả lời ở bảng 26:

Bảng 26

Chuyên ngành	Ý kiến	Trả lời	Không trả lời
Chuyên ngành Văn chương	N	94	190
	%	33.09%	66.90%
Các chuyên ngành khác	N	28	193
	%	12.66%	87.33%

Kết quả: Tỷ lệ trả lời câu hỏi này ở sinh viên chuyên ngành văn là 33.09% cao hơn sinh viên các chuyên ngành khác (12.66%). Tuy nhiên với tỷ lệ trả lời này cho thấy có phần mâu thuẫn với tỷ lệ trả lời của bảng 25 vì tỷ lệ trả lời "*nên đưa tác phẩm đương đại Việt Nam vào sách giáo khoa ngữ văn để dạy và học* " như ở trên của cả hai nhóm sinh viên đều cao, thế nhưng tỷ lệ trả lời "*nếu đưa, bạn sẽ chọn tác phẩm văn chương đương đại nào trong nền văn học Việt Nam* " lại thấp. Tại sao lại có sự mâu thuẫn này? Có thể nói, việc đề xuất chung chung thì bao giờ cũng dễ nhưng khi đề xuất một cách cụ thể, rõ ràng thì không dễ chút nào. Hơn thế nữa, văn học Việt Nam đương đại kể từ năm 1986 đến nay là một giai đoạn văn học có nhiều biến động. Vậy nên khi đề xuất một tác phẩm nào đấy cần phải có một sự thẩm định thật kỹ lưỡng. Tác phẩm ấy phải đạt chuẩn: chân - thiện- mỹ. Tuy nhiên những tác phẩm mà sinh viên thuộc hai nhóm trên đưa ra chủ yếu là dựa trên cảm tính chứ chưa hẳn đã dựa trên giá trị nội tại của tác phẩm. Nói như vậy, không có nghĩa là toàn bộ những tác phẩm mà các bạn sinh viên đưa ra không có giá trị. Dưới đây là một số tác phẩm được các sinh viên của hai nhóm đề xuất nhiều:

1. *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp

2. *Cỏ lau* của Nguyễn Minh Châu

3. Chọn trích trong tác phẩm "*Nỗi buồn chiến tranh* " của Bảo Ninh

4. Chọn trích trong tác phẩm "*Mảnh đất lắm người nhiều ma*" của Nguyễn Khắc Trường

5. Chọn trích trong tác phẩm "*Bến không chồng*" của Dương Hương

6. *Đất đỏ* của Phan Thị Vàng Anh

7. *Ngọn đèn không tắt* của Nguyễn Ngọc Tư S. Thơ viết ở biển của Hữu Thỉnh

9. Một tiếng đàn của Tô Hữu

3.2.2. Nhận xét chung:

Qua khảo sát tình hình đọc sách của sinh viên Đại học Cần Thơ, chúng tôi nhận thấy rằng: việc ham thích đọc sách của sinh viên Đại học Cần Thơ không đều. Việc đọc của họ dường như xuất phát một cách tự phát chứ không tự giác. Do vậy, hiệu quả đọc không cao. Hơn nữa, vì đọc một cách tự phát nên gặp gì đọc nấy, họ đọc sách nhưng lại không biết chọn sách bằng định hướng thẩm mỹ nên kiến thức thu thập được chưa cao.

- Việc đọc sách của sinh viên Đại học Cần Thơ chưa thực sự trở thành nền nếp.

- Đối với những tác phẩm văn chương đương đại họ đọc là để thưởng thức. Đối với sinh viên đại học khi có trình độ cao thuộc ngành văn thì đọc cần phải suy nghĩ để hiểu biết và khám phá giá trị của tác phẩm chứ không dừng lại ở việc đọc cho biết.

- Từ đó, ta thấy sinh viên Đại học Cần Thơ đặc biệt là ngành văn ít đọc sách. Việc đọc sách đối với họ chưa thực sự trở thành một nhu cầu.

- Sinh viên ngành văn của Đại học Cần Thơ có Câu lạc bộ văn học nhưng sinh hoạt mang tính phong trào thời vụ, chỉ phục vụ cho những ngày kỷ niệm nên chất lượng chưa cao. Câu lạc bộ này cần phải chuyển hướng mạnh nhằm đóng vai trò giới thiệu tác phẩm mới xuất bản của các nhà văn, nhà thơ đương đại để từ đó sinh viên ngành văn bắt được nhịp độ phát triển của văn học Việt Nam đương đại.

- Trong những năm gần đây, sinh viên ngành Ngữ văn Đại học Cần Thơ đã tổ chức hai lần Hội nghị khoa học của sinh viên nhưng trong các báo cáo của sinh viên mới chỉ tập trung vào những tác phẩm có học trong chương, còn những tác phẩm văn học Việt Nam đương đại gần như là không có.

- Trong các đề tài luận văn tốt nghiệp của sinh viên ngành văn, phần văn học Việt Nam cũng chỉ dừng lại ở những tác phẩm đã học. Trong khi các tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại chưa được đưa vào giáo trình đại học cũng như sách giáo khoa phổ thông thì việc ra đề tài luận văn tốt nghiệp cho sinh viên ngành ngữ văn về các tác phẩm văn học Việt Nam đương đại là một yêu cầu cấp thiết.

- Sinh viên ngữ văn chưa nhận thức được đọc tác phẩm cũng là một cách học tốt nhất. Ở bậc đại học, đặc biệt là đại học ngữ văn thì việc đọc tác phẩm cũng đồng nghĩa với việc học. Đọc tác phẩm văn học Việt Nam đương đại chính là bổ trợ cho kiến thức đã học về tiến

trình lịch sử phát triển của văn học Việt Nam ở phần mới nhất là phần đương đại.

PHẦN KẾT LUẬN

Việc thăm dò khảo sát sinh viên ngành ngữ văn và sinh viên một số các ngành khoa học khác ở Trường Đại học Cần Thơ về tiếp nhận các tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại (được giới hạn từ 1986 đến nay) đã cho thấy thực tế của giới thanh niên ngày nay trong sự tiếp nhận văn chương đương đại. Văn chương đương đại Việt Nam có những bước phát triển đáng kể về các loại thể và thể loại. Tuy chưa có nhiều tác phẩm xuất sắc, nhưng qua những lần trao giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam và trong các cuộc thi viết tiểu thuyết, viết truyện ngắn và làm thơ cũng đã xuất hiện một số tác phẩm khá đặc sắc. Nhưng những tác phẩm văn chương đặc sắc, đoạt giải cao vẫn chưa thu hút được tầng lớp thanh niên, đặc biệt là thanh niên, sinh viên ngành ngữ văn (cũng như thanh niên- sinh viên các ngành học khác) ở Trường Đại học Cần Thơ. Trong giới thanh niên- sinh viên ngành ngữ văn ở Đại học Cần Thơ, việc tiếp nhận các tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại cũng không đồng đều. Có thanh niên, sinh viên tìm đọc các tác phẩm mới bằng cả sự háo hức của tình yêu đối với văn chương. Nhưng cũng có khá nhiều thanh niên-sinh viên ngành ngữ văn Đại học Cần Thơ cũng đọc nhiều, nhưng chỉ đọc những thông tin của nhiều loại báo chí, chứ không hướng vào việc tiếp nhận các tác phẩm văn chương mới.

Sự tiếp nhận các tác phẩm văn chương đương đại ở những thanh niên- sinh viên ngành ngữ văn với thanh niên- sinh viên ở các ngành học khác tại Đại học Cần Thơ cũng có những điểm khác biệt. Một số thanh niên, sinh viên ở các ngành học khác tại Đại học Cần Thơ tỏ ra rất ham thích văn chương, mặc dù việc đọc tác phẩm văn chương không phải là yêu cầu thuộc ngành học của họ. Về điểm này cũng có những biểu hiện đặc biệt. Biểu hiện đặc biệt đó là một số thanh niên- sinh viên của các ngành học khác nhau tỏ ra nắm rất chắc nội dung tác phẩm văn chương đương đại mà họ đã đọc. Đây là một thực tế cần phải được nghiên cứu và luận giải.

Ngay trong việc tiếp nhận tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại của sinh viên ngành ngữ văn (là chủ yếu) và sinh viên các ngành học khác ở Trường Đại học Cần Thơ cũng có nhiều vấn đề cần phải được xem xét. Nói tiếp nhận văn chương là nói đến việc đọc tác phẩm văn chương nhưng việc đọc không phải chỉ là có hay không đọc mà còn là đọc như thế nào và mức độ tiếp nhận đối với tác phẩm văn chương đã đọc ra sao. Ở đây cũng cần phải có sự phân biệt giữa việc đọc tác phẩm văn chương với đọc báo và đọc các công

trình khoa học khác. Tác phẩm văn chương là một loại thông báo. Nhưng loại thông báo này khác với loại thông báo của báo chí và các công trình khoa học khác. Thông báo của báo chí và các công trình khoa học khác bằng ngôn ngữ đơn nghĩa, nên người đọc tiếp nhận thông tin một cách trực tiếp. Còn thông báo trong các tác phẩm văn chương lại thuộc về ký hiệu thẩm mỹ. Những thông báo trong các tác phẩm văn chương đều được các nhà văn, nhà thơ mã hóa bằng nghệ thuật. Vì vậy không thể đồng nhất giữa tiếp nhận thông tin trên báo chí và các công trình khoa học khác với tiếp nhận tác phẩm văn chương. Từ đó, chúng ta có thể đi đến một điều là: đặc trưng của tiếp nhận văn chương là người tiếp nhận phải "giải mã" những thông tin mà nhà văn, nhà thơ đã mã hóa trong tác phẩm. Chính vì lẽ đó, khi bàn về việc tiếp nhận các tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại cũng như việc tiếp nhận văn chương nói chung, nhất định không thể bỏ qua yêu cầu tiếp nhận như thế nào và bằng cách nào. Điều này liên quan trực tiếp đến phương pháp tư duy và phương pháp cảm thụ của người tiếp nhận khi đọc tác phẩm văn chương. Có đi vào vấn đề như thế mới có thể kiến giải và luận giải một cách sâu sắc về tình hình tiếp nhận tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại của sinh viên ngữ văn ở Đại học Cần Thơ cũng như sinh viên ngữ văn ở các trường đại học khác trên đất nước ta. Đây là vấn đề liên quan đến tầm đón nhận trong việc tiếp nhận tác phẩm văn chương. Tầm đón nhận này dựa trên cơ sở của trình độ văn hóa cao.

Trình độ văn hóa cao của người đọc, đặc biệt là tầng lớp thanh niên ngày nay là một trong những biểu hiện về sự phát triển của xã hội Việt Nam đương đại. Xã hội càng phát triển cao thì nhu cầu thưởng thức những tác phẩm văn chương càng cao. Nói cách khác, nhu cầu tiếp nhận văn chương của toàn xã hội nói chung và tầng lớp thanh niên nói riêng là rất lớn. Chính vì vậy, công chúng tiếp nhận văn chương đòi hỏi ở các nhà văn, nhà thơ rất nhiều. Nhà văn Pháp Denis Diderot có lần đã nói "*Cuộc sống tiến lên phía trước, nghệ thuật không thể rút lại đằng sau*". Văn chương, nghệ thuật đương đại phải thực sự vươn lên ngang tầm phát triển của cuộc sống. Đó là nhu cầu và cũng là xu thế tất yếu của sự phát triển văn chương theo đúng nghĩa đích thực của nó. Muốn thực hiện được yêu cầu của chính cuộc sống hiện nay đối với văn chương, các nhà văn, nhà thơ phải phát huy cao độ nhiệt tình và tài năng sáng tạo nghệ thuật để viết nên nhiều tác phẩm có sức hấp dẫn lớn, làm say lòng người. Các nhà văn, nhà thơ phải tự xem yêu cầu có những tác phẩm hay và có giá trị là động lực lớn nhất trong sáng tạo của bản thân họ. Có như vậy thì những tác phẩm của họ- những đứa con tinh thần của họ- mới được công chúng người đọc - những bà đỡ- bảo trợ và nuôi dưỡng bằng sự tiếp nhận. Một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến cho tầng lớp

thanh niên như sinh viên ngành ngữ văn Đại học Cần Thơ còn thờ ơ với những tác phẩm văn chương đương đại là bởi những tác phẩm ấy chưa hay, chưa đáp ứng thị hiếu thẩm mỹ của người đọc hiện nay. Để có nhiều tác phẩm văn chương nhanh chóng đến với người đọc, tạo được những khoái cảm thẩm mỹ chân chính cho người đọc, các nhà văn, nhà thơ phải thực sự không ngừng tìm tòi, khám phá cái mới ừng sáng tạo nghệ thuật, đi đầu trong việc đổi mới các thủ pháp nghệ thuật như yêu cầu mà nhà văn hiện thực xuất sắc Nam Cao (1915-1951) đã từng nêu ra trong truyện ngắn "Đời thừa" (1943): *"Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho; văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có"*.

Nếu xem những người tiếp nhận văn chương là những "mẹ nuôi" của mọi tác phẩm văn chương thì các nhà phê bình chính là những "bà đỡ" cho những đứa con tinh thần của nhà văn, nhà thơ. Vai trò của phê bình văn chương hiện nay là rất lớn. Họ rất dễ dàng và nhanh chóng làm "cầu nối" giữa tác phẩm với người đọc. Các nhà phê bình văn chương không chỉ đem đến những thông tin kịp thời về tác phẩm mới mà chính họ còn gợi ra cho người đọc khi cảm nhận, tiếp nhận về giá trị của những tác phẩm ấy. Nên cần phải xây dựng và phát huy vai trò của những nhà phê bình văn chương. Khi văn chương phát triển thì đội ngũ những người làm công tác phê bình văn chương cũng phải nâng cao năng lực cảm thụ, tâm đón nhận để khám phá, phát hiện những giá trị đích thực của các tác phẩm văn chương. Tiếng vang của những tác phẩm văn chương có giá trị hầu hết là do sự phát hiện, khám phá của các nhà phê bình.

Để những tác phẩm văn chương mới đến được với người đọc, đặc biệt là đến với thế hệ trẻ đang ngồi trên ghế nhà trường, đội ngũ các thầy cô giáo dạy văn cũng có một vai trò khá đặc biệt. Bằng lời giảng đầy khám phá, bằng gợi ý đầy phát hiện, thầy cô giáo dạy văn sẽ tạo nên chất xúc tác để cho học sinh và sinh viên học văn háo hức tìm đọc những tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại. Chính đội ngũ các thầy cô giáo dạy văn ở phổ thông cũng như ở bậc đại học sẽ góp phần nâng cao trình độ cảm thụ và tâm đón nhận của học sinh, sinh viên khi tiếp nhận tác phẩm văn chương. Yêu cầu nhà văn, nhà thơ sáng tạo những tác phẩm văn chương đặc sắc phải được thực hiện song cùng với yêu cầu nâng cao trình độ tiếp nhận văn chương của người đọc. Có như vậy thì nhà văn, nhà thơ mới có nhiều bạn "tri âm". Khi nhà văn, nhà thơ có được nhiều bạn "tri âm" thì họ càng phấn khích trong

sáng tác để có nhiều tác phẩm hay hơn, đặc sắc hơn. Đây cũng là một trong những yếu tố cực kỳ quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của nền văn học Việt Nam trong những bước đi sắp tới, đáp ứng cao nhất yêu cầu của cả dân tộc ta- một dân tộc trọng văn và trọng võ và đã dùng văn và võ để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ngày càng phồn vinh./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

-----oOo-----

- 1.K.Marx,F.Engels,V.Lênin (1977), *về văn học và nghệ thuật*, Nxb Sự thật,HN.
- 2.V.Lênin (1977), *Bàn về văn hóa văn học*, Nxb Văn học, HN.
- 3.Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh (1976), *về văn hóa văn nghệ*, Nxb Văn hóa, HN.
- 4.Phan Điệp Anh (thực hiện) (1994), *"Thơ cần mới và hay"*, Văn nghệ, (46), tr.3.
- 5.Vũ Tuấn Anh (1996), *"Quá trình văn học đương đại nhìn từ phương diện thể loại"*, Tạp chí văn học, (9), tr.28-31.
6. Aristote (1964), *Nghệ thuật thơ ca*, Nxb Văn hóa, HN.
- 7.M. Arnaudov (1978), *Tâm lý sáng tạo văn học*, Nxb Văn học, HN.
- 8.M. Bakhtin (1992), *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết*, Trường viết văn Nguyễn Du, HN.
- 9.Nguyễn Bao (1994), *"Để thơ không bị thờ ơ"*, Văn nghệ, (31), tr.5.
- 10.A. Botsarov (1988), *Cuộc tìm tòi vô tận*, Nxb Tác phẩm mới, HN.
- 11.Iu.B.Bôrep (1974), *Những phạm trù mỹ học cơ bản*, Trường Đại học tổng hợp, HN.
- 12.Bùi Văn Ba (191S), *Thường thức lý luận văn học*, Nxb Giáo dục, HN.
- 13.Hà Chuyên (1992), *Thẩm mỹ học của văn hóa Việt Nam hiện đại*, Nxb Tư tưởng - Văn hóa, HN.
- 14.Cù Huy Chử (1995), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn học và mỹ học*, Nxb Chính trị Quốc gia, HN.
- 15.Nguyễn Văn Dân (1999), *Nghiên cứu văn học Lý luận và ứng dụng*, Nxb Giáo dục, HN.
- 16.Hồng Diệu (1997), *"về cái gọi là lạm phát thơ"*, Văn nghệ, (14), tr.4.
- 17.Trương Đăng Dung (2001), *"Tác phẩm văn học như là quá trình"*, Tạp chí văn học nước ngoài, (3), tr. 189-199.
- 18.Nguyễn Văn Đại (2002), *Mỹ học Mác - Lênin*, Nxb Chính trị Quốc gia, HN.

19. Phan Cự Đệ (1978), *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, HN.
20. Lam Điền (2005), *"Người đọc đang chờ đợi gì ở các nhà văn?"*, Tuổi trẻ, (54), tr.12.
21. Hà Minh Đức (1982), *Marx, Engels, Lênin và một số vấn đề lý luận văn học*, Nxb Sự thật, HN.
22. Hà Minh Đức (Chủ biên) (1995), *Lý luận văn học*, Nxb Giáo dục, HN.
23. Hà Minh Đức, Trương Đăng Dung, Phan Trọng Thuồng (Chủ biên) (2001), *Những vấn đề lý luận và lịch sử văn học*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
24. B.A. Erenross (1984), *Mỹ học - khoa học kỳ diệu*, Nxb Văn học, HN.
25. J. Frérille (1962), *Marx, Engels, Lênin và văn học nghệ thuật*, Nxb Sự thật, HN.
26. Đỗ Xuân Hà (1997), *Giáo dục thẩm mỹ, món nợ lớn đối với thế hệ trẻ*, Nxb Giáo dục, HN.
27. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (Chủ biên) (1992), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, HN.
28. Nguyễn Văn Hạnh (1979), *Suy nghĩ về văn học*, Nxb Văn học, HN.
29. Nguyễn Văn Hạnh, Huỳnh Như Phương (1995), *Lý luận văn học - vấn đề và suy nghĩ*, Nxb Giáo dục.
30. Lý Trạch Hậu (2002), *Bốn bài giảng mỹ học*, Đại học Quốc gia Hà Nội, HN.
31. G.W.F. Hegel (1996), *Mỹ học : những văn bản chọn lọc*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
32. Trần Ngọc Hiên (2003), *"Lịch sử nội dung khái niệm toàn cầu hóa"- Toàn cầu hóa và tác động đối với sự hội nhập của Việt Nam*, Nxb Thế giới.
33. Đỗ Đức Hiểu (1993), *Đổi mới phê bình văn học*, Nxb Khoa học xã hội.
34. Bành Hoa, Triệu Kính Lập (2002), *Kim Dung cuộc đời và tác phẩm*, Nxb Trẻ.
35. Denis Huisman (1999), *Mỹ học*, Nxb Thế giới, HN.
36. Đỗ Huy (2000), *Mỹ học, khoa học về các quan hệ thẩm mỹ*, Nxb Khoa học xã hội, HN.

37. Nguyễn Văn Huyền, Đỗ Huy, Nguyễn Ngọc Thu (2001), *Văn hóa thẩm mỹ và sự phát triển con người Việt Nam trong thế kỷ mới*, Nxb Văn hóa, HN.
38. Mai Hương, (1993), "*Nhìn lại văn xuôi 1992*", Tạp chí Văn học, (3), tr.27-35.
39. H.R. Jauss (2002), "*Lịch sử văn học như là sự khiêu khích đối với khoa học văn học*", Tạp chí Văn học nước ngoài, (1), tr.71-112.
40. Đỗ Văn Khang (2002), *Mỹ học đại cương*, Nxb Đại học Quốc gia, HN.
41. M. Khrapchenko (1978), *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển văn học*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
42. M. Khrapchenko (1984), *Sáng tạo nghệ thuật, hiện thực, con người*, 2 tập, Nxb Khoa học xã hội, HN.
43. Lê Đình Kỵ (1984), *Tìm hiểu văn học*, Nxb TP.HCM.
44. Đông La (2001), *Biên độ của trí tưởng tượng*, Nxb Văn học, HN.
45. Hoài Lam (1979), *Tìm hiểu mỹ học Marx - Lênin*, Nxb Văn hóa, HN.
46. Nguyễn Trường Lịch (2002), *Con mắt tiếp nhận văn chương*, Nxb Văn học, HN.
47. I.U. Lukin, V.C. Skacherersicov (1984), *Nguyên lý mỹ học Mác- Lênin*, Nxb Sách giáo khoa Mác- Lênin.
48. Phương Lựu (Chủ biên) (1986- 1988), *Lý luận văn học*, 3 tập, Nxb Giáo dục, HN.
49. Phương Lựu (2004), *Lý luận phê bình văn học*, Nxb Đà Nẵng.
50. Trần Lưu Ly (dịch) (2000), "*Kim Dung và cuộc chiến giữa hai trào lưu văn học Trung Hoa?*", Văn nghệ, (13), tr.11.
51. Nguyễn Đăng Mạnh (1994), *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*, Nxb Giáo dục, HN.
52. Lê Thành Nghị (1996), *Văn học sáng tạo và tiếp nhận: tiểu luận và phê bình*, Nxb Quân đội nhân dân, HN.
53. Tuyết Ngân (2001), "*Tiểu thuyết- thể loại thách thức nhà văn trẻ*", Văn nghệ, (9), tr.3.
54. Phùng Quý Nhâm (2002), *Văn học và văn hóa từ một góc độ nhìn*, Nxb Văn học.

55. Hoàng Xuân Nhị (1985), *Chống tư tưởng tư sản phản động hiện đại trong mỹ học và văn học*, Trường Đại học và trung học chuyên nghiệp.
56. M. R. Obsialnicov (2001), *Mỹ học cơ bản và nâng cao*, Nxb Văn hóa thông tin.
57. Huỳnh Như Phương (1986), *Dẫn vào tác phẩm văn chương*, Trường Đại học tổng hợp TP.HCM.
58. Huỳnh Như Phương (2005), "*Mấy công trình lý luận văn học xuất bản ở Nga 5 năm gần đây*", Tạp chí Văn học, (1), tr.55-66.
59. Vũ Quần Phương (1995), "*Nhìn lại tiến trình thơ hiện đại*", Năn nghệ, (47), tr.3.
60. Vũ Phương (1998), "*Thử cắt nghĩa về sự chững lại của tiểu thuyết*", Văn nghệ quân đội, (Phụ san số 1), tr.11.
61. Nguyễn Thanh Sơn (2000), "*Tương lai của văn hóa đọc*", Văn nghệ, (1), tr.3.
62. Từ Sơn (1990), "*Nghĩ về công chúng văn học của chúng ta hiện nay*", Tạp chí văn học, (4), tr.30-41.
63. Trần Đình Sử (1993), *Giáo trình thi pháp học*, Trường Đại học Sư phạm TP. HCM.
64. Trần Đình Sử (1996), *Lý luận và phê bình văn học*, Nxb Hội Nhà văn, HN.
65. Trần Đình Sử (2003), "*Độc hiểu văn bản- một khâu đột phá trong nội dung và phương pháp dạy văn hiện nay*", Văn nghệ, (31), tr.3.
66. Hoài Thanh, Hoài Chân (1992), *"Một thời đại trong thi ca"*, Thi nhân Việt Nam, Nxb Văn học, HN.
67. Quốc Thanh (thực hiện) (2005), "*Đúng là nguy thật*", Tuổi trẻ, (158), tr.10.
68. Vũ Duy Thông (2005), "*Thông tin đại chúng trong xu thế toàn cầu hóa*", Tạp chí cộng sản, (725), tr.37-43.
69. Bùi Bình Thi (1997), "*Văn hóa xem và văn hóa đọc*", Văn nghệ, (39), tr.3.
70. L. I. Timofiev (1962), *Nguyên lý lý luận văn học*, Nxb Văn hóa, HN.
71. Chu Quang Tiềm (1991) *Tâm lý văn nghệ- Mỹ học hiện đại* Nxb TP.HCM.
72. P. S. Torofiev (1962), *Phê phán những khuynh hướng chủ yếu trong nghệ thuật và mỹ học phản động tư sản hiện đại*, Nxb Sự thật, HN.

73. Lê Ngọc Trà, Lâm Vinh (1984), *Đi tìm cái đẹp*, Nxb TP.HCM.
74. Lê Ngọc Trà (Chủ biên), Lâm Vinh, Huỳnh Như Phương (1994), *Mỹ học đại cương*, Nxb Văn hóa thông tin.
75. Hoàng Trinh (Chủ biên) (1986), *Văn học, cuộc sống, nhà văn*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
76. Hoàng Trinh (1992), *Từ ký hiệu học đến thi pháp học*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
77. Hoàng Trinh (1996), *Văn hóa dân tộc trong quá trình mở cửa ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, HN.
78. Vương Anh Tuấn (1990), "Xung quanh việc tiếp nhận văn học hiện nay", Tạp chí văn học, (6), tr. 10-15.
79. Sơn Tùng (1971), "Đời sống, nhà văn, tác phẩm, bạn đọc", Tạp chí văn học, (5), tr.101-116.
80. Ông Văn Tùng (1999), "Trông người lại nghĩ...", Văn nghệ, (31), tr.3.
81. Phó Thiên Tùng (dịch) (2000), "Những tác phẩm mộng tình của Quỳnh Dao và Hoàn Châu Cách Cách", Văn nghệ trẻ, (2), tr. 12.
82. Phùng Văn Tửu (1971), "Ý nghĩa khách quan của tác phẩm văn học", Tạp chí văn học, (6), tr.122- 130.
83. Huỳnh Vân (1990), "Nhà văn, bạn đọc và hàng hóa sách hay văn học và sự dị trị", Tạp chí văn học, (6), tr.10- 15.
84. Huỳnh Vân (1990), "Quan hệ văn học hiện thực và vấn đề tác động , tiếp nhận và giao tiếp thẩm mỹ", Văn học và hiện thực, Nxb Khoa học xã hội, HN, tr.200-228
85. Lâm Vinh, Phùng Quý Nhâm (1994), *Tiếp cận văn học*, Trường Đại học Sư phạm TP.HCM.
86. Lâm Vinh (1997), *về cái đẹp- nghệ thuật- về con người*, Trường Đại học sư phạm TP.HCM.
87. L. Vugoski (1981), *Tâm lý học nghệ thuật*, Nxb Khoa học xã hội, HN.
88. Các khái niệm và thuật ngữ của các trường phái nghiên cứu văn học ở Tây Âu và Hoa Kỳ thế kỷ XX (2002), Nxb Đại học Quốc gia, HN.

89. *Diễn đàn "Người đọc đang chờ đợi gì ở các nhà văn?"* (2005), Tuổi trẻ, (83), tr.12.
90. *Số phận của tiểu thuyết* (1983), Nxb Tác phẩm mới, HN.
91. *"Thơ vào thập kỷ 90 - chất lượng và bạn đọc"* (1990), Phụ bản báo Văn nghệ, (7), tr.2.
92. *"Thơ ca và bạn đọc"* (2002), Phụ bản Văn nghệ, (7), tr.24.
93. *"Thơ: vấn đề và quan niệm"* (1999), Văn nghệ, (15), tr.3.
94. *Từ trong di sản* (1988), Nxb Tác phẩm mới, HN.
95. *Văn học nghệ thuật và sự tiếp nhận* (1991), Viện Thông tin - Khoa học xã hội, HN.
96. Trang web: <http://www.hanoi.vnn.vn/>

PHẦN PHỤ LỤC

NHỮNG CÂU HỎI KHẢO SÁT VỀ SỰ TIẾP NHẬN VĂN HỌC VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI.

- Họ và tên sinh viên:Nam ☐ hay Nữ ☐

- Chuyên ngành đang học:.....

- Khóa học:.....

Phần câu hỏi:

1 .Sở thích của bạn là gì?

Xem phim ☐ Đọc sách ☐ Chơi thể thao ☐ Chơi games ☐

2.Bạn đọc sách ở đâu?

ở thư viện ☐ Ở nhà ☐ Ở các quầy sách ☐

3.Trung bình mỗi năm, bạn đọc mấy cuốn sách văn học ?

.....
.....

4. Bạn hãy kể tên một số tác phẩm văn chương mới được xuất bản gần đây nhất mà bạn đã đọc?

.....
.....

5.Bạn có hay đọc các tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại (từ 1986 đến nay) không ?

Có ☐ Không ☐

6.Là một sinh viên học văn (hoặc các ngành khác nhưng yêu văn), bạn thích đọc tác phẩm thuộc thể loại nào (thơ hay kịch bản, hay ký, hay tiểu thuyết hay truyện ngắn) ?

Thơ ☐ Kịch bản ☐ Ký ☐ Tiểu thuyết ☐ Truyện ngắn ☐

7.Trong những tác phẩm văn học Việt Nam đương đại (từ 1986 đến nay) mà bạn đã

học (hay đã đọc), bạn thích tác phẩm nào nhất ? (Ghi rõ nhan đề tác phẩm)

a/Về thơ?.....

b/Về kịch bản?

c/Về ký ?.....

d/ Về truyện ngắn?

e/Về tiểu thuyết ?

8.Bạn hãy nói rõ lý do tại sao bạn thích tác phẩm ấy?

a/ Vì cốt truyện hay? ☐

b/Vì cảm xúc đẹp? ☐

c/Vì những sáng tạo độc đáo về nghệ thuật? ☐

d/ Vì những khám phá mới mẻ của nhà văn, nhà thơ về đề tài, về chủ đề ☐

e/ Vì tác phẩm thực sự mang đậm dấu ấn cá tính sáng tạo của nhà văn, nhà thơ ☐

f/Vì chức năng giáo dục cao của tác phẩm? ☐

g/Vì tác phẩm đề cập đến những vấn đề lớn của dân tộc, của thời đại, hoặc một vấn đề nào đấy mà bạn đang quan tâm? ☐

h/Tác phẩm giúp bạn "giải" được một "bài toán" của cuộc đời? ☐

9.Theo ý của bạn, thế nào là một tác phẩm hay? (Bạn tự nêu ra những tiêu chuẩn định giá)

.....

.....

10. Những tác phẩm của nền văn học Việt Nam đương đại có đáp ứng được phần nào nhu cầu thưởng thức của bạn không? (Nếu có, vì sao?, nếu không, vì sao?)

.....

.....

11.Trong các tác phẩm văn chương đương đại của Việt Nam vấn đề gì làm bạn cảm thấy thích thú nhất? Tại sao?

.....
.....

12.Trong nền văn học đương đại, bên cạnh những tác phẩm hùng hực hơi thở của thực tại cuộc sống đương đại, còn có những tiểu thuyết lịch sử (có độ lùi thời gian xa) và những tiểu thuyết viết về hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (có độ lùi thời gian gần). Bạn thích những tác phẩm viết về đề tài nào hơn?

a/Đề tài đương đại ☐

b/ Đề tài lịch sử ☐

c/Đề tài chiến tranh cách mạng ☐

Vì sao bạn lại thích đề tài đó?:

.....
.....

13.Trong số những nhà văn Việt Nam đương đại, nhà văn nào để lại ấn tượng sâu sắc nhất đối với bạn? Vì sao?

.....
.....

14. Bạn hãy cho biết nhà thơ Việt Nam nào mà bạn yêu thích nhất ? Vì sao?

.....
.....

15.Sự đa dạng về phong cách thể hiện của các nhà văn đương đại đã góp phần làm cho "bộ mặt" của văn chương đương đại Việt Nam thêm phong phú. Bạn có đồng ý với nhận định ấy không?

Có ☐ Không ☐

16.Thu hoạch của bạn sau khi đọc các tác phẩm văn học Việt Nam đương đại là gì?

.....
.....

17. Bạn có cho rằng những cây bút văn chương Việt Nam đương đại đang mở ra cho độc giả một con đường tiếp nhận mới không? Vậy điểm mới ấy là gì?

.....
.....

18. Theo bạn, truyện ngắn Việt Nam đương đại có được thể mạnh nào? Truyện ngắn của nhà văn đương đại nào là hay nhất?

.....
.....

19. Là một sinh viên yêu thích văn chương, bạn hãy thử phân chia các khuynh hướng sáng tạo của những nhà văn, nhà thơ đương đại Việt Nam (Thí dụ: khuynh hướng "về nguồn", khuynh hướng bám sát thực tại cuộc sống đương đại, khuynh hướng chạy theo thị hiếu tầm thường của độc giả,...)

.....
.....

20. Theo bạn, văn chương Việt Nam đương đại đã đạt được những thành tựu cơ bản nào và còn những hạn chế gì? Vì sao?

.....
.....

21. Những đóng góp cần ghi nhận của các nhà văn, nhà thơ đương đại cho nền văn chương Việt Nam đương đại?

.....
.....

22. Bạn có thể đề xuất một số ý kiến đối với các nhà văn, nhà thơ đương đại trong việc nâng cao chất lượng sáng tác để đáp ứng yêu cầu của người đọc hiện nay không?

.....
.....

23. Bạn có đọc các tác phẩm văn chương nước ngoài không? Nếu có thì bạn thích văn

chương của châu lục nào, nước nào hơn? Tại sao?

.....
.....

24.Trong số các nhà văn, nhà thơ nước ngoài mà bạn đã có dịp đọc tác phẩm của họ, bạn yêu thích nhất nhà văn, nhà thơ nào? Vì sao?

.....
.....

25. Bạn và những người bạn của bạn có thích xem tiểu thuyết tình yêu của Quỳnh Dao và tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung không? Vì sao?

.....
.....

26.Tại sao sinh viên hiện nay lại tỏ ra thờ ơ "lạnh nhạt" đối với các tác phẩm văn chương đương đại? Theo bạn, lý do nào sau đây đã tạo nên thực tế ấy?

- | | |
|--------------------------------------|--------------------------|
| a/Khó hiểu | ☐ |
| b/Giá sách đắt | ☐ |
| c/Không thích đọc những tác phẩm này | ☐ |
| d/Lý do khác | ☐ |

27.Bạn thích loại tiểu thuyết nào nhất?

- | | |
|-----------------------------------|--------------------------|
| a/Tiểu thuyết lịch sử | ☐ |
| b/Tiểu thuyết tâm lý xã hội | ☐ |
| c/Tiểu thuyết trinh thám- hình sự | ☐ |

28.Bạn có cho rằng phê bình văn học là một mảng rất quan trọng trong việc góp phần định hướng thị hiếu thẩm mỹ cho độc giả cũng như hướng độc giả đến tầm đón nhận mới không?

.....
.....

29. Bạn hãy cho biết chủ kiến của bạn : có nên đưa tác phẩm đương đại Việt Nam vào sách giáo khoa môn ngữ- văn để dạy và học không?

.....

.....

30.Nếu đưa, bạn sẽ chọn tác phẩm văn chương đương đại nào trong nền văn học Việt Nam?

.....

.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn bạn đã tham gia cùng với chúng tôi!